

Số: 4202/QĐ-ĐHCT

Cần Thơ, ngày 29 tháng 8 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

Điều chỉnh, bổ sung tiêu chuẩn, định mức sử dụng máy móc, thiết bị chuyên dùng thuộc lĩnh vực giáo dục và đào tạo tại Trường Đại học Cần Thơ

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC CẦN THƠ

Căn cứ Luật Giáo dục đại học số 08/2012/QH13 ngày 18 tháng 6 năm 2012 của Quốc hội và Luật số 34/2018/QH14 ngày 19 tháng 11 năm 2018 của Quốc hội sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học;

Căn cứ Luật Quản lý, sử dụng tài sản công số 15/2017/QH14 ngày 21 tháng 6 năm 2017 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 64/2020/QH14, Luật số 07/2022/QH15, Luật số 24/2023/QH15, Luật số 31/2024/QH15, Luật số 56/2024/QH15, Luật số 90/2025/QH15;

Căn cứ Nghị định số 186/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2025 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công;

Căn cứ Quyết định 15/2025/QĐ-TTg ngày 14 tháng 6 năm 2025 của Thủ tướng Chính phủ quy định tiêu chuẩn, định mức sử dụng máy móc, thiết bị;

Căn cứ Thông tư số 16/2019/TT-BGDĐT ngày 04 tháng 10 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc hướng dẫn tiêu chuẩn, định mức sử dụng máy móc, thiết bị chuyên dùng thuộc lĩnh vực giáo dục và đào tạo;

Căn cứ Quyết định số 5899/QĐ-ĐHCT ngày 28 tháng 12 năm 2021 của Hiệu trưởng Trường Đại học Cần Thơ về việc ban hành Quy chế quản lý, sử dụng tài sản công tại Trường Đại học Cần Thơ;

Căn cứ Quyết định số 951/QĐ-ĐHCT ngày 22 tháng 3 năm 2024 của Hiệu trưởng Trường Đại học Cần Thơ ban hành tiêu chuẩn, định mức sử dụng máy móc, thiết bị chuyên dùng thuộc lĩnh vực giáo dục và đào tạo tại Trường Đại học Cần Thơ (Quyết định số 951/QĐ-ĐHCT ngày 22 tháng 3 năm 2024);

Căn cứ hồ sơ trình thẩm định, phê duyệt đề nghị điều chỉnh, bổ sung tiêu chuẩn, định mức sử dụng máy móc, thiết bị chuyên dùng thuộc lĩnh vực giáo dục và đào tạo tại Trường Đại học Cần Thơ;

Căn cứ Công văn số 3993/BGDĐT-KHTC ngày 16 tháng 7 năm 2025 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc điều chỉnh, bổ sung tiêu chuẩn, định mức sử dụng máy móc, thiết bị chuyên dùng;

Theo đề nghị của ông Trưởng Phòng Phát triển cơ sở vật chất và dự án.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Điều chỉnh, bổ sung tiêu chuẩn, định mức sử dụng máy móc, thiết bị chuyên dùng thuộc lĩnh vực giáo dục và đào tạo tại Trường Đại học Cần Thơ (chi tiết theo Phụ lục đính kèm) đã được ban hành tại Quyết định số 951/QĐ-ĐHCT ngày 22 tháng 3 năm 2024 của Hiệu trưởng Trường Đại học Cần Thơ.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký và là bộ phận không tách rời của Quyết định số 951/QĐ-ĐHCT ngày 22 tháng 3 năm 2024 của Hiệu trưởng Trường Đại học Cần Thơ.

Điều 3. Trưởng các đơn vị: Phòng Phát triển cơ sở vật chất và dự án, Phòng Kế hoạch và Tài chính, Văn phòng Trường và Trưởng các đơn vị thuộc và trực thuộc Trường Đại học Cần Thơ chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ Giáo dục và Đào tạo (để báo cáo);
- Đảng ủy (để báo cáo);
- Hội đồng trường (để báo cáo);
- Các đơn vị trong Trường (để thực hiện);
- Cổng thông tin điện tử (để đăng tin);
- Lưu: VT, CSVC&DA.

HIỆU TRƯỞNG



Trần Trung Tính

Phụ lục

ĐIỀU CHỈNH, BỔ SUNG TIÊU CHUẨN, ĐỊNH MỨC SỬ DỤNG MÁY MÓC, THIẾT BỊ CHUYÊN DỤNG THUỘC LĨNH VỰC GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO TẠI TRƯỜNG ĐẠI HỌC CẦN THƠ

(Kèm theo Quyết định số 4202/QĐ-ĐHCT, ngày 29 tháng 8 năm 2025 của Hiệu trưởng Trường Đại học Cần Thơ)

TT	Danh mục máy móc, thiết bị	Đơn vị tính	Số lượng TCĐM(*) đã ban hành theo QĐ 951	Số lượng TCĐM(*) điều chỉnh tăng, giảm, bổ sung	Số lượng TCĐM(*) sau khi cập nhật điều chỉnh, bổ sung	Nội dung điều chỉnh, bổ sung so với TCĐM(*) đã ban hành theo QĐ 951	Ghi chú
(a)	(b)	(c)	(d)	(đ)	(e)=(d)+(đ)	(h)	(i)
I	Trường Bách khoa			x			
3	PTH Quá trình & Thiết bị Công nghệ hóa học			x			
B3.20	Cân phân tích 02 số lẻ	Cái		2	2	Bổ sung mới	
B3.21	Máy cất nước 01 lần	Cái		2	2	Bổ sung mới	
4	PTN Công nghệ vật liệu			x			
B4.51	Máy quang phổ hồng ngoại	Cái		2	2	Bổ sung mới	
5	PTN Vật liệu Y sinh			x			
5.2	Cân 4 số	Cái	1	1	2	Tăng thêm 01	
5.3	Bể rửa siêu âm	Cái	1	1	2	Tăng thêm 01	
5.4	Lò nung nhiệt độ 1500 oC	Cái	1	1	2	Tăng thêm 01	
5.5	Máy đo pH	Cái	1	1	2	Tăng thêm 01	
5.7	Máy đồng hóa cơ	Cái	2	3	5	Tăng thêm 03	
5.8	Máy khuấy từ gia nhiệt	Cái	3	3	6	Tăng thêm 03	
5.11	Micropipette 1 kênh	Cái	3	2	5	Tăng thêm 02	
5.12	Micropipette 8 kênh	Cái	1	2	3	Tăng thêm 02	
5.15	Thiết bị đo độ nhớt	Cái	1	1	2	Tăng thêm 01	
B5.16	Tủ nuôi cấy vi sinh	Cái		1	1	Bổ sung mới	
B5.17	Thiết bị cô quay chân không	Cái		1	1	Bổ sung mới	
B5.18	Thiết bị đo sức căng bề mặt	Cái		1	1	Bổ sung mới	
B5.19	Máy ly tâm lạnh	Cái		1	1	Bổ sung mới	
B5.20	Máy nước cất	Cái		1	1	Bổ sung mới	
6	PTN Nano điện hóa			x			
B6.13	Bộ chuyển đổi từ hình ảnh SEM sang phân tích EDS (cho thiết bị SEM-Model: JCM 7000, JOEL, Japan)	Bộ		1	1	Bổ sung mới	
B6.14	Máy ly tâm tốc độ cao (24000 rpm)	Cái		1	1	Bổ sung mới	
B6.15	Thiết bị điện hóa đa năng Modular (Metrohm, Autolab/NOVA2)	Bộ		1	1	Bổ sung mới	
B6.16	Máy đo UV-vis-NIR (Phổ tử ngoại-khả kiến-cận hồng ngoại: UV-Visible/NIR Spectrophotometer UH5700)	Bộ		1	1	Bổ sung mới	
7	PTN Vật liệu tiên tiến			x			
7.5	Lò nung	Cái	2	-1	1	Giảm 01	
7.7	Máy bơm ống tiêm điện	Cái	2	-1	1	Giảm 01	
7.8	Máy khuấy từ	Cái	4	-2	2	Giảm 02	
7.9	Máy lắc	Cái	1	3	4	Tăng thêm 03	
B7.20	Máy đo góc tiếp xúc	Bộ		1	1	Bổ sung mới	
B7.21	Phún xạ (sputtering)	Bộ		1	1	Bổ sung mới	
B7.22	physical vapor deposition (PVD)	Bộ		1	1	Bổ sung mới	
B7.23	Chemical vapor deposition (CVD)	Bộ		1	1	Bổ sung mới	
B7.24	Máy Trộn ly tâm hành tinh	Cái		1	1	Bổ sung mới	

TT	Danh mục máy móc, thiết bị	Đơn vị tính	Số lượng TCĐM(*) đã ban hành theo QĐ 951	Số lượng TCĐM(*) điều chỉnh tăng, giảm, bổ sung	Số lượng TCĐM(*) sau khi cập nhật điều chỉnh, bổ sung	Nội dung điều chỉnh, bổ sung so với TCĐM(*) đã ban hành theo QĐ 951	Ghi chú
(a)	(b)	(c)	(d)	(đ)	(e)=(d)+(đ)	(h)	(i)
B7.25	Tủ sấy chân không	Bộ		1	1	Bổ sung mới	
B7.26	Máy cất nước	Cái		1	1	Bổ sung mới	
B7.27	Thiết bị cô quay chân không	Bộ		1	1	Bổ sung mới	
B7.28	Máy nghiền	Cái		1	1	Bổ sung mới	
B7.29	Cân sấy ẩm	Cái		1	1	Bổ sung mới	
B7.30	Máy quang phổ huỳnh quang tia X	Bộ		1	1	Bổ sung mới	
B7.31	Nhiều xạ tia X	Bộ		1	1	Bổ sung mới	
B7.32	Hệ thống đo BET (Surface Area Analyzer)	Bộ		1	1	Bổ sung mới	
B7.33	Tủ âm lạnh	Cái		1	1	Bổ sung mới	
B7.34	Máy Phổ UV-Vis	Bộ		1	1	Bổ sung mới	
B7.35	Kính hiển vi điện tử truyền qua (Transmission electron microscopy)	Bộ		1	1	Bổ sung mới	
8	PTN Vật liệu Polymer			x			
8.3	Cân phân tích 4 số lẻ	Cái	1	1	2	Tăng thêm 01	
8.5	Đèn UV	Cái	1	1	2	Tăng thêm 01	
8.6	Kính hiển vi huỳnh quang	Cái	1	2	3	Tăng thêm 02	
8.9	Máy khuấy từ gia nhiệt	Cái	4	1	5	Tăng thêm 01	
8.10	Tủ hút hóa chất	Bộ	1	1	2	Tăng thêm 01	
8.11	Tủ trữ hóa chất	Bộ	1	1	2	Tăng thêm 01	
8.12	Thanh siêu âm để phân tán hệ nano	Bộ	1	1	2	Tăng thêm 01	
B8.16	pH kế điện tử	Cái		2	2	Bổ sung mới	
B8.17	Thiết bị đo độ dẫn điện	Bộ		1	1	Bổ sung mới	
B8.18	Tủ môi trường	Cái		1	1	Bổ sung mới	
B8.19	Thiết bị lắng đọng hơi hóa học	Hệ		1	1	Bổ sung mới	
B8.20	Hệ chụp quét cấu trúc 3D semiconductor packaging (XRM)	Hệ		1	1	Bổ sung mới	
B8.21	Công nghệ in UV tiên tiến (Advanced SMART PRINT UV System - UV lithography)	Hệ		1	1	Bổ sung mới	
B8.22	Thiết bị đo độ dẫn nhiệt	Cái		1	1	Bổ sung mới	
B8.23	Thiết bị phủ mẫu (spin coater)	Cái		1	1	Bổ sung mới	
B8.24	Tủ thao tác bán dẫn (glove box)	Hệ		1	1	Bổ sung mới	
B8.25	Thiết bị làm sạch bằng plasma	Cái		1	1	Bổ sung mới	
B8.26	Thiết bị lắng đọng hơi vật lý (PVD)	Hệ		1	1	Bổ sung mới	
B8.27	Thiết bị Raman	Cái		1	1	Bổ sung mới	
B8.28	Thiết bị phân tích nhiệt vi sai	Cái		1	1	Bổ sung mới	
9	PTN Vật liệu composite			x			
9.2	Cân điện tử	Cái	2	-1	1	Giảm 01	
9.7	Máy phân tích ẩm	Cái	2	-1	1	Giảm 01	
9.9	Tủ sấy	Cái	2	-1	1	Giảm 01	
9.10	Tủ sấy chân không	Cái	2	-1	1	Giảm 01	
B9.12	Bể điều nhiệt	Cái		1	1	Tăng thêm 01	
B9.13	Máy ly tâm lạnh	Cái		1	1	Tăng thêm 01	
B9.14	Micro pipette 20-200 uL	Cái		1	1	Tăng thêm 01	
B9.15	Micro pipette 0,5-10 uL	Cái		1	1	Tăng thêm 01	
B9.16	Máy khuấy từ gia nhiệt	Cái		4	4	Tăng thêm 04	
10	PTN Vật liệu năng lượng			x			
10.1	Cân 2 số	Cái	1	2	3	Tăng thêm 02	
10.7	Máy khuấy từ gia nhiệt	Cái	3	3	6	Tăng thêm 03	
10.8	Máy ly tâm	Cái	1	3	4	Tăng thêm 03	
B10.12	Bể siêu âm	Cái		1	1	Bổ sung mới	
B10.13	Máy đo pH	Cái		1	1	Bổ sung mới	
11	PTN Ứng dụng kỹ thuật hóa học			x			
11.1	Bộ Micropipette	Bộ	2	2	4	Tăng thêm 02	

TT	Danh mục máy móc, thiết bị	Đơn vị tính	Số lượng TCĐM(*) đã ban hành theo QĐ 951	Số lượng TCĐM(*) điều chỉnh tăng, giảm, bổ sung	Số lượng TCĐM(*) sau khi cập nhật điều chỉnh, bổ sung	Nội dung điều chỉnh, bổ sung so với TCĐM(*) đã ban hành theo QĐ 951	Ghi chú
(a)	(b)	(c)	(d)	(d)	(e)=(d)+(đ)	(h)	(i)
11.3	Lò nung	Cái	2	1	3	Tăng thêm 01	
11.6	Máy đo pH	Cái	3	1	4	Tăng thêm 01	
11.9	Máy khuấy từ	Cái	6	2	8	Tăng thêm 02	
11.12	Máy lắc ầm	Cái	1	1	2	Tăng thêm 01	
11.17	Máy rửa siêu âm	Cái	2	2	4	Tăng thêm 02	
11.20	Tủ sấy	Cái	2	1	3	Tăng thêm 01	
B11.22	Máy khuấy cơ	Cái		2	2	Bổ sung mới	
B11.23	Máy sấy phun	Cái		1	1	Bổ sung mới	
B11.24	Máy nghiền Bột	Cái		2	2	Bổ sung mới	
B11.25	Bể điều nhiệt	Cái		2	2	Bổ sung mới	
B11.26	Máy đo tổng cacbon hữu cơ (TOC)	Cái		1	1	Bổ sung mới	
B11.27	Máy phân tích kích thước hạt, thế zeta và trọng lượng phân tử	Cái		1	1	Bổ sung mới	
B11.28	Máy phá mẫu, phá tế bào bằng sóng siêu âm	Cái		1	1	Bổ sung mới	
B11.29	Lò vi sóng phản ứng hoá học	Cái		1	1	Bổ sung mới	
B11.30	Máy dập viên nén 1 chày	Cái		1	1	Bổ sung mới	
12	PTN Kỹ thuật hóa học tiên tiến			x			
12.1	Bể siêu âm	Cái	1	1	2	Tăng thêm 01	
12.2	Bơm lọc chân không	Cái	1	2	3	Tăng thêm 02	
12.3	Cân điện tử 2 số	Cái	1	2	3	Tăng thêm 02	
12.4	Cân điện tử 4 số	Cái	1	1	2	Tăng thêm 01	
12.7	Máy khuấy cơ	Bộ	2	1	3	Tăng thêm 01	
12.8	Máy đo pH	Cái	1	1	2	Tăng thêm 01	
12.9	Máy đồng hóa siêu âm	Bộ	1	1	2	Tăng thêm 01	
12.11	Máy lắc	Cái	1	1	2	Tăng thêm 01	
12.12	Máy ly tâm	Cái	1	1	2	Tăng thêm 01	
12.13	Máy quang phổ UV-Vis	Bộ	1	1	2	Tăng thêm 01	
12.14	Máy trộn (vortex)	Cái	1	1	2	Tăng thêm 01	
12.15	Micropipette	Cái	5	5	10	Tăng thêm 05	
12.16	Nồi hấp tiệt trùng	Cái	1	1	2	Tăng thêm 01	
12.18	Tủ cấy	Cái	1	1	2	Tăng thêm 01	
12.20	Tủ lạnh	Cái	1	1	2	Tăng thêm 01	
12.21	Tủ sấy	Cái	1	1	2	Tăng thêm 01	
B12.22	Máy đo độ nhớt	Cái		1	1	Bổ sung mới	
B12.23	Máy sấy lạnh đông	Bộ		1	1	Bổ sung mới	
B12.24	Tủ đựng hóa chất, dụng cụ thí	Cái		2	2	Bổ sung mới	
13	PTN Động lực học và điều khiển			x			
B13.16	Thiết bị điều khiển logic lập trình được	Cái		10	10	Bổ sung mới	
B13.17	Thiết bị thu thập dữ liệu cho máy	Cái		5	5	Bổ sung mới	
B13.18	Robot di động	Bộ		2	2	Bổ sung mới	
B13.19	Máy tính nhúng (mini)	Cái		5	5	Bổ sung mới	
B13.20	Cảm biến Lidar	Cái		2	2	Bổ sung mới	
14	PTH CAD/CAM/CNC			x			
14.18	Máy tính để bàn	Cái	20	10	30	Tăng thêm 10	
B14.19	Máy ép nhựa	Cái		2	2	Bổ sung mới	
B14.20	Bộ khuôn ép	Bộ		5	5	Bổ sung mới	
B14.21	Phần mềm CAD/CAM	Bộ		1	1	Bổ sung mới	
16	PTH Kỹ thuật nhiệt			x			
B16.59	Lò nung 1250 oC	Cái		1	1	Bổ sung mới	
B16.60	Tủ lạnh	Cái		1	1	Bổ sung mới	
B16.61	Máy khuấy cơ	Cái		1	1	Bổ sung mới	
18	PTN Máy & Thiết bị Chế biến Lương thực, thực phẩm			x			

TT	Danh mục máy móc, thiết bị	Đơn vị tính	Số lượng TCĐM(*) đã ban hành theo QĐ 951	Số lượng TCĐM(*) điều chỉnh tăng, giảm, bổ sung	Số lượng TCĐM(*) sau khi cập nhật điều chỉnh, bổ sung	Nội dung điều chỉnh, bổ sung so với TCĐM(*) đã ban hành theo QĐ 951	Ghi chú
(a)	(b)	(c)	(d)	(d)	(e)=(d)+(d)	(h)	(i)
B18.40	Tủ đông	Cái		1	1	Bổ sung mới	
21	PTN Cơ lý đất			x			
21.10	Dàn thí nghiệm nén lún	Cái	2	5	7	Tăng thêm 05	
21.15	Máy cắt trực tiếp	Cái	2	2	4	Tăng thêm 02	
21.19	Máy nén 3 trục	Cái	1	1	2	Tăng thêm 01	
21.20	Máy nén khí	Cái	1	1	2	Tăng thêm 01	
B21.36	Thiết bị thí nghiệm modul biến dạng động của nền đất	Cái		2	2	Bổ sung mới	
B21.37	Máy xác định hệ số thấm của đất	Cái		2	2	Bổ sung mới	
B21.38	Máy đo độ bám dính vật liệu	Cái		3	3	Bổ sung mới	
B21.39	Thiết bị cắt cánh hiện trường	Bộ		2	2	Bổ sung mới	
B21.40	Thiết bị kiểm tra độ thấm nước cho vải địa chất	Cái		2	2	Bổ sung mới	
B21.41	Thiết bị kiểm tra lực kéo giặt và độ giãn dài vải địa kỹ thuật	Cái		2	2	Bổ sung mới	
B21.42	Bàn rung và các thiết bị đi kèm - 02 kích thủy lực có khả năng gia tải lớn 100kN - Hệ thống bơm dầu - Hệ thống điều khiển kết nối máy tính cho phép điều khiển tạo rung động theo các dạng xung với biên độ, số lần tác dụng tải mong muốn	Cái		1	1	Bổ sung mới	
B21.43	Máy đo độ đục cầm tay xác định nhanh số lượng hạt lơ lửng trong	Cái		2	2	Bổ sung mới	
B21.44	Thiết bị thu thập và chuyển đổi tín hiệu 24 kênh (230V, 50/60Hz)	Cái		2	2	Bổ sung mới	
B21.45	Phần mềm phân tích dữ liệu thu thập Xi măng- Đất (Gilson)	Cái		1	1	Bổ sung mới	
B21.46	Bàn cân trọng lượng riêng Gilson	Cái		1	1	Bổ sung mới	
B21.47	Thiết bị xác định Trọng lượng tương đối của đất không kết dính ASTM (Matest)	Cái		2	2	Bổ sung mới	
B21.48	Máy phân tích hình dạng và kích thước hạt tự động (Camsizer S1)	Cái		1	1	Bổ sung mới	
B21.49	Thiết bị phân tích thành phần hóa học và hữu cơ của đất	Bộ		2	2	Bổ sung mới	
B21.50	Bộ đo E bằng tấm ép cứng-Thiết bị đo modun đàn hồi	Bộ		2	2	Bổ sung mới	
B21.51	Thiết bị thí nghiệm thử động cọc biến dạng lớn (PDA)	Bộ		2	2	Bổ sung mới	
B21.52	Thiết bị kiểm tra độ toàn vẹn cọc + phân xạ va đập PI8000 (ASTMC1383, D5882)	Bộ		2	2	Bổ sung mới	
B21.53	Thiết bị đo biến dạng dọc trục cọc	Bộ		2	2	Bổ sung mới	
B21.54	Máy phân tích động cọc 4 kênh	Bộ		2	2	Bổ sung mới	
B21.55	Máy kiểm tra chất lượng móng bê tông, dầm cột	Bộ		2	2	Bổ sung mới	
B21.56	Bộ thí nghiệm Bentonite	Bộ		2	2	Bổ sung mới	
B21.57	Thiết bị đo biến dạng nhỏ của cọc (PIT)	Bộ		2	2	Bổ sung mới	

TT	Danh mục máy móc, thiết bị	Đơn vị tính	Số lượng TCĐM(*) đã ban hành theo QĐ 951	Số lượng TCĐM(*) điều chỉnh tăng, giảm, bổ sung	Số lượng TCĐM(*) sau khi cập nhật điều chỉnh, bổ sung	Nội dung điều chỉnh, bổ sung so với TCĐM(*) đã ban hành theo QĐ 951	Ghi chú
(a)	(b)	(c)	(d)	(đ)	(e)=(d)+(đ)	(h)	(i)
B21.58	Bình hút chân không để bảo hòa mẫu trong PTN	Bộ		2	2	Bổ sung mới	
B21.59	Đế từ gá đồng hồ đo	Cái		4	4	Bổ sung mới	
B21.60	Thiết bị xác định giới hạn dẻo hiển thị số	Cái		2	2	Bổ sung mới	
B21.61	Thiết bị đo độ ẩm giới hạn chảy Casagrande hiển thị số	Cái		2	2	Bổ sung mới	
B21.62	Thiết bị đo độ ẩm giới hạn dẻo hiển thị số	Cái		2	2	Bổ sung mới	
B21.63	Máy đo áp suất chân không	Cái		2	2	Bổ sung mới	
B21.64	Thiết bị khoan tạo mẫu đá trong	Cái		2	2	Bổ sung mới	
B21.65	Thiết bị đo áp lực nước lỗ rỗng (piezometer)	Cái		2	2	Bổ sung mới	
B21.66	Máy cắt đá tạo mẫu	Cái		1	1	Bổ sung mới	
B21.67	Load cell S-Type (500kg)	Cái		5	5	Bổ sung mới	
B21.68	Load cell S-Type (300kg)	Cái		3	3	Bổ sung mới	
B21.69	Thiết bị thu dữ liệu tự động ghi nhận dữ liệu	Cái		6	6	Bổ sung mới	
B21.70	Phần mềm mô phỏng phân tử rơi rạc, phân tử hữu hạn cho vật liệu xây dựng (PFC2D, PFC3D, FLAC2D, FLAC3D, Itasca Software)	Bộ		4	4	Bổ sung mới	
B21.71	Máy Scanning Electron Microscope	Bộ		1	1	Bổ sung mới	
B21.72	Hộp cắt	Bộ		3	3	Bổ sung mới	
B21.73	Chày và cối dùng chế bị mẫu đất	Bộ		5	5	Bổ sung mới	
B21.74	Đầu đo chuyển vị (sử dụng cho nhiều máy)	Cái		4	4	Bổ sung mới	
B21.75	Máy thủy bình	Bộ		3	3	Bổ sung mới	
22	PTH Trắc địa			x			
22.2	Máy định vị GPS cầm tay	Bộ	1	3	4	Tăng thêm 03	
22.3	Máy kinh vĩ	Bộ	8	4	12	Tăng thêm 04	
22.4	Máy toàn đạc điện tử	Bộ	9	1	10	Tăng thêm 01	
23	PTN Công trình thủy			x			
23.8	Thiết bị khảo sát tồn thất cục Bộ	Cái	1	1	2	Tăng thêm 01	
23.9	Thiết bị khảo sát tồn thất dọc đường ống	Cái	1	1	2	Tăng thêm 01	
23.10	Thiết bị thí nghiệm Bernoulli	Cái	1	1	2	Tăng thêm 01	
23.11	Thiết bị thí nghiệm bơm	Cái	1	1	2	Tăng thêm 01	
23.12	Thiết bị thí nghiệm các trạng thái chảy	Cái	1	1	2	Tăng thêm 01	
23.13	Thiết bị thí nghiệm khảo sát dòng chảy qua vòi, qua lỗ	Cái	1	1	2	Tăng thêm 01	
23.14	Thiết bị thí nghiệm Reynold	Cái	1	1	2	Tăng thêm 01	
23.15	Thiết bị thí nghiệm thủy tĩnh	Cái	1	1	2	Tăng thêm 01	
24	PTN Vật liệu xây dựng			x			
24.3	Bình tỷ trọng	Cái	3	3	6	Tăng thêm 03	
24.4	Bộ côn thử độ sụt bê tông	Bộ	3	3	6	Tăng thêm 03	
24.7	Bộ dụng cụ vicat	Bộ	3	3	6	Tăng thêm 03	
24.8	Bộ rây sàng cốt liệu lớn	Bộ	2	1	3	Tăng thêm 01	
24.9	Bộ rây sàng cốt liệu nhỏ	Bộ	2	1	3	Tăng thêm 01	
24.10	Cân kỹ thuật độ chính xác 0.01g	Cái	4	2	6	Tăng thêm 02	
24.11	Cân kỹ thuật độ chính xác 1g	Cái	4	2	6	Tăng thêm 02	
24.12	Dụng cụ so ánh chiều dài hiển số	Cái	2	1	3	Tăng thêm 01	

TT	Danh mục máy móc, thiết bị	Đơn vị tính	Số lượng TCĐM(*) đã ban hành theo QĐ 951	Số lượng TCĐM(*) điều chỉnh tăng, giảm, bổ sung	Số lượng TCĐM(*) sau khi cập nhật điều chỉnh, bổ sung	Nội dung điều chỉnh, bổ sung so với TCĐM(*) đã ban hành theo QĐ 951	Ghi chú
(a)	(b)	(c)	(d)	(đ)	(e)=(d)+(đ)	(h)	(i)
24.17	Khuôn mẫu thử nén bê tông 100x100x100	Cái	6	6	12	Tăng thêm 06	
24.18	Khuôn mẫu thử nén bê tông 150x150x150	Cái	6	6	12	Tăng thêm 06	
24.20	Khuôn mẫu vữa đo co ngót	Cái	4	2	6	Tăng thêm 02	
24.22	Lò sấy vật liệu xây dựng	Cái	2	1	3	Tăng thêm 01	
24.25	Máy đo thấm bê tông	Cái	1	1	2	Tăng thêm 01	
24.29	Máy nén bê tông, xi măng 3000/250kN kỹ thuật số tự động	Cái	1	1	2	Tăng thêm 01	
24.34	Máy uốn-nén xi măng 15/50kN kỹ thuật số tự động	Bộ	1	1	2	Tăng thêm 01	
B24.48	Khuôn mẫu bê tông hình trụ	Cái		12	12	Bổ sung mới	
B24.49	Thiết bị nhiễu xạ tia X – XRD	Bộ		1	1	Bổ sung mới	
B24.50	Kính hiển vi điện tử quét SEM	Bộ		1	1	Bổ sung mới	
B24.51	Máy đo tính chống cháy của vật liệu xây dựng	Bộ		1	1	Bổ sung mới	
B24.52	Thiết bị huỳnh quang tia X – XRF	Bộ		1	1	Bổ sung mới	
B24.53	Máy trộn bê tông	Cái		3	3	Bổ sung mới	
B24.54	Thiết bị phân tích hạt tán xạ laser	Bộ		1	1	Bổ sung mới	
B24.55	Thiết bị thu dữ liệu nhiều kênh	Cái		2	2	Bổ sung mới	
B24.56	Bộ dụng cụ xác định khối lượng riêng, KL thể tích và độ hút nước của cốt liệu	Bộ		3	3	Bổ sung mới	
B24.57	Thùng đựng bằng kim loại, hình trụ, kích thước 5 lít	Cái		3	3	Bổ sung mới	
B24.58	Thùng đựng bằng kim loại, hình trụ, kích thước 1 lít	Cái		3	3	Bổ sung mới	
B24.59	Thiết bị độ ẩm cốt liệu hiện trường	Bộ		1	1	Bổ sung mới	
B24.60	Máy vi tính văn phòng	Bộ		2	2	Bổ sung mới	
B24.61	Thiết bị đo độ mịn xi măng-đo tỷ diện Blain	Bộ		1	1	Bổ sung mới	
B24.62	Máy trộn bê tông	Cái		3	3	Bổ sung mới	
B24.63	Tivi	Cái		2	2	Bổ sung mới	
B24.64	Bảng trắng ghi chép có chân di	Cái		1	1	Bổ sung mới	
B24.65	Máy lạnh	Cái		2	2	Bổ sung mới	
25	PTN Kết cấu công trình			x			
25.1	Bộ strain meter cầm tay đo cùng lúc 8 kênh	Bộ	2	2	4	Tăng thêm 01	
25.2	Bơm tay 1 tác động đồng hồ, dây nối	Cái	2	2	4	Tăng thêm 01	
25.4	Dụng cụ bê cốt đai	Bộ	2	2	4	Tăng thêm 02	
25.5	Đồng hồ đo chuyển vị chỉ thị số	Cái	4	2	6	Tăng thêm 02	
25.6	Đồng hồ đo chuyển vị và sensor đo chuyển vị độ chính xác 0,01mm	Cái	4	2	6	Tăng thêm 02	
25.7	Hệ thống căng cáp dự ứng lực	Bộ	1	1	2	Tăng thêm 01	
25.11	Kích thủy lực 10 tấn hành trình 205mm	Cái	2	2	4	Tăng thêm 02	
25.12	Kích thủy lực 30 Tấn bơm điện có bấm tay	Cái	1	1	2	Tăng thêm 01	
25.13	Kính soi vết nứt	Cái	2	2	4	Tăng thêm 02	
25.14	Khớp nối nhanh thủy lực	Cái	2	4	6	Tăng thêm 04	

TT	Danh mục máy móc, thiết bị	Đơn vị tính	Số lượng TCĐM(*) đã ban hành theo QĐ 951	Số lượng TCĐM(*) điều chỉnh tăng, giảm, bổ sung	Số lượng TCĐM(*) sau khi cập nhật điều chỉnh, bổ sung	Nội dung điều chỉnh, bổ sung so với TCĐM(*) đã ban hành theo QĐ 951	Ghi chú
(a)	(b)	(c)	(d)	(đ)	(e)=(d)+(đ)	(h)	(i)
25.15	Load cell 1 Tấn	Cái	3	1	4	Tăng thêm 01	
25.16	Máy điều hòa	Cái	1	1	2	Tăng thêm 01	
25.19	Máy siêu âm bê tông	Bộ	1	1	2	Tăng thêm 01	
25.20	Máy vi tính văn phòng	Bộ	1	1	2	Tăng thêm 01	
25.21	Mô hình thí nghiệm biến dạng trên thanh dầm	Bộ	1	1	2	Tăng thêm 01	
25.22	Sensor đo áp suất 50A	Cái	2	2	4	Tăng thêm 02	
25.23	Sensor đo áp suất 10A	Cái	2	2	4	Tăng thêm 02	
25.24	Súng bật nảy	Cái	2	2	4	Tăng thêm 02	
25.25	Thiết bị chuyển mạch (10 kênh)	Cái	2	2	4	Tăng thêm 02	
25.26	Thiết bị đo ứng xử của cột và thanh giằng	Bộ	1	1	2	Tăng thêm 01	
25.28	Thiết bị kiểm tra cốt thép trong bê tông	Bộ	1	1	2	Tăng thêm 01	
25.29	Thiết bị thu dữ liệu nhiều kênh	Cái	1	1	2	Tăng thêm 01	
25.30	Thiết bị thử ứng suất uốn trong dầm có Bộ thu dữ liệu	Bộ	1	1	2	Tăng thêm 01	
B25.31	Hệ thống thử tải cầu kiện chịu nén	Hệ thống		1	1	Bổ sung mới	
B25.32	Hệ thống khung thử tải có thể gia tải đến 100 Tấn	Hệ thống		1	1	Bổ sung mới	
B25.33	Hệ thống kích gia tải 100 Tấn	Bộ		2	2	Bổ sung mới	
B25.34	Load cell 5 Tấn	Cái		4	4	Bổ sung mới	
B25.35	Hệ thống chụp và xử lý ảnh đo biến dạng, chuyển vị	Bộ		2	2	Bổ sung mới	
B25.36	Máy tính xách tay	Bộ		2	2	Bổ sung mới	
B25.37	Máy in laser	Cái		2	2	Bổ sung mới	
B25.38	Thiết bị kiểm tra lực siết bu lông	Bộ		2	2	Bổ sung mới	
B25.39	Thiết bị thí nghiệm nhỏ neo, bu lông	Bộ		2	2	Bổ sung mới	
B25.40	Thiết bị khoan lấy mẫu bê tông	Bộ		4	4	Bổ sung mới	
B25.41	Súng bắn bê tông hiển thị số	Cái		4	4	Bổ sung mới	
B25.42	Máy đầm bê tông	Cái		4	4	Bổ sung mới	
B25.43	Thiết bị xác định khả năng ăn mòn cốt thép trong kết cấu bê tông	Bộ		2	2	Bổ sung mới	
B25.44	Mô hình dầm thép thí nghiệm	Bộ		2	2	Bổ sung mới	
B25.45	Thiết bị đo dao động	Bộ		2	2	Bổ sung mới	
B25.46	Thiết bị đo biến dạng tĩnh và động đa kênh	Bộ		2	2	Bổ sung mới	
B25.47	Máy thí nghiệm môi tĩnh và động	Bộ		2	2	Bổ sung mới	
B25.48	Công trụ đẩy tay	Bộ		2	2	Bổ sung mới	
B25.49	Bàn máy tính + ghế ngồi	Bộ		4	4	Bổ sung mới	
B25.50	Tủ chứa hồ sơ, thiết bị	Bộ		6	6	Bổ sung mới	
B25.51	Tivi 75 inch	Cái		2	2	Bổ sung mới	
26	PTN Vật liệu xây dựng tiên tiến			x			
B26.41	Dụng cụ so sánh chiều dài hiện số	Cái		2	2	Bổ sung mới	
B26.42	Khuôn mẫu bê tông co ngót	Cái		4	4	Bổ sung mới	
B26.43	Khuôn mẫu vữa đo co ngót	Cái		4	4	Bổ sung mới	
B26.44	Bình Lechatelier	Cái		2	2	Bổ sung mới	
B26.45	Phễu chứa thủy tinh loại 50mm	Cái		2	2	Bổ sung mới	
B26.46	Cốc Thủy Tinh 100ml	Cái		2	2	Bổ sung mới	
B26.47	Bình thủy tinh tam giác 1 lít	Cái		2	2	Bổ sung mới	
B26.48	Thùng đóng bằng kim loại, hình trụ, kích thước 5 lít	Cái		2	2	Bổ sung mới	
B26.49	Thùng đóng bằng kim loại, hình trụ, kích thước 1 lít	Cái		2	2	Bổ sung mới	

TT	Danh mục máy móc, thiết bị	Đơn vị tính	Số lượng TCDM(*) đã ban hành theo QĐ 951	Số lượng TCDM(*) điều chỉnh tăng, giảm, bổ sung	Số lượng TCDM(*) sau khi cập nhật điều chỉnh, bổ sung	Nội dung điều chỉnh, bổ sung so với TCDM(*) đã ban hành theo QĐ 951	Ghi chú
(a)	(b)	(c)	(d)	(d)	(e)=(d)+(d)	(h)	(i)
B26.50	Khuôn đúc bê tông 15x15x15cm	Cái		3	3	Bổ sung mới	
B26.51	Khuôn đúc bê tông 10x10x40cm	Cái		3	3	Bổ sung mới	
B26.52	Khuôn đúc bê tông hình trụ 10x20	Cái		3	3	Bổ sung mới	
B26.53	Cảm biến đo biến dạng (máy nén bê tông)	Cái		2	2	Bổ sung mới	
27	PTH Họa thất			x			
27.4	Bàn giáo viên	Cái	3	3	6	Tăng thêm 03	
27.5	Ghế xoay	Cái	3	3	6	Tăng thêm 03	
27.42	Khung tranh A1	Cái	10	10	20	Tăng thêm 10	
27.43	Khung tranh A3	Cái	10	10	20	Tăng thêm 10	
27.45	Màn hình QLED	Cái	2	2	4	Tăng thêm 02	
27.46	Bộ máy tính để bàn	Bộ	3	3	6	Tăng thêm 03	
27.47	Máy đo khoảng cách	Cái	3	3	6	Tăng thêm 03	
27.48	Máy quay phim cầm tay (bluetooth) kèm chân cố định	Cái	1	1	2	Tăng thêm 01	
B27.49	Tấm lót cắt thủ công tự liền A1	Cái		130	130	Bổ sung mới	
B27.50	Khung treo bản vẽ ghép 3 khung A1	Bộ		12	12	Bổ sung mới	
B27.51	Máy in lazer màu khổ A1 (đồ án, luận văn)	Cái		1	1	Bổ sung mới	
B27.52	Hệ thống máy lạnh	Hệ thống		1	1	Bổ sung mới	
B27.53	Máy nước uống nóng lạnh	Cái		1	1	Bổ sung mới	
28	PTN Vật liệu điện			x			
B28.11	Máy tính bàn	Cái		3	3	Bổ sung mới	
29	PTN Hệ thống điện			x			
B29.40	Tivi 65 inch	Cái		1	1	Bổ sung mới	
B29.41	Máy điều hoà	Cái		2	2	Bổ sung mới	
B29.42	Máy tính bàn	Cái		30	30	Bổ sung mới	
B29.43	Phần mềm Etap	user		25	25	Bổ sung mới	
32	PTN Máy điện			x			
B32.121	Máy tính bàn	Cái		5	5	Bổ sung mới	
B32.122	Máy điều hoà	Cái		2	2	Bổ sung mới	
33	PTN Điện tử công suất & Truyền động điện			x			
33.2	Bộ thực hành điện tử công suất	Bộ	1	-1	0	Giảm 01	
B33.9	Máy tính bàn	Cái		6	6	Bổ sung mới	
B33.10	Máy điều hoà	Cái		2	2	Bổ sung mới	
34	PTH Tay nghề điện			x			
B34.10	Máy tính bàn	Cái		5	5	Bổ sung mới	
B34.11	Máy điều hoà	Cái		3	3	Bổ sung mới	
35	PTH Mạch điện			x			
B35.11	Máy tính bàn	Cái		3	3	Bổ sung mới	
37	PTN Viễn thông			x			
37.4	Máy tính	Bộ	15	16	31	Tăng thêm 16	
37.5	Thiết bị truyền thông tin nghiêm chỉnh trong tư xa Net* TIMS FreeWire (có thể phục vụ đồng thời 80 học viên; truy xuất từ PTN Hệ thống tích hợp)	Bộ	1	1	2	Tăng thêm 01	
37.10	Phần mềm Analog/Digital Communication 30 user	Bộ	1	-1	0	Giảm 01 (toàn bộ)	
B37.14	Kit thu phát tín hiệu RF + phụ kiện	Bộ		50	50	Bổ sung mới	
B37.15	Bộ đào tạo viễn thông	Bộ		2	2	Bổ sung mới	
B37.16	Thiết bị đo lường	Bộ		10	10	Bổ sung mới	
B37.17	Máy phát tín hiệu các loại	Cái		5	5	Bổ sung mới	
B37.18	Máy đo tín hiệu các loại	Cái		3	3	Bổ sung mới	

TT	Danh mục máy móc, thiết bị	Đơn vị tính	Số lượng TCĐM(*) đã ban hành theo QĐ 951	Số lượng TCĐM(*) điều chỉnh tăng, giảm, bổ sung	Số lượng TCĐM(*) sau khi cập nhật điều chỉnh, bổ sung	Nội dung điều chỉnh, bổ sung so với TCĐM(*) đã ban hành theo QĐ 951	Ghi chú
(a)	(b)	(c)	(d)	(d)	(e)=(d)+(d)	(h)	(i)
B37.19	Máy chiếu	Cái		1	1	Bổ sung mới	
38	PTN FPGA & Hệ thống nhúng			x			
B38.12	Bộ thí nghiệm xử lý âm thanh tốc độ cao	Bộ		30	30	Bổ sung mới	
B38.13	Bộ thí nghiệm xử lý hình ảnh tốc độ cao	Bộ		30	30	Bổ sung mới	
B38.14	Card đồ họa (GPU) phục vụ giảng dạy	Cái		60	60	Bổ sung mới	
B38.15	Card FPGA tính toán hiệu năng cao	Bộ		12	12	Bổ sung mới	
B38.16	Kit thực hành thiết kế Hệ thống số	kit		60	60	Bổ sung mới	
B38.17	Kit thực hành thiết kế Hệ thống nhúng	kit		60	60	Bổ sung mới	
B38.18	Kit thực hành thiết kế SoC	kit		60	60	Bổ sung mới	
B38.19	Kit phục vụ thiết kế hệ thống trên FPGA	kit		60	60	Bổ sung mới	
B38.20	Kính thực tế ảo phục vụ giảng dạy	Cái		20	20	Bổ sung mới	
B38.21	Bộ máy tính làm máy chủ	Bộ		3	3	Bổ sung mới	
B38.22	Bộ máy tính thực hành	Bộ		30	30	Bổ sung mới	
B38.23	License Hệ điều hành máy trạm	license		63	63	Bổ sung mới	
B38.24	License Hệ điều hành server	license		3	3	Bổ sung mới	
B38.25	Gói license phần mềm EDA phục vụ thiết kế trên FPGA	gói		1	1	Bổ sung mới	
B38.26	Card chuyển đổi dữ liệu tốc độ cao	Cái		30	30	Bổ sung mới	
B38.27	Card mở rộng giao tiếp HDMI	Cái		30	30	Bổ sung mới	
B38.28	Camera độ phân giải cao	Cái		30	30	Bổ sung mới	
B38.29	Card mở rộng kết nối cho kit FPGA	Cái		60	60	Bổ sung mới	
B38.30	Máy tính nhúng hiệu năng cao	Bộ		60	60	Bổ sung mới	
B38.31	Kit nạp chương trình và debug các thiết kế trên SoC	kit		60	60	Bổ sung mới	
B38.32	Kit thực hành ứng dụng AI	kit		60	60	Bổ sung mới	
B38.33	Xe điều khiển từ xa	con		12	12	Bổ sung mới	
B38.34	Drone	con		12	12	Bổ sung mới	
B38.35	Robot thông minh phục vụ giảng dạy ứng dụng AI	con		12	12	Bổ sung mới	
B38.36	Kit thực hành lập trình cho thiết bị di động	kit		60	60	Bổ sung mới	
B38.37	Kit thực hành phát triển ứng dụng	kit		60	60	Bổ sung mới	
B38.38	Module Gateway phục vụ thực hành ứng dụng IoT	module		30	30	Bổ sung mới	
B38.39	Module kết nối Internet phục vụ thực hành ứng dụng IoT	module		30	30	Bổ sung mới	
B38.40	Các shield cảm biến phục vụ thực hành ứng dụng IoT	shield		60	60	Bổ sung mới	
B38.41	Máy chiếu	Cái		3	3	Bổ sung mới	
B38.42	Bảng tương tác thông minh	Cái		3	3	Bổ sung mới	
B38.43	Máy hiện sóng	Cái		30	30	Bổ sung mới	
B38.44	Máy phát tín hiệu	Cái		30	30	Bổ sung mới	
B38.45	Máy phân tích mức logic	Cái		30	30	Bổ sung mới	
B38.46	Máy đo VOM	Cái		60	60	Bổ sung mới	
B38.47	Bộ máy tính cấu hình cao	Bộ		12	12	Bổ sung mới	
B38.48	Bộ máy tính giáo viên	Bộ		3	3	Bổ sung mới	
B38.49	Hệ thống chiếu sáng cho PTN	hệ thống		3	3	Bổ sung mới	

TT	Danh mục máy móc, thiết bị	Đơn vị tính	Số lượng TCĐM(*) đã ban hành theo QĐ 951	Số lượng TCĐM(*) điều chỉnh tăng, giảm, bổ sung	Số lượng TCĐM(*) sau khi cập nhật điều chỉnh, bổ sung	Nội dung điều chỉnh, bổ sung so với TCĐM(*) đã ban hành theo QĐ 951	Ghi chú
(a)	(b)	(c)	(d)	(đ)	(e)=(d)+(đ)	(h)	(i)
B38.50	Hệ thống âm thanh phục vụ giảng dạy	hệ thống		3	3	Bổ sung mới	
B38.51	Hệ thống mạng LAN	hệ thống		3	3	Bổ sung mới	
B38.52	Hệ thống phát Wi-Fi	hệ thống		3	3	Bổ sung mới	
B38.53	Máy lạnh	Cái		6	6	Bổ sung mới	
39	PTH Xử lý tín hiệu số			x			
39.2	Bộ thí nghiệm đa năng	Bộ	1	9	10	Tăng thêm 09	
39.3	Kit thực hành xử lý tín hiệu số	Bộ	10	40	50	Tăng thêm 40	
39.4	Kit xử lý tín hiệu số	Bộ	10	40	50	Tăng thêm 40	
39.5	Máy tính	Bộ	10	21	31	Tăng thêm 21	
B39.6	Kit xử lý tín hiệu số nâng cao	Bộ		50	50	Bổ sung mới	
B39.7	Máy cấp nguồn	Bộ		10	10	Bổ sung mới	
B39.8	Máy hiện sóng	Cái		20	20	Bổ sung mới	
B39.9	Máy hiện sóng cao tần	Cái		10	10	Bổ sung mới	
B39.10	Thiết bị thu phát RF giao tiếp máy tính	Bộ		10	10	Bổ sung mới	
B39.11	Máy chiếu	Cái		1	1	Bổ sung mới	
40	PTH Vi xử lý & Vi điều khiển			x			
40.3	Máy tính	Bộ	10	21	31	Tăng thêm 21	
B40.4	ARM Development Kits	Bộ		40	40	Bổ sung mới	
B40.5	Automotive ARM Development	Bộ		10	10	Bổ sung mới	
B40.6	Dao động nghiệm tần số cao	Cái		3	3	Bổ sung mới	
B40.7	Bộ nguồn đa năng	Bộ		10	10	Bổ sung mới	
B40.8	Máy chiếu	Cái		1	1	Bổ sung mới	
41	PTH Điện tử cơ bản			x			
41.1	Bộ thực hành Điện tử Electronics Explorer Board	Bộ	10	30	40	Tăng thêm 30	
41.2	Dao động nghiệm các loại	Bộ	15	25	40	Tăng thêm 25	
41.3	Máy đếm tần số các loại	Cái	3	37	40	Tăng thêm 37	
41.4	Máy phát tần số các loại	Cái	5	15	20	Tăng thêm 15	
41.5	Máy tính	Bộ	10	31	41	Tăng thêm 31	
B41.6	Bộ nguồn đa năng	Bộ		20	20	Bổ sung mới	
B41.7	Máy đo đa năng (VOM)	Cái		40	40	Bổ sung mới	
B41.8	Kit kiểm tra và đọc thông số linh kiện, mạch điện tử - bán dẫn đa năng	Bộ		40	40	Bổ sung mới	
B41.9	Máy chiếu	Cái		1	1	Bổ sung mới	
42	PTH Mạch Điện tử			x			
42.2	Dao động nghiệm các loại	Bộ	5	10	15	Tăng thêm 10	
42.3	Đồng hồ đo các loại	Bộ	5	15	20	Tăng thêm 15	
42.5	Máy phát hạ tần	Bộ	10	5	15	Tăng thêm 05	
42.6	Máy tính	Bộ	10	21	31	Tăng thêm 21	
42.7	Thiết bị giảng dạy điện tử	Bộ	8	32	40	Tăng thêm 32	
B42.8	Bộ cấp nguồn (Triple Output Bench Power Supply)	Bộ		15	15	Bổ sung mới	
B42.9	Tivi từ 60"trở lên	Cái		1	1	Bổ sung mới	
43	PTN Hệ thống tích hợp điện tử			x			
43.1	Hệ thống thí nghiệm viễn thông từ xa Net* TIMS FreeWire (có thể phục vụ đồng thời 80 học viên)	Bộ	1	1	2	Tăng thêm 01	
43.2	Bo mạch phát triển	Cái	10	20	30	Tăng thêm 20	
43.3	Thiết bị vô tuyến cấu hình bằng phần mềm	Bộ	1	3	4	Tăng thêm 03	
43.4	Máy phân tích mạng Vector	Cái	1	2	3	Tăng thêm 02	
43.5	Máy tính	Bộ	5	37	42	Tăng thêm 37	

TT	Danh mục máy móc, thiết bị	Đơn vị tính	Số lượng TCĐM(*) đã ban hành theo QĐ 951	Số lượng TCĐM(*) điều chỉnh tăng, giảm, bổ sung	Số lượng TCĐM(*) sau khi cập nhật điều chỉnh, bổ sung	Nội dung điều chỉnh, bổ sung so với TCĐM(*) đã ban hành theo QĐ 951	Ghi chú
(a)	(b)	(c)	(d)	(đ)	(e)=(d)+(đ)	(h)	(i)
B43.6	Máy chủ server	Bộ		1	1	Bổ sung mới	
B43.7	Bộ thiết bị đào tạo Trường điện tử	Bộ		2	2	Bổ sung mới	
B43.8	Bộ thiết bị đào tạo đo đặc antenna	Bộ		1	1	Bổ sung mới	
B43.9	Thiết bị phát tín hiệu cao tần	Cái		3	3	Bổ sung mới	
B43.10	Thiết bị phát tín hiệu cao tần có điều chế số	Bộ		2	2	Bổ sung mới	
B43.11	Thiết bị phân tích tín hiệu cao tần	Bộ		3	3	Bổ sung mới	
B43.12	Thiết bị phát tín hiệu dạng sóng bất	Cái		4	4	Bổ sung mới	
B43.13	Thiết bị đo đặc dòng điện & điện áp độ chính xác cao	Bộ		2	2	Bổ sung mới	
B43.14	Thiết bị đo đặc linh kiện LCR	Bộ		1	1	Bổ sung mới	
B43.15	Thiết bị tích hợp Bộ dao động nghiệm, phân tích tín hiệu, phát tín hiệu - giao tiếp cổng USB	Bộ		4	4	Bổ sung mới	
B43.16	Phần mềm mô phỏng, thiết kế mạch cao tần (tối thiểu 20 licenses)	Bộ		1	1	Bổ sung mới	
B43.17	Máy tính có cấu hình cao	Bộ		5	5	Bổ sung mới	
B43.18	Thiết bị đo đặc hằng số điện môi vật liệu	Bộ		1	1	Bổ sung mới	
B43.19	Máy chiếu	Cái		1	1	Bổ sung mới	
44	PTN Đo lường và Cảm biến			x			
B44.35	Máy nén khí 2HP; 200L/phút	Cái		1	1	Bổ sung mới	
45	PTN Hệ thống thông minh			x			
45.2	Bộ nguồn DC 3 kênh	Cái	1	-1	0	Giảm 01 (toàn bộ)	
45.5	Máy ảnh công nghiệp basler	Cái	2	-2	0	Giảm 02 (toàn bộ)	
45.7	Máy phát xung	Cái	4	-4	0	Giảm 04 (toàn bộ)	
45.9	Máy tính nhúng NVIDIA Jetson Orin Nano Developer Kit	Cái	3	1	4	Tăng thêm 01	
45.10	Máy tính nhúng Raspberry Pi 5	Cái	3	-3	0	Giảm 03 (toàn bộ)	
B45.14	Kit msp430F5529	Cái		30	30	Bổ sung mới	
46	PTN Cơ điện tử			x			
46.1	Board nhúng STM32	Bộ	15	5	20	Tăng thêm 5	
46.14	Servo AC (dong cơ + driver + cáp tín hiệu + cáp nguồn)	Bộ	3	-1	2	Giảm 01	
B46.15	Cảm biến đóng ngắt D-H7A2	Bộ		20	20	Bổ sung mới	
B46.16	Cảm biến đóng ngắt D-C73C	Bộ		20	20	Bổ sung mới	
B46.17	Máy nén khí 2HP; 200L/phút	Cái		1	1	Bổ sung mới	
B46.18	License WinccOA	Bộ		1	1	Bổ sung mới	
B46.19	License Autocad	Bộ		1	1	Bổ sung mới	
B46.20	Tủ điện 800x600x300 + phụ kiện	Cái		5	5	Bổ sung mới	
B46.21	Biến tần 0.75kw-380Volt	Cái		10	10	Bổ sung mới	
B46.22	Động cơ KĐB 3 Pha 0.75kW-380Volt	Cái		10	10	Bổ sung mới	
B46.23	PLC S7-1200 G2	Cái		10	10	Bổ sung mới	
B46.24	Modul Analog G2	Cái		10	10	Bổ sung mới	
B46.25	Modul Digital G2	Cái		10	10	Bổ sung mới	
B46.26	Modul đọc nhiệt độ	Cái		10	10	Bổ sung mới	
B46.27	Modul truyền thông	Cái		10	10	Bổ sung mới	
B46.28	Máy đo VOM	Cái		30	30	Bổ sung mới	
B46.29	Bộ nguồn AC/DC 220Vac/24Vdc/12Vdc 5A	Cái		10	10	Bổ sung mới	

TT	Danh mục máy móc, thiết bị	Đơn vị tính	Số lượng TCĐM(*) đã ban hành theo QĐ 951	Số lượng TCĐM(*) điều chỉnh tăng, giảm, bổ sung	Số lượng TCĐM(*) sau khi cập nhật điều chỉnh, bổ sung	Nội dung điều chỉnh, bổ sung so với TCĐM(*) đã ban hành theo QĐ 951	Ghi chú
(a)	(b)	(c)	(d)	(đ)	(e)=(d)+(đ)	(h)	(i)
B46.30	Thiết bị giảng dạy điện tử (Analog Discovery Studio)	Bộ		20	20	Bổ sung mới	
B46.31	Dao động nghiệm các loại (Oscilloscope)	Cái		15	15	Bổ sung mới	
47	PTH Tự động hóa công nghiệp và Quản lý năng lượng			x			
47.4	Power Supply for Modicon M340 Programmable Logic Controller, 115 / 240VAC, 20W	Bộ	3	-3	0	Giảm 03 (toàn bộ)	
47.5	DC Input	Bộ	3	-3	0	Giảm 03 (toàn bộ)	
47.6	AC/DC output	Bộ	3	-3	0	Giảm 03 (toàn bộ)	
47.7	Screw terminal block (20 points), square washer, Connection Accessory for Modicon M340	Bộ	12	-12	0	Giảm 12 (toàn bộ)	
47.8	Ethernet CANopen2 Level 2 CPU for Modicon M340 PLC	Bộ	3	-3	0	Giảm 03 (toàn bộ)	
47.9	Modicon M340 8-Slot Backplane	Bộ	3	-3	0	Giảm 03 (toàn bộ)	
47.10	Bộ nguồn DC	Bộ	3	-3	0	Giảm 03 (toàn bộ)	
47.18	Module Analog EM235 (cho S7-200)	Bộ	10	-10	0	Giảm 10 (toàn bộ)	
47.20	PC Adapter (USB) A2	Cái	2	-2	0	Giảm 02 (toàn bộ)	
47.21	SIMATIC S7-200, CPU 224	Cái	10	-10	0	Giảm 10 (toàn bộ)	
B47.24	Bộ Kit Phát Triển Raspberry Pi 5 Compute Module 5	Bộ		6	6	Bổ sung mới	
B47.25	Bộ thí nghiệm đa năng	Bộ		10	10	Bổ sung mới	
B47.26	ESP32-P4-Function-EV-Board Espressif Systems AIoT	Bộ		10	10	Bổ sung mới	
48	PTN Kỹ thuật Điều khiển			x			
48.1	Bản quyền MATLAB và công cụ mở rộng	Bộ	5	5	10	Tăng thêm 05	
48.2	Bo điều khiển Quanser	Bộ	1	2	3	Tăng thêm 02	
48.3	Bo nguồn DC 3 kênh	Cái	1	1	2	Tăng thêm 01	
48.4	Bộ thí nghiệm Bồn nước đôi (Quanser)	Bộ	1	2	3	Tăng thêm 02	
48.5	Bộ thí nghiệm con lắc ngược xoay (Quanser)	Bộ	1	2	3	Tăng thêm 02	
48.6	Bộ thí nghiệm nâng vật bằng từ trường (Quanser)	Bộ	1	2	3	Tăng thêm 02	
48.11	Cảm biến khoảng cách HSDR-CMOS Smart Sensor	Cái	1	2	3	Tăng thêm 02	
48.15	Máy tính	Bộ	5	5	10	Tăng thêm 05	
48.20	VOM số SANWA	Cái	1	4	5	Tăng thêm 04	
B48.22	Máy tính để bàn	Bộ		10	10	Bổ sung mới	
49	PTH Tay nghề Cơ điện tử - Tự động hóa			x			
49.2	Ampe kìm Đo Dòng	Cái	1	2	3	Tăng thêm 02	
49.5	Bộ TN-ĐTCS 3 pha	Cái	1	-1	0	Giảm 01 (toàn bộ)	

TT	Danh mục máy móc, thiết bị	Đơn vị tính	Số lượng TCĐM(*) đã ban hành theo QĐ 951	Số lượng TCĐM(*) điều chỉnh tăng, giảm, bổ sung	Số lượng TCĐM(*) sau khi cập nhật điều chỉnh, bổ sung	Nội dung điều chỉnh, bổ sung so với TCĐM(*) đã ban hành theo QĐ 951	Ghi chú
(a)	(b)	(c)	(d)	(đ)	(e)=(d)+(đ)	(h)	(i)
49.6	Dao động nghiệm 3 kênh	Cái	1	1	2	Tăng thêm 01	
49.9	KIT NC Position	Cái	1	2	3	Tăng thêm 02	
B49.14	Máy phát tín hiệu	Cái		2	2	Bổ sung mới	
B49.15	Máy Voltage meter (VOM)	Cái		5	5	Bổ sung mới	
B49.16	Máy đo tốc độ bằng hồng ngoại	Cái		2	2	Bổ sung mới	
B49.17	NVIDIA jetson orin nano	Cái		2	2	Bổ sung mới	
B49.18	Máy tính nhúng	Cái		2	2	Bổ sung mới	
B49.19	Bộ nguồn DC 3 kênh	Cái		2	2	Bổ sung mới	
B49.20	Máy nén khí	Cái		1	1	Bổ sung mới	
B49.21	Bàn để board thí nghiệm	Cái		4	4	Bổ sung mới	
B49.22	Máy phát xung	Cái		1	1	Bổ sung mới	
B49.23	Máy đo nhiệt độ không tiếp xúc	Cái		1	1	Bổ sung mới	
B49.24	Máy đo oxy	Cái		1	1	Bổ sung mới	
B49.25	Máy đo PH	Cái		1	1	Bổ sung mới	
B49.26	Máy đo độ ẩm	Cái		1	1	Bổ sung mới	
B49.27	Máy cắt sắt cầm tay	Cái		2	2	Bổ sung mới	
B49.28	Máy hàn sắt	Cái		1	1	Bổ sung mới	
B49.29	Máy cắt cáp điện	Cái		1	1	Bổ sung mới	
B49.30	Máy đo góc	Cái		1	1	Bổ sung mới	
B49.31	Kệ đựng dụng cụ đa năng (di chuyển bằng bánh xe)	Cái		2	2	Bổ sung mới	
B49.32	Máy khô chip IC	Cái		2	2	Bổ sung mới	
B49.33	Máy phát xung	Cái		1	1	Bổ sung mới	
50	PTN Tự động hóa			x			
50.6	Máy tính để bàn	Bộ	5	5	10	Tăng thêm 05	
B50.12	Cảm biến siêu phổ (vùng ánh sáng cận hồng ngoại)	Cái		1	1	Bổ sung mới	
B50.13	Camera đa phổ giá thành thấp	Cái		1	1	Bổ sung mới	
B50.14	Cảm biến siêu phổ (vùng ánh sáng khả kiến)	Cái		1	1	Bổ sung mới	
B50.15	Module mở rộng CM 1241 - RS422/485 (6ES7241-1CH32-0XB0)"	Cái		5	5	Bổ sung mới	
B50.16	Module truyền thông CP 1243-7 LTE EU S7-1200 Siemens 6GK7243-7KX30-0XE0	Cái		5	5	Bổ sung mới	
B50.17	License Hệ điều hành server	License		1	1	Bổ sung mới	
B50.18	Máy chiếu	Cái		1	1	Bổ sung mới	
B50.19	Oscilloscope	Cái		2	2	Bổ sung mới	
51	PTN Mạng Công nghiệp và Truyền thông			x			
51.10	Tivi	Cái	2	-1	1	Giảm 01	
52	PTN PLC & IoT Công nghiệp			x			
B52.13	ESP32-P4-Function-EV-Board	Cái		6	6	Bổ sung mới	
53	PTN Mô phỏng và Tối ưu hóa			x			
53.2	Máy lạnh	Bộ	2	2	4	Tăng thêm 02	
B53.6	Phần mềm mô phỏng ARENA	Users		60	60	Bổ sung mới	
54	PTN Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng			x			
54.4	Máy tính để bàn	Bộ	30	1	31	Tăng thêm 01	
B54.6	Mô hình thực hành các Hệ thống Logistics và Chuỗi cung ứng	Mô hình		3	3	Bổ sung mới	
55	PTH Máy tính			x			
B55.5	Switch mạng 24 port	Cái		7	7	Bổ sung mới	
56	Xưởng Cơ khí			x			

TT	Danh mục máy móc, thiết bị	Đơn vị tính	Số lượng TCĐM(*) đã ban hành theo QĐ 951	Số lượng TCĐM(*) điều chỉnh tăng, giảm, bổ sung	Số lượng TCĐM(*) sau khi cập nhật điều chỉnh, bổ sung	Nội dung điều chỉnh, bổ sung so với TCĐM(*) đã ban hành theo QĐ 951	Ghi chú
(a)	(b)	(c)	(d)	(đ)	(e)=(d)+(đ)	(h)	(i)
56.28	Máy hàn 300A Việt nam	Cái	1	-1	0	Giảm 01 (toàn bộ)	
56.29	Máy hàn bấm tol Việt nam	Cái	1	-1	0	Giảm 01 (toàn bộ)	
56.30	Máy hàn điểm	Cái	2	-2	0	Giảm 01 (toàn bộ)	
56.33	Máy khoan đứng	Cái	4	2	6	Tăng thêm 02	
56.37	Máy mài cầm tay	Cái	1	3	4	Tăng thêm 03	
56.39	Máy mài tay	Cái	2	-2	0	Giảm 01 (toàn bộ)	
56.40	Máy mài tay 1/2HP	Cái	1	-1	0	Giảm 01 (toàn bộ)	
56.41	Máy nén khí	Cái	1	1	2	Tăng thêm 01	
56.42	Máy nén khí	Cái	1	-1	0	Giảm 01 (toàn bộ)	
56.54	Quạt gió lò rèn	Cái	1	1	2	Tăng thêm 01	
B56.55	Máy hàn laser	Cái		2	2	Bổ sung mới	
B56.56	Máy cắt laser	Cái		1	1	Bổ sung mới	
B56.57	Máy sọc răng	Cái		1	1	Bổ sung mới	
B56.58	Lò nung cao tầng	Cái		1	1	Bổ sung mới	
57	PTN Thiết kế vi mạch			x			
57.1	Bàn thực hành	Bộ	11	53	64	Tăng thêm 53	
57.2	Bảng mica dán tường (1,2 x 2)m	Cái	1	1	2	Tăng thêm 01	
57.3	Ghế	Cái	21	39	60	Tăng thêm 39	
57.5	Máy tính cấu hình cao	Bộ	10	52	62	Tăng thêm 52	
B57.6	Server chạy các phần mềm thiết kế vi mạch chuyên dụng	Bộ		1	1	Bổ sung mới	
B57.7	Phần mềm thiết kế vi mạch chuyên dụng	License		62	62	Bổ sung mới	
B57.8	Server cài các mô hình AI cho thiết kế vi mạch	Bộ		1	1	Bổ sung mới	
B57.9	Card GPU tốc độ cao	Cái		62	62	Bổ sung mới	
B57.10	Hệ điều hành linux/window cho server	License		4	4	Bổ sung mới	
B57.11	Lỗi IP của các loại vi mạch số và tương tự cơ bản	License		60	60	Bổ sung mới	
B57.12	Hệ thống kết nối mạng tốc độ cao cho các máy tính	Bộ		1	1	Bổ sung mới	
B57.13	Nvidia Project Digits AI Supercomputer	Bộ		50	50	Bổ sung mới	
B57.14	Hệ thống máy tính cá nhân	Bộ		41	41	Bổ sung mới	
B57.15	Màn hình tương tác (Interactive Display)	Cái		3	3	Bổ sung mới	
B57.16	Các thiết bị IoT và cảm biến hỗ trợ	Bộ		40	40	Bổ sung mới	
B57.17	Kit FPGA (Xilinx Zynq	Bộ		40	40	Bổ sung mới	
B57.18	Thiết bị nối kết mạng	Bộ		1	1	Bổ sung mới	
B57.19	Máy chiếu	Cái		2	2	Bổ sung mới	
59	PTH Mô hình thông tin công trình (BIM)			x			
59.4	Bộ máy tính	Bộ	1	29	30	Tăng thêm 29	
59.5	Drone	Bộ	1	4	5	Tăng thêm 04	
59.6	Ghế ngồi tựa lưng	Cái	20	10	30	Tăng thêm 10	
59.8	Giá treo TV	Cái	1	1	2	Tăng thêm 01	
59.9	Ipad 12 pro	Cái	4	1	5	Tăng thêm 01	
59.10	Màn hình QLED	Cái	1	1	2	Tăng thêm 01	

TT	Danh mục máy móc, thiết bị	Đơn vị tính	Số lượng TCĐM(*) đã ban hành theo QĐ 951	Số lượng TCĐM(*) điều chỉnh tăng, giảm, bổ sung	Số lượng TCĐM(*) sau khi cập nhật điều chỉnh, bổ sung	Nội dung điều chỉnh, bổ sung so với TCĐM(*) đã ban hành theo QĐ 951	Ghi chú
(a)	(b)	(c)	(d)	(d)	(e)=(d)+(d)	(h)	(i)
59.12	Máy Scanner laser 3D	Bộ	1	1	2	Tăng thêm 01	
61	PTH Vật lý kiến trúc			x			
B61.5	Máy đo tốc độ gió ngoài nhà (cánh quạt) (bao gồm chân đế máy)	Bộ		4	4	Bổ sung mới	
B61.6	Máy đo tốc độ gió trong phòng (có thiết bị đầu dò) (bao gồm chân đế máy)	Bộ		4	4	Bổ sung mới	
B61.7	Máy đo tốc độ gió trong nhà (cánh quạt) (bao gồm chân đế máy)	Bộ		8	8	Bổ sung mới	
B61.8	Máy đo nhiệt bức xạ tức thời	Bộ		4	4	Bổ sung mới	
B61.9	Nhiệt ẩm kế tự ghi (Data Logger)	Bộ		16	16	Bổ sung mới	
B61.10	Máy đo bức xạ nhiệt trong nhà	Bộ		4	4	Bổ sung mới	
B61.11	Máy đo nhiệt bức xạ ngoài nhà (quả cầu nhỏ)	Bộ		4	4	Bổ sung mới	
B61.12	Máy đo nhiệt độ hồng ngoại	Bộ		4	4	Bổ sung mới	
B61.13	Camera nhiệt - máy chụp ảnh nhiệt	Bộ		2	2	Bổ sung mới	
B61.14	Máy đo độ rọi	Bộ		16	16	Bổ sung mới	
B61.15	Máy đo mức âm tức thời	Bộ		8	8	Bổ sung mới	
B61.16	Máy đo mức âm tích phân	Bộ		4	4	Bổ sung mới	
B61.17	Bộ máy tính để bàn (workstation PC cấu hình mạnh)	Bộ		6	6	Bổ sung mới	
B61.18	Phần mềm SketchUp for education	Bộ		6	6	Bổ sung mới	
B61.19	Phần mềm Envi met	Bộ		6	6	Bổ sung mới	
B61.20	Phần mềm IES Virtual Environment	Bộ		6	6	Bổ sung mới	
B61.21	Phần mềm Designbuilder	Bộ		6	6	Bổ sung mới	
B61.22	Tivi từ 75" trở lên	Cái		1	1	Bổ sung mới	
B61.23	Hệ thống máy lạnh	Hệ thống		1	1	Bổ sung mới	
68A	PTN Thiết kế vi mạch	PTN Mới		x			PTN Mới (68A)
68A.1	Máy tính cấu hình cao	Bộ		62	62	Bổ sung mới	
68A.2	Server chạy các phần mềm thiết kế vi mạch chuyên dụng	Bộ		1	1	Bổ sung mới	
68A.3	Phần mềm thiết kế vi mạch chuyên dụng	License		62	62	Bổ sung mới	
68A.4	Server cài các mô hình AI cho thiết kế vi mạch	Bộ		1	1	Bổ sung mới	
68A.5	Card GPU tốc độ cao	Cái		62	62	Bổ sung mới	
68A.6	Hệ điều hành linux/window cho server	License		4	4	Bổ sung mới	
68A.7	Lỗi IP của các loại vi mạch số và tương tự cơ bản	License		60	60	Bổ sung mới	
68A.8	Hệ thống kết nối mạng tốc độ cao cho các máy tính	Bộ		1	1	Bổ sung mới	
68A.9	Nvidia Project Digits AI Supercomputer	Bộ		50	50	Bổ sung mới	
68A.10	Hệ thống máy tính cá nhân	Bộ		41	41	Bổ sung mới	
68A.11	Màn hình tương tác (Interactive Display)	Cái		3	3	Bổ sung mới	
68A.12	Các thiết bị IoT và cảm biến hỗ trợ	Bộ		40	40	Bổ sung mới	
68A.13	Kit FPGA (Xilinx Zynq	Bộ		40	40	Bổ sung mới	
68A.14	Máy chủ lưu trữ nội Bộ (NAS)	Bộ		1	1	Bổ sung mới	
68A.15	Thiết bị nối kết mạng	Bộ		1	1	Bổ sung mới	
68A.16	Máy chiếu	Cái		2	2	Bổ sung mới	
68B	PTN Robot	PTN Mới		x			PTN Mới (68B)
68B.1	Bộ điều khiển AC servo + động cơ AC servo	Bộ		30	30	Bổ sung mới	

TT	Danh mục máy móc, thiết bị	Đơn vị tính	Số lượng TCĐM(*) đã ban hành theo QĐ 951	Số lượng TCĐM(*) điều chỉnh tăng, giảm, bổ sung	Số lượng TCĐM(*) sau khi cập nhật điều chỉnh, bổ sung	Nội dung điều chỉnh, bổ sung so với TCĐM(*) đã ban hành theo QĐ 951	Ghi chú
(a)	(b)	(c)	(d)	(đ)	(e)=(d)+(đ)	(h)	(i)
68B.2	Robot motoman 5 bậc tự do	Cái		2	2	Bổ sung mới	
68B.3	Máy tính để bàn PC	Bộ		10	10	Bổ sung mới	
68B.4	Bộ điều khiển DC servo + driver	Bộ		20	20	Bổ sung mới	
68B.5	PLC siemen	Cái		10	10	Bổ sung mới	
68B.6	Máy tính công nghiệp	Cái		10	10	Bổ sung mới	
68B.7	Xe tự hành (AGV) trong công	con		4	4	Bổ sung mới	
68B.8	Thiết bị bay không người lái (UAV, drone)	con		4	4	Bổ sung mới	
68B.9	Phương tiện dưới nước không người lái (UUV)	con		4	4	Bổ sung mới	
68B.10	Động cơ không chổi than và Bộ điều khiển BLDC	Bộ		20	20	Bổ sung mới	
68B.11	Máy ảnh 3D RGB-D	Cái		10	10	Bổ sung mới	
68B.12	Cảm biến Lidar 3 chiều	Cái		10	10	Bổ sung mới	
68B.13	Bộ cảm biến lực	Cái		10	10	Bổ sung mới	
68B.14	Bộ cảm biến gia tốc và con quay hồi chuyển	Cái		20	20	Bổ sung mới	
68B.15	Bộ cảm biến gió	Cái		10	10	Bổ sung mới	
68B.16	Bộ thí nghiệm điều khiển robot công nghiệp 6 trục	Bộ		2	2	Bổ sung mới	
68B.17	Bộ thí nghiệm điều khiển robot di động	Bộ		2	2	Bổ sung mới	
68C	PTN Điện tử y sinh	PTN Mới		x			PTN Mới (68C)
68C.1	Máy đo điện tim 12 kênh hoặc đa kênh	Bộ		5	5	Bổ sung mới	
68C.2	Máy đo chức năng hô hấp	Bộ		5	5	Bổ sung mới	
68C.3	Máy đo điện não 32 kênh hoặc đa kênh	Bộ		5	5	Bổ sung mới	
68C.4	Máy siêu âm 4D HD	Bộ		5	5	Bổ sung mới	
68C.5	Thiết bị đào tạo điện tim đồ - điện não đồ - điện cơ đồ	Bộ		5	5	Bổ sung mới	
68C.6	Mô hình mạch khuếch đại tín hiệu y sinh	Bộ		5	5	Bổ sung mới	
68C.7	Mô hình cảm biến đo lường trong y sinh	Bộ		5	5	Bổ sung mới	
68C.8	Mô hình mạch xử lý tín hiệu y sinh	Bộ		5	5	Bổ sung mới	
68C.9	Mô hình mạch lọc tương tự dùng trong xử lý tín hiệu y sinh	Bộ		5	5	Bổ sung mới	
68C.10	Mô hình tạo các xung điện trị liệu	Bộ		5	5	Bổ sung mới	
68C.11	Tivi từ 75 inches trở lên	Cái		1	1	Bổ sung mới	
68C.12	Máy điều hòa 1.5HP	Cái		3	3	Bổ sung mới	
68C.13	Máy tính cài đặt phần mềm thực hành	Bộ		10	10	Bổ sung mới	
68D	PTN Vật liệu xây dựng CTGT	PTN		x			PTN Mới (68D)
68D.1	Bộ chung cất hàm lượng nước trong nhựa	Cái		2	2	Bổ sung mới	
68D.2	Bộ kim lún nhựa đường tự động	Bộ		3	3	Bổ sung mới	
68D.3	Thiết bị đo độ hao mòn	Cái		2	2	Bổ sung mới	
68D.4	Máy li tâm tách nhựa đường	Bộ		2	2	Bổ sung mới	

TT	Danh mục máy móc, thiết bị	Đơn vị tính	Số lượng TCĐM(*) đã ban hành theo QĐ 951	Số lượng TCĐM(*) điều chỉnh tăng, giảm, bổ sung	Số lượng TCĐM(*) sau khi cập nhật điều chỉnh, bổ sung	Nội dung điều chỉnh, bổ sung so với TCĐM(*) đã ban hành theo QĐ 951	Ghi chú
(a)	(b)	(c)	(d)	(đ)	(e)=(d)+(đ)	(h)	(i)
68D.5	Máy xác định hàm lượng paraffin trong nhựa đường	Cái		1	1	Bổ sung mới	
68D.6	Máy đo độ nhớt nhựa đường	Cái		1	1	Bổ sung mới	
68D.7	Máy đo độ điện tích hạt	Cái		1	1	Bổ sung mới	
68D.8	Máy đầm mẫu Marshall	Cái		1	1	Bổ sung mới	
68D.9	Thiết bị đo độ rung, gia tốc	Cái		1	1	Bổ sung mới	
68D.10	Thiết bị xác định Khối lượng riêng tối đa lý thuyết hỗn hợp lát đường Bitumino không dính	Cái		1	1	Bổ sung mới	
68D.11	Thiết bị thí nghiệm đo chân không Asphalt Rice Test	Bộ		1	1	Bổ sung mới	
68D.12	Bộ thí nghiệm góc cạnh của cát	Bộ		1	1	Bổ sung mới	
68D.13	Thiết bị đo vết hằn bánh xe	Bộ		1	1	Bổ sung mới	
68D.14	Thiết bị thí nghiệm đo kích thước lỗ vải	Cái		1	1	Bổ sung mới	
68D.15	Cảm biến đo lún (settlement sensor)	Cái		2	2	Bổ sung mới	
68D.16	Thiết bị đo độ gồ ghề mặt đường	Cái		2	2	Bổ sung mới	
68D.17	Bộ máy tính	Bộ		4	4	Bổ sung mới	
68D.18	Tivi màn hình led từ 75" trở lên	Cái		2	2	Bổ sung mới	
68D.19	Máy Scanner laser 3D	Bộ		2	2	Bổ sung mới	
68E	PTH Nghiên cứu Mô hình Giao thông thông minh	PTN Mới		x			PTN Mới (68E)
68E.1	Máy vi tính cấu hình cao MACHINE LEARNING	Bộ		2	2	Bổ sung mới	
68E.2	DJI Matrice 300 RTK	Bộ		1	1	Bổ sung mới	
68E.3	Camera DJI Zenmuse L1	Cái		1	1	Bổ sung mới	
68E.4	Kính thực tế ảo Meta Quest 3	Cái		1	1	Bổ sung mới	
68E.5	Laptop ASUS ROG Zephyrus G16 GU605MV	Cái		1	1	Bổ sung mới	
68E.6	Ổ cứng di động SSD Portable 2TB SSD Sandisk Extreme E61	Cái		1	1	Bổ sung mới	
68E.7	Máy in 3D Sermoon D3	Cái		1	1	Bổ sung mới	
68E.8	Máy in Brother HL-L8360CDW Colour Laser + Duplex and	Cái		1	1	Bổ sung mới	
68E.9	Thiết bị lưu trữ NAS Synology DS423+ (2 GB DDR4 4 khay ổ cứng + M.2 2280 NVMe SSD)	Cái		1	1	Bổ sung mới	
68E.10	Ổ Cứng Western Digital Purple 8TB 256MB Cache WD85PURZ	Cái		1	1	Bổ sung mới	
68E.11	Màn hình tương tác thông minh Samsung Flip Pro 85 inch	Cái		1	1	Bổ sung mới	
68E.12	Thiết bị scanner 3D bao gồm máy scan và giá scan Faro 150m	Cái		1	1	Bổ sung mới	
68E.13	Bộ máy tính	Bộ		4	4	Bổ sung mới	
68E.14	Tivi màn hình led từ 75" trở lên	Cái		2	2	Bổ sung mới	
68G	PTH Công nghệ mô hình và không gian thực tế ảo	PTN Mới		x			PTN Mới (68G)
68G.1	Phần mềm Rhino 3D (phần mềm không giới hạn thời gian; số lượng 30 máy)	Bộ		1	1	Bổ sung mới	
68G.2	Máy in 3D khổ A1	Cái		1	1	Bổ sung mới	
68G.3	Máy in 3D khổ A3	Cái		2	2	Bổ sung mới	
68G.4	Máy cắt CNC khổ A1	Cái		1	1	Bổ sung mới	
68G.5	Máy cắt CNC khổ A3	Cái		2	2	Bổ sung mới	
68G.6	Máy quét 3D lazer mặt đất	Bộ		2	2	Bổ sung mới	

TT	Danh mục máy móc, thiết bị	Đơn vị tính	Số lượng TCĐM(*) đã ban hành theo QĐ 951	Số lượng TCĐM(*) điều chỉnh tăng, giảm, bổ sung	Số lượng TCĐM(*) sau khi cập nhật điều chỉnh, bổ sung	Nội dung điều chỉnh, bổ sung so với TCĐM(*) đã ban hành theo QĐ 951	Ghi chú
(a)	(b)	(c)	(d)	(đ)	(e)=(d)+(đ)	(h)	(i)
68G.7	Máy quét 3D lazer di động	Bộ		2	2	Bổ sung mới	
68G.8	Máy quét 3D lazer trên không	Bộ		2	2	Bổ sung mới	
68G.9	Phần mềm tạo hình VR	Bộ		4	4	Bổ sung mới	
68G.10	Phần mềm mô phỏng VR	Bộ		4	4	Bổ sung mới	
68G.11	Thiết bị đầu ra VR	Bộ		4	4	Bổ sung mới	
68G.12	Thiết bị đầu vào VR	Bộ		4	4	Bổ sung mới	
68G.13	Bộ máy tính để bàn (workstation PC cấu hình mạnh)	Bộ		4	4	Bổ sung mới	
68G.14	Tivi màn hình led từ 75" trở lên	Cái		4	4	Bổ sung mới	
68G.15	Hệ thống máy lạnh	Hệ thống		1	1	Bổ sung mới	
68H	PTN Ô tô điện và pin nhiên liệu	PTN Mới		x			PTN Mới (68H)
68H.1	Bộ thiết bị chuyên dùng cho xe điện	Bộ		2	2	Bổ sung mới	
68H.2	Xe điện	Chiếc		2	2	Bổ sung mới	
68H.3	Xe hybrid	Chiếc		2	2	Bổ sung mới	
68H.4	Xe pin nhiên liệu	Chiếc		1	1	Bổ sung mới	
68H.5	Mô hình máy điện trong ô tô điện	Bộ		4	4	Bổ sung mới	
68H.6	Máy nạp/xả pin	Cái		2	2	Bổ sung mới	
68H.7	Máy hiện sóng	Cái		4	4	Bổ sung mới	
68H.8	Biến tần điều khiển động cơ	Cái		4	4	Bổ sung mới	
68H.9	Máy trộn vật liệu pin	Cái		1	1	Bổ sung mới	
68H.10	Máy phủ vật liệu pin	Cái		1	1	Bổ sung mới	
68H.11	Máy tính chuyên dùng thiết kế, mô phỏng	Bộ		10	10	Bổ sung mới	
68H.12	Trạm thử pin nhiên liệu	Bộ		1	1	Bổ sung mới	
68H.13	Trạm sạc pin xe điện	Bộ		1	1	Bổ sung mới	
68H.14	Pin nhiên liệu	Bộ		1	1	Bổ sung mới	
68H.15	Máy đục điện cực pin túi Pouch Cell (Electrode Punching Machine)	Cái		1	1	Bổ sung mới	
68H.16	Máy xếp chồng pin túi Pouch Cell (Stacking machine)	Cái		1	1	Bổ sung mới	
68H.17	Máy tạo hình pin túi Pouch cell (Pouch forming machine)	Cái		1	1	Bổ sung mới	
68H.18	Máy cắt và hàn tab Pouch cell (Tab trim and welding machine)	Cái		1	1	Bổ sung mới	
68H.19	Máy hàn túi pin Pouch cell (Pouch sealing machine)	Cái		1	1	Bổ sung mới	
68H.20	Máy khử khí túi Pouch cell (Degassing machine)	Cái		1	1	Bổ sung mới	
68H.21	Hệ thống đo công suất động cơ (Engine dynamometer)	Bộ		1	1	Bổ sung mới	
68H.22	Hệ thống quản lý pin BMS (Battery management system)	Bộ		1	1	Bổ sung mới	
II	Trường Công nghệ thông tin và truyền thông			x			
69	PTH Máy tính			x			
69.1	Bàn giáo viên	Cái	27	33	60	Tăng thêm 33	
69.2	Bàn máy tính đôi	Cái	488	712	1200	Tăng thêm 712	
69.4	Máy chiếu	Cái	9	9	18	Tăng thêm 09	
69.5	Máy điều hòa nhiệt độ	Bộ	50	70	120	Tăng thêm 70	
69.6	Máy tính để bàn	Bộ	1.000	1460	2460	Tăng thêm 1.460	

TT	Danh mục máy móc, thiết bị	Đơn vị tính	Số lượng TCĐM(*) đã ban hành theo QĐ 951	Số lượng TCĐM(*) điều chỉnh tăng, giảm, bổ sung	Số lượng TCĐM(*) sau khi cập nhật điều chỉnh, bổ sung	Nội dung điều chỉnh, bổ sung so với TCĐM(*) đã ban hành theo QĐ 951	Ghi chú
(a)	(b)	(c)	(d)	(đ)	(e)=(d)+(đ)	(h)	(i)
69.7	Tivi các loại (65, 70inch)	Cái	25	35	60	Tăng thêm 35	
69.8	Thiết bị mạng (Swieth 24 cổng Gigabit)	Cái	50	70	120	Tăng thêm 70	
B69.9	Máy tính dựng hình 2D/3D, kỹ xảo điện ảnh với các đồ họa và màn hình LCD 24inch.	Bộ		82	82	Bổ sung mới	
B69.10	Máy tính dựng hình 2D/3D, kỹ xảo điện ảnh với các đồ họa.	Cái		123	123	Bổ sung mới	
B69.11	Màn hình đồ họa với độ sai lệch màu DeltaE < 2, Độ bao phủ màu: 100% dải màu Adobe RGB, >= 90% dải màu DCI-P3. Màn hình đạt chứng nhận màu sắc của Pantone hoặc Calman	Cái		41	41	Bổ sung mới	
B69.12	Cạc xử lý đồ họa	Cái		150	150	Bổ sung mới	
B69.13	Camera giám sát	Cái		200	200	Bổ sung mới	
B69.14	Thiết bị phát sóng Wifi	Cái		70	70	Bổ sung mới	
70	PTN Hệ thống thông tin tích hợp			x			
70.1	Bàn giáo viên	Cái	3	2	5	Tăng thêm 02	
70.3	Máy chủ tính toán	Cái	2	28	30	Tăng thêm 28	
70.4	Máy điều hòa nhiệt độ	Bộ	6	9	15	Tăng thêm 09	
70.6	Tivi từ 65inch trở lên	Cái	4	6	10	Tăng thêm 06	
70.7	Thiết bị mạng (Swieth 24 cổng Gigabit)	Cái	6	9	15	Tăng thêm 09	
B70.8	Cạc màn hình	Cái		60	60	Bổ sung mới	
B70.9	Hệ thống camera giám sát	Hệ thống		1	1	Bổ sung mới	
B70.10	Hệ thống hội nghị trực tuyến	Hệ thống		1	1	Bổ sung mới	
B70.11	Máy tính để bàn cấu hình mạnh dành cho nghiên cứu, màn hình LCD 24Inch	Cái		60	60	Bổ sung mới	
B70.12	Máy in laser (hai mặt, mạng, wifi)	Cái		10	10	Bổ sung mới	
B70.13	Thiết bị phát sóng Wife (Access point wifi)	Cái		10	10	Bổ sung mới	
71	PTN Mạng máy tính, truyền thông di động và dữ liệu lớn			x			
71.5	Máy vi tính để bàn	Bộ	93	7	100	Tăng thêm 07	
71.9	Server tính toán	Cái	10	2	12	Tăng thêm 02	
B71.13	Hệ thống camera giám sát	Hệ thống		2	2	Bổ sung mới	
B71.14	Hệ thống hội nghị trực tuyến	Hệ thống		1	1	Bổ sung mới	
B71.15	Máy chủ AI NVIDIA DGX H200 with 8x NVIDIA H200 141GB SXM5 GPU Server, Dual Intel® Xeon® Platinum Processors, 2TB DDR5 Memory, 2x 1.92TB NVMe M.2 & 8x 3.84TB NVMe SSDs.	Bộ		6	6	Bổ sung mới	
B71.16	Máy chủ AI cao cấp Project Digits (GB10 Grace Blackwell Superchip, 128 GB, NVMe 4 TB), LCD 24 inch	Bộ		60	60	Bổ sung mới	
B71.17	Máy tính để bàn có cấu hình mạnh, LCD 24 inch	Bộ		41	41	Bổ sung mới	
B71.18	Máy in Laser HP (hai mặt, mạng, wifi)	Cái		2	2	Bổ sung mới	
B71.19	Máy điều hoà nhiệt độ 2HP treo tường	Cái		6	6	Bổ sung mới	

TT	Danh mục máy móc, thiết bị	Đơn vị tính	Số lượng TCĐM(*) đã ban hành theo QĐ 951	Số lượng TCĐM(*) điều chỉnh tăng, giảm, bổ sung	Số lượng TCĐM(*) sau khi cập nhật điều chỉnh, bổ sung	Nội dung điều chỉnh, bổ sung so với TCĐM(*) đã ban hành theo QĐ 951	Ghi chú
(a)	(b)	(c)	(d)	(d)	(e)=(d)+(d)	(h)	(i)
B71.20	Tủ Rack bố trí các thiết bị mạng	Cái		2	2	Bổ sung mới	
72	PTN Thị giác máy tính và xử lý			x			
72.3	Bàn giáo viên	Cái	2	10	12	Tăng thêm 10	
72.4	Bàn máy tính đôi	Cái	40	40	80	Tăng thêm 40	
72.6	BrickPi for Groups	Bộ	10	2	12	Tăng thêm 02	
72.11	Jetson AGX Orin Developer Kit	Bộ	3	2	5	Tăng thêm 02	
72.12	Jetson AGX Xavier Industrial	Bộ	3	2	5	Tăng thêm 02	
72.13	Jetson Xavier AGX H01 Kit	Bộ	3	2	5	Tăng thêm 02	
72.14	Leap Motion Controller	Bộ	40	20	60	Tăng thêm 20	
72.15	LEGO MINDSTORMS Education EV3 Core Set – 45544	Bộ	10	10	20	Tăng thêm 10	
72.16	LEGO MINDSTORMS Education EV3 Expansion Set	Bộ	10	10	20	Tăng thêm 10	
72.18	Máy điều hòa nhiệt độ	Bộ	3	1	4	Tăng thêm 01	
72.22	Máy tính để bàn	Bộ	82	82	164	Tăng thêm 82	
72.29	Server tính toán	Bộ	1	1	2	Tăng thêm 01	
72.34	Thiết bị mạng (Switch 24 cổng Gigabit)	Cái	5	1	6	Tăng thêm 01	
B72.36	Camera độ sâu Intel RealSense	Cái		4	4	Bổ sung mới	
B72.37	Hệ thống camera giám sát	Hệ thống		1	1	Bổ sung mới	
B72.38	Hệ thống hội nghị trực tuyến	Hệ thống		2	2	Bổ sung mới	
B72.39	Máy tính AI cá nhân Project Digits (GB10 Grace Blackwell Superchip, 128 GB, NVMe 4 TB), LCD 24 inch	Bộ		60	60	Bổ sung mới	
B72.40	Máy tính để bàn cấu hình mạnh, các đồ họa, LCD 24Inch	Bộ		10	10	Bổ sung mới	
B72.41	Thiết bị mạng không dây (Wifi access point)	Cái		4	4	Bổ sung mới	
73	Phòng Studio Trường Công nghệ Thông tin và TT			x			
73.1	AC Adaptor and Charger AC	Chiếc	2	8	10	Tăng thêm 08	
73.2	Bàn đạp chân	Chiếc	1	5	6	Tăng thêm 05	
73.3	Bàn điều khiển ánh sáng	Bộ	1	3	4	Tăng thêm 03	
73.4	Bàn, ghế ngồi cho MC	Bộ	1	3	4	Tăng thêm 03	
73.5	Bộ convert SDI to Audio	Bộ	2	10	12	Tăng thêm 10	
73.6	Bộ convert SDI to HDMI	Bộ	2	10	12	Tăng thêm 10	
73.7	Bộ chia DMX 4 channel	Bộ	1	5	6	Tăng thêm 05	
73.8	Bộ chuyển mạch VIDEO HDMI	Bộ	1	9	10	Tăng thêm 09	
73.9	Bộ điều khiển ống kính MS-15	Chiếc	2	10	12	Tăng thêm 10	
73.10	Bộ điều khiển tín hiệu	Bộ	1	9	10	Tăng thêm 09	
73.11	Bộ KVM extender	Bộ	1	9	10	Tăng thêm 09	
73.12	Bộ khung đỡ cho màn hình led	Hệ thống	1	1	2	Tăng thêm 01	
73.13	Bộ nhắc lời	Bộ	1	9	10	Tăng thêm 09	
73.14	Bộ thu phát video không dây	Bộ	1	9	10	Tăng thêm 09	
73.15	Bộ video mixer HD	Bộ	1	9	10	Tăng thêm 09	
73.16	Cạc xử lý video	Chiếc	1	24	25	Tăng thêm 24	
73.17	Cài tạo cách âm trường quay	Hệ thống	1	1	2	Tăng thêm 01	
73.18	Camera 360 livestream quay hình	Chiếc	1	9	10	Tăng thêm 09	
73.19	Camera cầm tay	Chiếc	1	15	16	Tăng thêm 15	
73.22	Cáp video 2.5	Cuộn	2	2	4	Tăng thêm 02	
73.23	Chân cho camera	Chiếc	1	19	20	Tăng thêm 19	
73.24	Chân máy quay kèm dolly	Chiếc	1	19	20	Tăng thêm 19	
73.25	Dàn máy edit hiệu ứng video	Bộ	1	7	8	Tăng thêm 07	
73.26	Dây âm thanh	Cuộn	1	2	3	Tăng thêm 02	
73.28	Dây nhảy cho video patch	Sợi	10	40	50	Tăng thêm 40	

TT	Danh mục máy móc, thiết bị	Đơn vị tính	Số lượng TCĐM(*) đã ban hành theo QĐ 951	Số lượng TCĐM(*) điều chỉnh tăng, giảm, bổ sung	Số lượng TCĐM(*) sau khi cập nhật điều chỉnh, bổ sung	Nội dung điều chỉnh, bổ sung so với TCĐM(*) đã ban hành theo QĐ 951	Ghi chú
(a)	(b)	(c)	(d)	(đ)	(e)=(d)+(đ)	(h)	(i)
73.31	Đèn chiếu ngược back light, đèn chủ key	Chiếc	3	17	20	Tăng thêm 17	
73.32	Đèn led chiếu phong OnAir IP	Chiếc	3	17	20	Tăng thêm 17	
73.33	Đèn nền fill light OnAir IP Panel 1	Chiếc	3	17	20	Tăng thêm 17	
73.36	Giắc video 2.5	Hộp	1	1	2	Tăng thêm 01	
73.37	Hệ thống khung treo giàn đèn	Hệ thống	1	1	2	Tăng thêm 01	
73.38	Hệ thống phong key điều khiển điện	Hệ thống	1	3	4	Tăng thêm 03	
73.39	Hệ thống thiết bị liên lạc	Bộ	1	7	8	Tăng thêm 07	
73.41	Loa kiểm thính	Chiếc	2	2	4	Tăng thêm 02	
73.42	Màn hình 24 inch	Chiếc	5	5	10	Tăng thêm 05	
73.43	Màn hình điều khiển	Chiếc	1	5	6	Tăng thêm 05	
73.44	Màn hình led P2.5	Cái	1	1	2	Tăng thêm 01	
73.45	Màn hình monitor cho phòng kỹ	Chiếc	3	3	6	Tăng thêm 03	
73.46	Màn hình Multiview 22 inch	Chiếc	1	5	6	Tăng thêm 05	
73.47	Máy ảnh, quay lấy nét nhanh	Chiếc	1	9	10	Tăng thêm 09	
73.48	Máy chiếu Lightmapping sân khấu	Chiếc	1	5	6	Tăng thêm 05	
73.49	Máy quay phim chuyên dụng	Chiếc	2	4	6	Tăng thêm 04	
73.50	Máy tính điều khiển	Chiếc	3	2	5	Tăng thêm 02	
73.51	Mic cài ve áo cho truyền hình	Bộ	3	17	20	Tăng thêm 17	
73.52	Mic rửa để bàn	Chiếc	2	18	20	Tăng thêm 18	
73.53	Micro phòng vấn	Chiếc	2	18	20	Tăng thêm 18	
73.54	Pin cho camera cầm tay, kèm sạc	Chiếc	2	18	20	Tăng thêm 18	
73.55	Pin máy quay	Chiếc	2	18	20	Tăng thêm 18	
73.56	Phần mềm ghi hình Recorder	Bản	1	1	2	Tăng thêm 01	
73.57	Server dựng hình phi tuyến	Chiếc	1	3	4	Tăng thêm 03	
73.58	Server ghi hình	Chiếc	1	3	4	Tăng thêm 03	
73.59	Switch mạng 16 cổng Gigabit	Bộ	1	7	8	Tăng thêm 07	
73.60	Switch nguồn POE cho AV	Bộ	2	6	8	Tăng thêm 06	
73.61	Tai nghe cho Bộ dựng	Chiếc	1	19	20	Tăng thêm 19	
73.62	Tủ điện cho hệ thống đèn trường	Tủ	1	1	2	Tăng thêm 01	
73.64	Tủ đựng camera	Chiếc	3	7	10	Tăng thêm 07	
73.65	Thẻ nhớ cho máy quay dung lượng 128GB	Chiếc	5	15	20	Tăng thêm 15	
73.66	Thiết bị Audio mixer	Chiếc	1	5	6	Tăng thêm 05	
73.67	Thiết bị đọc thẻ nhớ	Chiếc	5	15	20	Tăng thêm 15	
73.68	Thiết bị tạo xung đồng Bộ Mini Converter Sync Generator	Bộ	2	8	10	Tăng thêm 08	
73.69	Tripod Adaptor	Chiếc	3	12	15	Tăng thêm 12	
73.70	Video patch 24DV	Chiếc	2	4	6	Tăng thêm 04	
B73.71	Bàn chụp sản phẩm	Bộ		6	6	Bổ sung mới	
B73.72	Bàn trộn âm thanh	Bộ		6	6	Bổ sung mới	
B73.73	Bàn trộn hình ảnh Datavideo HS-2200	Bộ		4	4	Bổ sung mới	
B73.74	Bộ bàn ghế sofa cho sân khấu và khu vực chụp ảnh: đôn, bàn	Bộ		2	2	Bổ sung mới	
B73.75	Bộ kích sóng Trigger	Bộ		10	10	Bổ sung mới	
B73.76	Bộ kit 2 đèn led Continuous Light	Bộ		10	10	Bổ sung mới	
B73.77	Bộ sạc pin cho camera cầm tay	Bộ		10	10	Bổ sung mới	
B73.78	Bộ đàm trường quay	Bộ		10	10	Bổ sung mới	
B73.79	Chân đèn Inox có bánh xe	Cái		20	20	Bổ sung mới	
B73.80	Đàn Organ kết hợp audiomix cho phòng thu Novation FLkey 49 Keyboard Controller	Chiếc		6	6	Bổ sung mới	
B73.81	Đèn chiếu beauty studio	Bộ		15	15	Bổ sung mới	
B73.82	Đèn chiếu sản phẩm	Bộ		15	15	Bổ sung mới	

TT	Danh mục máy móc, thiết bị	Đơn vị tính	Số lượng TCĐM(*) đã ban hành theo QĐ 951	Số lượng TCĐM(*) điều chỉnh tăng, giảm, bổ sung	Số lượng TCĐM(*) sau khi cập nhật điều chỉnh, bổ sung	Nội dung điều chỉnh, bổ sung so với TCĐM(*) đã ban hành theo QĐ 951	Ghi chú
(a)	(b)	(c)	(d)	(d)	(e)=(d)+(d)	(h)	(i)
B73.83	Đèn fill light OnAir IP Panel	Chiếc		15	15	Bổ sung mới	
B73.84	Đèn quay phim cầm tay	Chiếc		15	15	Bổ sung mới	
B73.85	Drone Dji mavic	Bộ		6	6	Bổ sung mới	
B73.86	Gimbal máy quay tải trọng 4.5kg	Bộ		12	12	Bổ sung mới	
B73.87	Tay cầm chống rung cho điện thoại	Bộ		20	20	Bổ sung mới	
B73.88	Hệ thống camera giám sát	Hệ thống		4	4	Bổ sung mới	
B73.89	Hệ thống hội nghị trực tuyến	Hệ thống		2	2	Bổ sung mới	
B73.90	Hắt sáng bầu dục (loại 5 trong 1) 90x120 cm	Cái		20	20	Bổ sung mới	
B73.91	Hắt sáng tròn (loại 5 trong 1) 110 cm	Cái		20	20	Bổ sung mới	
B73.92	Hộp tản sáng đèn	Bộ		20	20	Bổ sung mới	
B73.93	Hệ thống Audio mixer	Hệ thống		4	4	Bổ sung mới	
B73.94	Màn hình cho đạo diễn	Cái		5	5	Bổ sung mới	
B73.95	Máy chụp ảnh kỹ thuật số ống kính rời (Thân, ống kính)	Chiếc		10	10	Bổ sung mới	
B73.96	Máy tính dựng hình 2D/3D, kỹ xảo điện ảnh, màn hình 27 Inch	Bộ		15	15	Bổ sung mới	
B73.97	Máy quay cầm tay Thân máy + Ống kính, Hood + Pin + Adaptor sạc + thẻ nhớ + túi chống sốc	Bộ		10	10	Bổ sung mới	
B73.98	Máy hút ẩm diệt khuẩn plasma	Chiếc		4	4	Bổ sung mới	
B73.99	Micro thu âm không dây	Bộ		20	20	Bổ sung mới	
B73.100	Ống kính macro cho camera cầm tay	Chiếc		10	10	Bổ sung mới	
B73.101	Ống kính tele zoom cho camera cầm tay	Chiếc		10	10	Bổ sung mới	
B73.102	Phòng key chụp ảnh mẫu và ảnh sản phẩm	Bộ		4	4	Bổ sung mới	
B73.103	Tủ chống ẩm cho camera (có điều khiển)	Chiếc		6	6	Bổ sung mới	
B73.104	Thiết bị lưu trữ	Cái		10	10	Bổ sung mới	
B73.105	Vòng kẹp Ring Grip	Cái		10	10	Bổ sung mới	
B73.106	Máy tính dựng hình 2D/3D, kỹ xảo điện ảnh với các đồ họa và màn hình LCD 27inch.	Bộ		41	41	Bổ sung mới	
B73.107	Bảng vẽ đồ họa có độ phân giải cao (từ 5080 LPI) hỗ trợ cảm ứng đa điểm, kết nối không dây và nhận diện góc nghiêng	Cái		82	82	Bổ sung mới	
B73.108	Ngòi thay thế cho bút vẽ điện tử cho bảng vẽ đồ họa	Bộ		82	82	Bổ sung mới	
B73.109	Wifi Router	Cái		6	6	Bổ sung mới	
B73.110	Tivi các loại từ 65 inches trở lên	Cái		4	4	Bổ sung mới	
B73.111	Softbox Tô Ong Godox	Cái		10	10	Bổ sung mới	
B73.112	Softbox Octagon Godox	Cái		10	10	Bổ sung mới	
B73.113	Đèn Flash Studio Godox	Cái		10	10	Bổ sung mới	
73A	PTN An Toàn Thông Tin	PTN		x			PTN Mới (73A)
73A.1	Bàn làm việc, thí nghiệm	Cái		10	10	Bổ sung mới	
73A.2	CAB DTE Male to Smart Serial, 10 Feet	Bộ		18	18	Bổ sung mới	
73A.3	CAB DCE Female to Smart Serial, 10 Feet	Bộ		18	18	Bổ sung mới	
73A.4	Cisco Firepower Next-Generation Firewall	Cái		18	18	Bổ sung mới	

TT	Danh mục máy móc, thiết bị	Đơn vị tính	Số lượng TCĐM(*) đã ban hành theo QĐ 951	Số lượng TCĐM(*) điều chỉnh tăng, giảm, bổ sung	Số lượng TCĐM(*) sau khi cập nhật điều chỉnh, bổ sung	Nội dung điều chỉnh, bổ sung so với TCĐM(*) đã ban hành theo QĐ 951	Ghi chú
(a)	(b)	(c)	(d)	(đ)	(e)=(d)+(đ)	(h)	(i)
73A.5	Flycam	Cái		5	5	Bổ sung mới	
73A.6	Hệ thống camera giám sát	Hệ thống		1	1	Bổ sung mới	
73A.7	Máy vi tính để bàn, màn hình 24	Bộ		60	60	Bổ sung mới	
73A.8	Máy tính để bàn cấu hình mạnh, LCD 24 Inch	Bộ		60	60	Bổ sung mới	
73A.9	Monitor LCD 24 Inch	Cái		20	20	Bổ sung mới	
73A.10	Máy in Laser HP (hai mặt, mạng, wifi)	Cái		2	2	Bổ sung mới	
73A.11	Máy lạnh Panasonic treo tường 2HP	Cái		6	6	Bổ sung mới	
73A.12	Router Cisco ISR	Cái		18	18	Bổ sung mới	
73A.13	Router/Switch 24 ports	Cái		6	6	Bổ sung mới	
73A.14	Ruckus Access Point	Cái		4	4	Bổ sung mới	
73A.15	Ruckus WLAN Virtual Controller	Cái		2	2	Bổ sung mới	
73A.16	Server tính toán	Cái		5	5	Bổ sung mới	
73A.17	Switch Cisco Catalyst 24port GE, 4x1G SFP	Cái		20	20	Bổ sung mới	
73A.18	Tivi từ 65 inch trở lên	Cái		3	3	Bổ sung mới	
73A.19	Tủ Rack bố trí các thiết bị mạng	Cái		2	2	Bổ sung mới	
73A.20	Hệ thống hội nghị trực tuyến	Hệ thống		1	1	Bổ sung mới	
73B	PTN Công nghệ phần mềm thông minh	PTN Mới		x			PTN Mới (73B)
73B.1	Bộ kit IoT cho người mới bắt đầu	Bộ		120	120	Bổ sung mới	
73B.2	Bảng thảo luận và các kế hoạch	Cái		1	1	Bổ sung mới	
73B.3	Cảm Biến Khoảng Cách Lidar	Bộ		80	80	Bổ sung mới	
73B.4	Combo Raspberry Pi	Bộ		80	80	Bổ sung mới	
73B.5	Kit RF Thu Phát Wifi BLE Ai-Thinker	Cái		80	80	Bổ sung mới	
73B.6	Mạch Arduino	Cái		80	80	Bổ sung mới	
73B.7	Monitor LCD 24 Inch	Cái		41	41	Bổ sung mới	
73B.8	Máy in Laser HP (hai mặt, mạng, wifi)	Cái		1	1	Bổ sung mới	
73B.9	Máy tính để bàn cấu hình mạnh, LCD 24 Inch	Bộ		60	60	Bổ sung mới	
73B.10	Máy hút bụi cầm tay Deerma DX700S	Cái		2	2	Bổ sung mới	
73B.11	Máy lạnh Panasonic treo tường 2HP	Cái		4	4	Bổ sung mới	
73B.12	Máy chiếu	Cái		1	1	Bổ sung mới	
73B.13	Router/Switch 24 ports	Cái		4	4	Bổ sung mới	
73B.14	Thiết bị mạng không dây (Wifi access point)	Cái		2	2	Bổ sung mới	
73B.15	Tivi từ 65 inch trở lên	Cái		2	2	Bổ sung mới	
73B.16	USB Thu WIFI	Cái		80	80	Bổ sung mới	
73B.17	Hệ thống hội nghị trực tuyến	Hệ thống		1	1	Bổ sung mới	
III	Trường Kinh tế			x			
78	PTN Kinh tế học hành vi, mô phỏng và định lượng			x			
B78.2	Máy vi tính để bàn	Bộ		120	120	Bổ sung mới	
B78.3	Máy in	Cái		5	5	Bổ sung mới	
84	PTH Mô phỏng thực hành thương mại điện tử			x			
B84.5	Máy quay phim chuyên dụng	Bộ		1	1	Bổ sung mới	
88	Phòng nghiên cứu SDH			x			
88.2	Máy điều hòa nhiệt độ	Bộ	1	1	2	Tăng thêm 01	
IV	Trường Nông nghiệp			x			

TT	Danh mục máy móc, thiết bị	Đơn vị tính	Số lượng TCĐM(*) đã ban hành theo QĐ 951	Số lượng TCĐM(*) điều chỉnh tăng, giảm, bổ sung	Số lượng TCĐM(*) sau khi cập nhật điều chỉnh, bổ sung	Nội dung điều chỉnh, bổ sung so với TCĐM(*) đã ban hành theo QĐ 951	Ghi chú
(a)	(b)	(c)	(d)	(d)	(e)=(d)+(d)	(h)	(i)
89	PTN Sinh lý thực vật			x			
89.6	Bếp đun cách thủy kết hợp với lãc và điều chỉnh được các mức độ	Cái	1	1	2	Tăng thêm 01	
94	PTN Di truyền thực vật			x			
94.12	Kính hiển vi	Cái	1	30	31	Tăng thêm 30	
97	PTN Bệnh cây			x			
97.3	Cân hai số lẻ	Cái	1	1	2	Tăng thêm 01	
97.9	Hệ thống lọc nước	Cái	1	1	2	Tăng thêm 01	
97.10	Kính hiển vi soi nổi	Cái	6	4	10	Tăng thêm 04	
97.12	Kính hiển vi huỳnh quang	Cái	1	1	2	Tăng thêm 01	
97.13	Kính hiển vi huỳnh quang nối camera	Cái	1	2	3	Tăng thêm 02	
97.17	Máy đo quang phổ	Cái	1	1	2	Tăng thêm 01	
97.25	Máy lãc ngang có điều chỉnh nhiệt độ	Cái	1	1	2	Tăng thêm 01	
97.29	Máy PCR	Cái	1	1	2	Tăng thêm 01	
97.32	Microwave	Cái	2	3	5	Tăng thêm 03	
97.33	Mutiple thermo incubator	Cái	1	1	2	Tăng thêm 01	
97.34	Nồi hấp tiệt trùng	Cái	1	1	2	Tăng thêm 01	
97.36	Tủ cấy vi sinh	Cái	1	1	2	Tăng thêm 01	
97.37	Tủ cấy vi sinh vật	Cái	3	1	4	Tăng thêm 01	
97.38	Tủ đông	Cái	1	1	2	Tăng thêm 01	
97.41	Tủ hút khí độc	Cái	1	1	2	Tăng thêm 01	
97.42	Tủ lạnh	Cái	3	1	4	Tăng thêm 01	
97.45	Tủ ủm (incubator)	Cái	2	1	3	Tăng thêm 01	
98	PTN Côn trùng-Hóa bảo vệ thực vật			x			
98.2	Bể rửa sóng siêu âm PTN	Cái	1	1	2	Tăng thêm 01	
98.5	Cân phân tích điện tử 2 số lẻ	Cái	1	1	2	Tăng thêm 01	
98.6	Cân xác định độ ẩm mẫu mini	Cái	1	1	2	Tăng thêm 01	
98.7	Dụng cụ đo pH đất	Cái	1	1	2	Tăng thêm 01	
98.10	Kính hiển vi soi nổi	Cái	7	3	10	Tăng thêm 03	
98.17	Máy đo pH để bàn	Cái	1	1	2	Tăng thêm 01	
98.29	Micropipette, Bộ 5 Cái	Bộ	2	1	3	Tăng thêm 01	
98.32	Tủ đông	Cái	2	1	3	Tăng thêm 01	
98.33	Tủ đựng hóa chất, thuốc BVTV các loại	Cái	1	1	2	Tăng thêm 01	
98.34	Tủ lạnh âm 30oC panasonic trữ mẫu	Cái	1	1	2	Tăng thêm 01	
98.40	Trắc vi thị kính	Cái	1	4	5	Tăng thêm 04	
99	PTN Phòng trừ sinh học			x			
99.2	Buồng đếm hồng cầu	Cái	2	2	4	Tăng thêm 02	
99.24	Microwave	Cái	3	1	4	Tăng thêm 01	
99.25	Nồi hấp tiệt trùng	Cái	3	1	4	Tăng thêm 01	
99.30	Tủ hút	Cái	2	1	3	Tăng thêm 01	
99.32	Tủ lạnh âm -80°C	Cái	1	1	2	Tăng thêm 01	
100	PTN Công nghệ sinh học trong bảo vệ thực vật			x			
100.1	Bộ dụng cụ hút mẫu (micropittete)	Cái	3	7	10	Tăng thêm 07	
100.2	Bộ ghi dữ liệu nhiệt độ, độ ẩm	Bộ	1	1	2	Tăng thêm 01	
100.3	Bộ hút dung môi (micropittete)	Bộ	3	7	10	Tăng thêm 07	
100.4	Cân điện tử	Cái	2	4	6	Tăng thêm 04	
100.5	Hệ thống điện di	Bộ	1	2	3	Tăng thêm 02	
100.6	Kính hiển vi	Cái	6	14	20	Tăng thêm 14	
100.7	Máy cô quay	Cái	1	1	2	Tăng thêm 01	

TT	Danh mục máy móc, thiết bị	Đơn vị tính	Số lượng TCĐM(*) đã ban hành theo QĐ 951	Số lượng TCĐM(*) điều chỉnh tăng, giảm, bổ sung	Số lượng TCĐM(*) sau khi cập nhật điều chỉnh, bổ sung	Nội dung điều chỉnh, bổ sung so với TCĐM(*) đã ban hành theo QĐ 951	Ghi chú
(a)	(b)	(c)	(d)	(d)	(e)=(d)+(d)	(h)	(i)
100.8	Máy đo pH	Cái	1	3	4	Tăng thêm 03	
100.9	Máy khuấy từ	Cái	1	3	4	Tăng thêm 03	
100.12	Máy ly tâm	Cái	1	1	2	Tăng thêm 01	
100.13	Máy ly tâm lạnh	Cái	1	1	2	Tăng thêm 01	
100.14	Máy ly tâm tốc độ thấp	Cái	1	2	3	Tăng thêm 02	
100.15	Máy nhân gen PCR	Cái	2	1	3	Tăng thêm 01	
100.16	Máy quang phổ định lượng DNA/RNA/PROTEIN	Cái	1	1	2	Tăng thêm 01	
100.19	Tủ ẩm	Cái	1	1	2	Tăng thêm 01	
100.22	Tủ lạnh âm sâu -86°C	Cái	1	1	2	Tăng thêm 01	
B100.24	Máy real time PCR	Cái		1	1	Bổ sung mới	
B100.25	Máy chụp hình gel agarose	Cái		2	2	Bổ sung mới	
107	PTN Sinh học đất và Sinh học đất tiên tiến			x			
107.3	Cân phân tích 3 số lẻ	Cái	2	1	3	Tăng thêm 01	
107.4	Cân phân tích 4 số lẻ	Cái	2	1	3	Tăng thêm 01	
B107.49	Pipette các loại	Cái		5	5	Bổ sung mới	
113	PTN Thú y cơ sở			x			
113.11	Kính hiển vi 2 thị kính	Cái	25	15	40	Tăng thêm 15	
113.12	Kính hiển vi có camera	Cái	2	2	4	Tăng thêm 02	
114	PTN Thú y chuyên ngành			x			
114.6	Cân phân tích	Cái	6	2	8	Tăng thêm 02	
114.8	Điện di đứng	Cái	1	1	2	Tăng thêm 01	
114.9	Giá đựng micropipet	Cái	2	8	10	Tăng thêm 08	
114.10	Hematocrit	Cái	1	1	2	Tăng thêm 01	
114.15	Kính hiển vi	Cái	32	8	40	Tăng thêm 08	
114.16	Kính hiển vi đảo ngược	Cái	1	1	2	Tăng thêm 01	
114.20	Khay inox loại lớn	Cái	6	9	15	Tăng thêm 09	
114.21	Khay inox loại nhỏ	Cái	6	14	20	Tăng thêm 14	
114.22	Kính hiển vi phản pha kết nối máy tính -ảnh	Cái	2	1	3	Tăng thêm 01	
114.23	Máy ấp trứng mini	Cái	10	15	25	Tăng thêm 15	
114.25	Máy chụp gel	Cái	2	1	3	Tăng thêm 01	
114.31	Máy luân nhiệt 96 giếng	Cái	2	1	3	Tăng thêm 01	
114.35	Máy PCR để bàn	Cái	2	1	3	Tăng thêm 01	
114.38	Máy trộn mẫu	Cái	1	1	2	Tăng thêm 01	
114.39	Micropipette 0.5-10µl	Cái	4	4	8	Tăng thêm 04	
114.40	Micropipette 100-1000µl	Cái	2	6	8	Tăng thêm 06	
114.41	Micropipette 10-100µl	Cái	2	6	8	Tăng thêm 06	
114.42	Micropipette 20-200µl	Cái	2	6	8	Tăng thêm 06	
114.43	Micropipette 2-20µl	Cái	2	8	10	Tăng thêm 08	
114.45	Micropipette 500-5000µl	Cái	2	2	4	Tăng thêm 02	
114.47	Tủ an toàn sinh học	Cái	1	1	2	Tăng thêm 01	
114.48	Tủ ẩm lạnh có điều khiển nhiệt độ	Cái	1	1	2	Tăng thêm 01	
114.49	Tủ đông -30độC	Cái	2	1	3	Tăng thêm 01	
114.55	Tủ lạnh âm sâu	Cái	1	1	2	Tăng thêm 01	
B114.59	Máy tích hợp điện di và chụp gel	Cái		1	1	Bổ sung mới	
B114.60	Tủ ẩm	Cái		2	2	Bổ sung mới	
B114.61	Tủ đông -80 độ C	Cái		1	1	Bổ sung mới	
B114.62	Vortex	Cái		3	3	Bổ sung mới	
B114.63	Máy ly tâm spindown	Cái		3	3	Bổ sung mới	
B114.64	Rack lạnh giữ tube/ strip	Cái		6	6	Bổ sung mới	
B114.65	Bể gia nhiệt	Cái		3	3	Bổ sung mới	
B114.66	Cool cell	Cái		5	5	Bổ sung mới	
B114.67	Giá đựng dụng cụ	Cái		5	5	Bổ sung mới	

TT	Danh mục máy móc, thiết bị	Đơn vị tính	Số lượng TCĐM(*) đã ban hành theo QĐ 951	Số lượng TCĐM(*) điều chỉnh tăng, giảm, bổ sung	Số lượng TCĐM(*) sau khi cập nhật điều chỉnh, bổ sung	Nội dung điều chỉnh, bổ sung so với TCĐM(*) đã ban hành theo QĐ 951	Ghi chú
(a)	(b)	(c)	(d)	(đ)	(e)=(d)+(đ)	(h)	(i)
B114.68	Tủ đựng hóa chất	Cái		2	2	Bổ sung mới	
B114.69	Kính hiển vi soi ngược	Cái		2	2	Bổ sung mới	
116	PTN Dược lý thú y			x			
116.15	Cốc thủy tinh (1000ml, 500ml, 250ml, 100ml, 50ml)	Bộ	5	5	10	Tăng thêm 05	
116.17	Đĩa petri thủy tinh	Cái	200	200	400	Tăng thêm 200	
116.19	Giá inox đựng ống nghiệm	Cái	10	10	20	Tăng thêm 10	
116.22	Kính hiển vi	Cái	4	4	8	Tăng thêm 04	
116.23	Lò vi sóng	Cái	1	1	2	Tăng thêm 01	
116.30	Máy in	Cái	1	1	2	Tăng thêm 01	
116.51	Ống đông nhựa (1000ml, 500ml, 100ml, 10ml)	Bộ	1	2	3	Tăng thêm 02	
116.52	Ống đông thủy tinh (1000ml, 500ml, 100ml, 10ml)	Bộ	2	2	4	Tăng thêm 02	
116.53	Ống hút thẳng vạch xanh	Cái	5	25	30	Tăng thêm 25	
116.54	Ống nghiệm nắp vận đồ PBT	Cái	200	200	400	Tăng thêm 200	
117	PTN An toàn thực phẩm thú y			x			
117.1	Bể ổn nhiệt	Cái	1	1	2	Tăng thêm 01	
117.3	Cân phân tích điện tử	Cái	2	1	3	Tăng thêm 01	
117.4	Hệ thống điện di	Cái	3	2	5	Tăng thêm 02	
117.5	Hệ thống điện di xung trường PFGE	Bộ	1	1	2	Tăng thêm 01	
117.6	Lò vi sóng	Cái	1	2	3	Tăng thêm 02	
117.7	Màn hình	Cái	2	2	4	Tăng thêm 02	
117.8	Máy điện di	Cái	3	2	5	Tăng thêm 02	
117.9	Máy đo pH	Cái	2	2	4	Tăng thêm 02	
117.10	Máy gia nhiệt	Cái	2	2	4	Tăng thêm 02	
117.11	Máy in	Cái	2	2	4	Tăng thêm 02	
117.12	Máy khuấy từ	Cái	1	2	3	Tăng thêm 02	
117.13	Máy làm đá	Cái	3	1	4	Tăng thêm 01	
117.14	Máy lắc	Cái	2	3	5	Tăng thêm 03	
117.15	Máy luân nhiệt	Cái	2	2	4	Tăng thêm 02	
117.16	Máy ly tâm	Cái	2	2	4	Tăng thêm 02	
117.17	Máy ổn áp (15KVA)	Cái	1	1	2	Tăng thêm 01	
117.18	Máy tính	Cái	6	-3	3	Giảm 03	
117.19	Micropipette 0.5-10μl	Bộ	9	1	10	Tăng thêm 01	
117.20	Micropipette 100-1000μl	Bộ	3	10	13	Tăng thêm 01	
117.21	Micropipette 10-100μl	Bộ	6	1	7	Tăng thêm 01	
117.22	Micropipette 20-200μl	Bộ	9	6	15	Tăng thêm 01	
117.23	Micropipette 2-20μl	Bộ	3	9	12	Tăng thêm 01	
117.24	Micropipette 500-5000μl	Bộ	2	3	5	Tăng thêm 01	
117.25	Nồi hấp diệt trùng	Cái	1	3	4	Tăng thêm 01	
117.27	Tủ an toàn sinh học	Cái	1	2	3	Tăng thêm 01	
117.28	Tủ ẩm	Cái	2	1	3	Tăng thêm 01	
117.29	Tủ ẩm CO2	Cái	2	2	4	Tăng thêm 01	
117.30	Tủ đông -30°C	Cái	2	3	5	Tăng thêm 01	
117.31	Tủ đông -80°C	Cái	1	4	5	Tăng thêm 01	
117.32	Tủ lạnh 350L	Cái	3	2	5	Tăng thêm 01	
117.33	Tủ lạnh 450L	Cái	2	4	6	Tăng thêm 01	
117.34	Tủ sấy	Cái	2	3	5	Tăng thêm 01	
117.35	Tủ thao tác PCR	Cái	1	3	4	Tăng thêm 01	
B117.36	Tủ đựng hóa chất	Cái		5	5	Bổ sung mới	
V	Trường Thủy sản			x			
121	PTN Môi trường Thủy sản và Môi trường Thủy sản tiên tiến			x			

TT	Danh mục máy móc, thiết bị	Đơn vị tính	Số lượng TCĐM(*) đã ban hành theo QĐ 951	Số lượng TCĐM(*) điều chỉnh tăng, giảm, bổ sung	Số lượng TCĐM(*) sau khi cập nhật điều chỉnh, bổ sung	Nội dung điều chỉnh, bổ sung so với TCĐM(*) đã ban hành theo QĐ 951	Ghi chú
(a)	(b)	(c)	(d)	(đ)	(e)=(d)+(đ)	(h)	(i)
121.1	Bể composite 1 m3	Cái	21	9	30	Tăng thêm 09	
121.56	Máy so màu cầm tay	Cái	2	8	10	Tăng thêm 08	
B121.85	Bể rửa siêu âm (Ultrasonic bath)	Cái		1	1	Bổ sung mới	
B121.86	Nồi hấp tuyệt trùng 16Lit	Cái		2	2	Bổ sung mới	
B121.87	Tủ hút khí độc ESCO	Cái		2	2	Bổ sung mới	
B121.88	Nồi hấp tuyệt trùng 16Lit	Cái		2	2	Bổ sung mới	
B121.89	Màn hình tivi từ 65 inches trở lên	Cái		2	2	Bổ sung mới	
B121.90	Bộ giềng đo máy so màu quang phổ 8-16 giềng	Cái		2	2	Bổ sung mới	
B121.91	Máy phát điện	Cái		1	1	Bổ sung mới	
122	PTN Thức ăn tự nhiên và Thức ăn tự nhiên tiên tiến			x			
B122.23	Cân điện tử 3 số lẻ	Cái		1	1	Bổ sung mới	
B122.24	Trắc vi thị kính	Cái		2	2	Bổ sung mới	
B122.25	pH cầm tay Hanna	Cái		5	5	Bổ sung mới	
B122.26	Buồng đếm Neubauer/ burker	Cái		5	5	Bổ sung mới	
B122.27	Tủ mát trữ mẫu	Cái		2	2	Bổ sung mới	
123	PTN Sinh lý thủy sản và Sinh lý thủy sản tiên tiến			x			
123.1	Bể điều nhiệt	Cái	5	-3	2	Giảm 03	
123.4	Bộ Micropipette	Bộ	5	-3	2	Giảm 03	
123.19	Kính hiển vi huỳnh quang	Cái	1	-1	0	Giảm 01	
123.22	Máy bơm chìm	Cái	7	-2	5	Giảm 02	
123.28	Máy đo khí máu	Cái	1	-1	0	Giảm 01 (toàn bộ)	
123.29	Máy đo pH	Cái	4	-4	0	Giảm 04 (toàn bộ)	
123.30	Máy đo pH cầm tay	Cái	5	-2	3	Giảm 02	
123.31	Máy đồng hóa	Cái	3	-1	2	Giảm 01	
123.33	Máy đúc mẫu paraffin	Cái	1	-1	0	Giảm 01 (toàn bộ)	
123.35	Máy khuấy	Cái	2	-2	0	Giảm 02 (toàn bộ)	
123.39	Máy ly tâm	Cái	6	-5	1	Giảm 05	
123.42	Máy nhuộm mô	Cái	1	-1	0	Giảm 01 (toàn bộ)	
123.43	Máy quang phổ	Cái	3	-2	1	Giảm 02	
123.44	Máy thổi khí	Cái	9	-7	2	Giảm 07	
123.48	Micropipette (1-20 microlitter)	Cái	2	3	5	Tăng 03	
123.49	Micropipette (50-100 microlitter)	Cái	2	3	5	Tăng 03	
123.50	Micropipette điện tử	Cái	2	3	5	Tăng 03	
123.51	Micropipette điện tử	Bộ	3	2	5	Tăng 02	
123.54	Tủ ẩm	Cái	3	-1	2	Giảm 01	
123.60	Tủ đựng hóa chất	Cái	2	-1	1	Giảm 01	
123.61	Tủ đựng kính hiển vi	Cái	2	-1	1	Giảm 01	
123.62	Tủ hút	Cái	4	-2	2	Giảm 02	
123.66	Thiết bị lên men	Cái	1	-1	0	Giảm 01 (toàn bộ)	
B123.67	Máy cô quay mẫu	Cái		1	1	Bổ sung mới	
B123.68	Bộ điện di (Electrophoresis system)	Cái		1	1	Bổ sung mới	
B123.69	Buồng đếm Burker/Neubauer	Cái		3	3	Bổ sung mới	
B123.70	Bếp từ	Cái		2	2	Bổ sung mới	
B123.71	Buồng đếm hồng cầu	Cái		3	3	Bổ sung mới	
B123.72	Đầu điện cực pH để bàn	Cái		2	2	Bổ sung mới	

TT	Danh mục máy móc, thiết bị	Đơn vị tính	Số lượng TCĐM(*) đã ban hành theo QĐ 951	Số lượng TCĐM(*) điều chỉnh tăng, giảm, bổ sung	Số lượng TCĐM(*) sau khi cập nhật điều chỉnh, bổ sung	Nội dung điều chỉnh, bổ sung so với TCĐM(*) đã ban hành theo QĐ 951	Ghi chú
(a)	(b)	(c)	(d)	(d)	(e)=(d)+(d)	(h)	(i)
B123.73	Máy đo độ mặn	Cái		3	3	Bổ sung mới	
B123.74	Máy bơm chìm	Cái		10	10	Bổ sung mới	
B123.75	Máy thổi khí	Cái		10	10	Bổ sung mới	
B123.76	Burrret	Cái		5	5	Bổ sung mới	
124	PTN Nguồn lợi thủy sản			x			
124.1	Bộ dụng cụ đo lưu lượng	Cái	4	-4	0	Giảm 04 (toàn bộ)	
124.2	Bộ nhãn đánh dấu	Cái	1000	-1000	0	Giảm 1000 (toàn bộ)	
124.3	Bộ quần áo lấy mẫu không thấm nước	Cái	20	-20	0	Giảm 20 (toàn bộ)	
124.5	Cân điện tử	Cái	10	-8	2	Giảm 08	
124.6	Chai nhựa HDPE	Cái	1000	-1000	0	Giảm 1000 (toàn bộ)	
124.7	Dây code đánh dấu	Cái	2	-2	0	Giảm 02 (toàn bộ)	
124.8	Dụng cụ đánh bóng cá	Cái	2	-2	0	Giảm 02 (toàn bộ)	
124.9	Dụng cụ đánh dấu	Cái	4	-4	0	Giảm 04 (toàn bộ)	
124.10	Dụng cụ đo lưu lượng	Cái	12	-12	0	Giảm 12 (toàn bộ)	
124.11	Dụng cụ thu hút cá	Cái	10	-10	0	Giảm 10 (toàn bộ)	
124.12	Keo Epoxy	Cái	800	-800	0	Giảm 800 (toàn bộ)	
124.17	Kính hiển vi với thiết bị vẽ	Bộ	4	-4	0	Giảm 04 (toàn bộ)	
124.18	Kính lúp	Cái	10	-10	0	Giảm 10 (toàn bộ)	
124.19	Máy bắn cá	Cái	4	-4	0	Giảm 04 (toàn bộ)	
124.20	Máy chiếu và máy tính	Cái	4	-2	2	Giảm 02	
124.21	Máy định vị	Cái	10	-5	5	Giảm 05	
124.22	Máy đo chất lượng nước cầm tay	Cái	4	-2	2	Giảm 02	
124.23	Máy đọc nhãn code	Cái	5	-4	1	Giảm 04	
124.24	Máy quay Video và màn hình	Bộ	2	-2	0	Giảm 02 (toàn bộ)	
124.25	Pipette	Bộ	4	-4	0	Giảm 04 (toàn bộ)	
124.26	Tủ đông (-30°C)	Cái	10	-5	5	Giảm 05	
124.27	Tủ đựng hóa chất	Cái	4	-3	1	Giảm 03	
124.28	Tủ đựng kính hiển vi	Cái	10	-4	6	Giảm 04	
124.29	Thiết bị kiểm soát cá	Cái	2	-2	0	Giảm 02 (toàn bộ)	
124.30	Thiết bị lặn siêu âm	Cái	2	-2	0	Giảm 02 (toàn bộ)	
B124.31	Bộ tiểu phẫu: Pakistan	Bộ		20	20	Bổ sung mới	
B124.32	Cân kỹ thuật 2 số lẻ	Cái		5	5	Bổ sung mới	
B124.33	Bút đo pH/nhiệt độ	Cái		10	10	Bổ sung mới	
B124.34	Máy đo nồng độ Ôxy hòa tan (DO) cầm tay	Bộ		2	2	Bổ sung mới	
B124.35	Micropipette (20-200 microliter, 100-1000 microliter, 1-5 mL)	Cái		6	6	Bổ sung mới	
B124.36	Khúc xạ kế	Cái		5	5	Bổ sung mới	

TT	Danh mục máy móc, thiết bị	Đơn vị tính	Số lượng TCĐM(*) đã ban hành theo QĐ 951	Số lượng TCĐM(*) điều chỉnh tăng, giảm, bổ sung	Số lượng TCĐM(*) sau khi cập nhật điều chỉnh, bổ sung	Nội dung điều chỉnh, bổ sung so với TCĐM(*) đã ban hành theo QĐ 951	Ghi chú
(a)	(b)	(c)	(d)	(đ)	(e)=(d)+(đ)	(h)	(i)
B124.37	Máy đo độ sâu (Hondex)	Cái		2	2	Bổ sung mới	
B124.38	Trắc vi thị kính (Nikon)	Cái		2	2	Bổ sung mới	
125	PTN Sinh học nghề cá			x			
125.1	Bẫy cá chình	Cái	6	-6	0	Giảm 06 (toàn bộ)	
125.2	Bẫy tôm	Cái	6	-6	0	Giảm 06 (toàn bộ)	
125.3	Bộ ghi dữ liệu mặn	Cái	6	-6	0	Giảm 06 (toàn bộ)	
125.4	Bộ thước đo cá	Cái	3	-3	0	Giảm 03 (toàn bộ)	
125.5	Camera chống nước	Cái	4	-4	0	Giảm 04 (toàn bộ)	
125.6	Camera kỹ thuật số	Cái	4	-2	2	Giảm 02	
125.7	Cân điện tử	Cái	30	-20	10	Giảm 20	
125.8	Chai nhựa HDPE	Cái	1000	-1000	0	Giảm 1000 (toàn bộ)	
125.9	Dây code đánh dấu	Cái	2	-2	0	Giảm 02 (toàn bộ)	
125.10	Dipnet	Cái	12	-12	0	Giảm 12 (toàn bộ)	
125.11	Dụng cụ bắt cá bằng điện	Cái	3	-3	0	Giảm 03 (toàn bộ)	
125.12	Dụng cụ đánh dấu	Cái	4	-4	0	Giảm 04 (toàn bộ)	
125.13	Dụng cụ đo lưu lượng	Cái	2	-2	0	Giảm 02 (toàn bộ)	
125.14	Dụng cụ thu hút cá	Cái	10	-10	0	Giảm 10 (toàn bộ)	
125.15	Dụng cụ thu thập sinh vật phù du	Cái	6	-6	0	Giảm 06 (toàn bộ)	
125.16	Đĩa máy kim cương	Cái	4	-4	0	Giảm 04 (toàn bộ)	
125.17	Kệ di động	Cái	4	-4	0	Giảm 04 (toàn bộ)	
125.19	Kính lúp	Cái	8	-8	0	Giảm 08 (toàn bộ)	
125.20	Máy chiếu và máy tính	Cái	6	-4	2	Giảm 04	
125.21	Máy dò cá	Cái	4	-4	0	Giảm 04 (toàn bộ)	
125.22	Máy đếm cá	Cái	6	-6	0	Giảm 06 (toàn bộ)	
125.23	Máy đọc nhãn code	Cái	2	-2	0	Giảm 02 (toàn bộ)	
125.24	Máy quay chống nước	Cái	8	-8	0	Giảm 08 (toàn bộ)	
125.25	Máy quay Video và màn hình	Bộ	2	-2	0	Giảm 02 (toàn bộ)	
125.26	Pipette	Cái	4	-4	0	Giảm 04 (toàn bộ)	
125.27	Tủ đựng hóa chất	Cái	2	-2	0	Giảm 02 (toàn bộ)	
126	PTN Sinh học sinh sản cá, Mô và Phôi động vật thủy sản - Di truyền thủy sản			x			

TT	Danh mục máy móc, thiết bị	Đơn vị tính	Số lượng TCĐM(*) đã ban hành theo QĐ 951	Số lượng TCĐM(*) điều chỉnh tăng, giảm, bổ sung	Số lượng TCĐM(*) sau khi cập nhật điều chỉnh, bổ sung	Nội dung điều chỉnh, bổ sung so với TCĐM(*) đã ban hành theo QĐ 951	Ghi chú
(a)	(b)	(c)	(d)	(đ)	(e)=(d)+(đ)	(h)	(i)
126.4	Bộ nguồn cho hệ thống điện di	Cái	1	1	2	Tăng thêm 01	
126.17	Máy đo độ mặn	Cái	2	3	5	Tăng thêm 03	
126.18	Máy đo pH	Cái	2	2	4	Tăng thêm 02	
127	PTN Dinh dưỡng thủy sản và Dinh dưỡng thủy sản tiên tiến			x			
127.4	Máy cho ăn nổi, Pallet và máy nghiền	Bộ	1	1	2	Tăng thêm 01	
B127.14	Máy nghiền mẫu phân tích enzyme	Cái		2	2	Bổ sung mới	
B127.15	Cân điện tử 2 số lẻ	Cái		4	4	Bổ sung mới	
B127.16	Cân điện tử 4 số lẻ	Cái		2	2	Bổ sung mới	
B127.17	Micropipette điện tử	Cái		8	8	Bổ sung mới	
B127.18	Máy bơm chìm	Cái		8	8	Bổ sung mới	
B127.19	Máy ly tâm lạnh	Cái		2	2	Bổ sung mới	
B127.20	Máy cô quay	Cái		2	2	Bổ sung mới	
B127.21	Máy lạnh 2Hp	Cái		2	2	Bổ sung mới	
B127.22	Bể điều nhiệt	Cái		2	2	Bổ sung mới	
B127.23	Máy đo chất lượng nước cầm tay	Cái		2	2	Bổ sung mới	
B127.24	Tủ đông (-30°C)	Cái		4	4	Bổ sung mới	
B127.25	Tủ đựng hóa chất	Cái		2	2	Bổ sung mới	
B127.26	Tủ lạnh	Cái		4	4	Bổ sung mới	
B127.27	Máy đo độ mặn	Cái		2	2	Bổ sung mới	
B127.28	Tủ hút	Cái		2	2	Bổ sung mới	
B127.29	Tủ âm 80	Cái		1	1	Bổ sung mới	
128	Trại thí nghiệm giống thủy sản nước ngọt			x			
B128.31	Tủ đựng kính hiển vi	Cái		1	1	Bổ sung mới	
B128.32	Máy siêu âm cá	Cái		2	2	Bổ sung mới	
B128.33	Máy lạnh 2Hp	Cái		2	2	Bổ sung mới	
129	Trại thí nghiệm giống thủy sản nước lợ			x			
129.1	Bàn làm việc	Cái	4	6	10	Tăng thêm 06	
129.3	Bể 1 m3	Cái	2	8	10	Tăng thêm 08	
129.4	Bể 10 m3	Cái	3	12	15	Tăng thêm 12	
129.5	Bể 10 m3	Cái	7	13	20	Tăng thêm 13	
129.6	Bể 2 m3	Cái	14	6	20	Tăng thêm 06	
129.7	Bể 4 m3	Cái	17	3	20	Tăng thêm 03	
129.8	Bể 8 m3	Cái	3	7	10	Tăng thêm 07	
129.9	Bể composis 0,5 m3	Cái	80	20	100	Tăng thêm 20	
129.10	Bể composis 1m3 vuông	Cái	3	7	10	Tăng thêm 07	
129.11	Bể composis 2 m3	Cái	16	4	20	Tăng thêm 04	
129.12	Bể composis vuông 0,25 m3	Cái	20	10	30	Tăng thêm 10	
129.13	Bể composis vuông 0,5 m3	Cái	10	20	30	Tăng thêm 20	
129.14	Bể composis 0,25 m3	Cái	28	22	50	Tăng thêm 22	
129.15	Bể composis 1 m3	Cái	15	35	50	Tăng thêm 35	
129.16	Bể composis 2 m3	Cái	3	17	20	Tăng thêm 17	
129.17	Bể composis 2 m3 trại giống	Cái	6	24	30	Tăng thêm 24	
129.18	Bể composis 4 m3 trại giống	Cái	4	46	50	Tăng thêm 46	
129.19	Bể nhựa 0,120 m3	Cái	72	-22	50	Giảm 22	
129.20	Bể nhựa 0,5 m3	Cái	57	-7	50	Giảm 07	
129.21	Kính hiển vi	Cái	1	9	10	Tăng thêm 09	
129.22	Kính lúp	Cái	1	9	10	Tăng thêm 09	
129.23	Lọc cát	Cái	2	1	3	Tăng thêm 01	
129.24	Lọc sinh học	Cái	2	1	3	Tăng thêm 01	
129.25	Lọc than	Cái	1	2	3	Tăng thêm 02	
129.26	Máy cá ăn tự động	Cái	5	-3	2	Giảm 03	

TT	Danh mục máy móc, thiết bị	Đơn vị tính	Số lượng TCĐM(*) đã ban hành theo QĐ 951	Số lượng TCĐM(*) điều chỉnh tăng, giảm, bổ sung	Số lượng TCĐM(*) sau khi cập nhật điều chỉnh, bổ sung	Nội dung điều chỉnh, bổ sung so với TCĐM(*) đã ban hành theo QĐ 951	Ghi chú
(a)	(b)	(c)	(d)	(đ)	(e)=(d)+(đ)	(h)	(i)
129.27	Máy in	Cái	1	4	5	Tăng thêm 04	
129.28	Máy nghiền thức ăn	Cái	2	1	3	Tăng thêm 01	
129.30	Máy phát điện	Cái	4	2	6	Tăng thêm 02	
129.31	Máy tách đạm	Cái	1	1	2	Tăng thêm 01	
129.33	Két sắt	Cái	1	1	2	Tăng thêm 01	
129.34	Tivi từ 55 inches trở lên	Cái	1	1	2	Tăng thêm 01	
129.37	Tủ lạnh	Cái	3	7	10	Tăng thêm 07	
B129.39	Cân 2 số lẻ	Cái		10	10	Bổ sung mới	
B129.40	Cân 3 số lẻ	Cái		2	2	Bổ sung mới	
B129.41	Cân 4 số lẻ	Cái		2	2	Bổ sung mới	
B129.42	Máy đo độ mặn (khúc xạ kế)	Cái		10	10	Bổ sung mới	
B129.43	Máy đo pH	Cái		10	10	Bổ sung mới	
B129.44	Máy đo oxy	Cái		3	3	Bổ sung mới	
B129.45	Tủ mát	Cái		3	3	Bổ sung mới	
B129.46	Tủ âm - 80 độ	Cái		1	1	Bổ sung mới	
131	PTN Bệnh học thủy sản			x			
131.10	Cuvette cho máy quang phổ	Cái	2	2	4	Tăng thêm 02	
B131.54	Tủ ẩm nhiệt độ thấp	Cái		1	1	Bổ sung mới	
B131.55	Máy sấy đông khô	Cái		1	1	Bổ sung mới	
B131.56	Máy cô quay	Cái		1	1	Bổ sung mới	
B131.57	Micropipette	Bộ		4	4	Bổ sung mới	
132	PTN Công nghệ sinh học Thủy			x			
B132.37	Kính hiển vi soi ngược	Cái		2	2	Bổ sung mới	
B132.38	Vật kính 40X - Kính hiển vi	Cái		10	10	Bổ sung mới	
B132.39	Vật kính 100X - Kính hiển vi	Cái		10	10	Bổ sung mới	
B132.40	Cân 2 số lẻ	Cái		2	2	Bổ sung mới	
B132.41	Máy đo pH	Bộ		3	3	Bổ sung mới	
B132.42	Máy lắc vortex	Cái		2	2	Bổ sung mới	
B132.43	Micropipette	Bộ		3	3	Bổ sung mới	
B132.44	Buồng đếm hồng cầu	Cái		10	10	Bổ sung mới	
133	PTN An toàn thực phẩm thủy sản và an toàn thực phẩm thủy sản tiên tiến			x			
133.5	Máy công phá mẫu microwave	Cái	1	1	2	Tăng thêm 01	
133.17	Tủ hút	Cái	4	3	7	Tăng thêm 03	
B133.18	Tủ đựng hóa chất	Cái		2	2	Bổ sung mới	
134	PTN Vi sinh chế biến thủy sản và Vi sinh chế biến thủy sản tiên tiến			x			
134.16	Máy ly tâm spindown	Cái	1	2	3	Tăng thêm 02	
135	PTN Công nghệ Chế biến thủy sản tiên tiến			x			
B135.33	Máy sấy ẩm hồng ngoại	Cái		2	2	Bổ sung mới	
136	PTN Công nghệ Chế biến thủy			x			
136.5	Cân 2 số lẻ (0.01g)	Cái	2	-1	1	Giảm 01	
136.6	Cân 3 số lẻ (0.001g)	Cái	2	-1	1	Giảm 01	
136.7	Cân phân tích	Cái	2	-1	1	Giảm 01	
136.11	Cân phân tích hiện số	Cái	2	-1	1	Giảm 01	
136.18	HT p/tích đạm tự động	Cái	2	1	3	Tăng thêm 01	
136.19	HT p/tích nhiệt lượng Calorium	Cái	2	-1	1	Giảm 01	
136.29	Máy công phá đạm kín Velp	Cái	2	1	3	Tăng thêm 01	
136.30	Máy chỉnh nhiệt tự động	Cái	2	-1	1	Giảm 01	
136.32	Máy đập nguyên liệu	Cái	2	-1	1	Giảm 01	
136.33	Máy điện di ngang	Cái	2	-1	1	Giảm 01	
136.45	Máy ép viên thức ăn	Cái	2	-1	1	Giảm 01	
136.47	Máy khuấy từ	Cái	2	-1	1	Giảm 01	

TT	Danh mục máy móc, thiết bị	Đơn vị tính	Số lượng TCĐM(*) đã ban hành theo QĐ 951	Số lượng TCĐM(*) điều chỉnh tăng, giảm, bổ sung	Số lượng TCĐM(*) sau khi cập nhật điều chỉnh, bổ sung	Nội dung điều chỉnh, bổ sung so với TCĐM(*) đã ban hành theo QĐ 951	Ghi chú
(a)	(b)	(c)	(d)	(d)	(e)=(d)+(d)	(h)	(i)
136.51	Máy ly tâm	Cái	2	-1	1	Giảm 01	
136.52	Máy ly tâm 15 mL	Cái	2	-1	1	Giảm 01	
136.56	Máy nâng nhiệt khô (Dry bath heater)	Cái	2	-1	1	Giảm 01	
136.60	Máy so màu quang phổ VIS	Cái	2	-1	1	Giảm 01	
136.63	Ổn áp	Cái	2	1	3	Tăng thêm 01	
136.64	Tủ ẩm Gallenkamp	Cái	2	-1	1	Giảm 01	
136.68	Tủ hút khí độc	Cái	2	1	3	Tăng thêm 01	
136.70	Tủ mát	Cái	3	-2	1	Giảm 02	
136.72	Tủ sấy	Cái	2	1	3	Tăng thêm 01	
136.73	Tủ sấy chân không	Cái	2	-1	1	Giảm 01	
B136.76	Nhiệt kế tự ghi T&D TR-75wb	Cái		2	2	Bổ sung mới	
B136.77	Bình hút ẩm	Cái		2	2	Bổ sung mới	
B136.78	Máy đo màu NR60CP	Cái		1	1	Bổ sung mới	
VI	Khoa Khoa học Tự nhiên			x			
137	PTH Toán Ứng dụng			x			
137.1	Bàn máy tính	Cái	47	21	68	Tăng thêm 21	
137.2	Màn hình tivi 75 inch	Cái	2	1	3	Tăng thêm 01	
137.4	Máy điều hòa nhiệt độ	Bộ	5	2	7	Tăng thêm 02	
137.5	Máy tính để bàn	Bộ	91	41	132	Tăng thêm 41	
138	PTH Cơ nhiệt			x			
138.15	Các Bộ dao động điều hòa	Bộ	4	-4	0	Giảm 04 (toàn bộ)	
138.17	Cảm biến chuyển động	Cái	5	-5	0	Giảm 05 (toàn bộ)	
138.18	Cảm biến gia tốc	Cái	5	-5	0	Giảm 05 (toàn bộ)	
138.19	Cảm biến lực	Cái	5	-5	0	Giảm 05 (toàn bộ)	
138.20	Cân điện tử	Cái	5	-1	4	Giảm 01	
138.23	Con lắc nghiêng	Cái	4	-4	0	Giảm 04 (toàn bộ)	
138.26	Máy đo áp suất hiện số	Cái	5	-5	0	Giảm 05 (toàn bộ)	
138.28	Máy đo tỷ trọng hiện số	Cái	5	-5	0	Giảm 05 (toàn bộ)	
138.29	Máy tạo hơi PASCO	Bộ	4	2	6	Tăng thêm 02	
138.30	Máy tính để bàn	Bộ	1	3	4	Tăng thêm 03	
138.31	Photogate và máy đo thời gian	Bộ	4	4	8	Tăng thêm 04	
139	PTH Điện quang			x			
139.4	Bộ thí nghiệm đo tỷ số e/m	Bộ	1	-1	0	Giảm 01 (toàn bộ)	
139.9	Bộ thu năng lượng mặt trời Phywe	Bộ	1	-1	0	Giảm 01 (toàn bộ)	
139.22	Coulomb's Law Apparatus	Bộ	1	-1	0	Giảm 01 (toàn bộ)	
139.23	Charge of an Electron Experiment	Bộ	1	-1	0	Giảm 01 (toàn bộ)	
139.25	Diode Laser - Red Passco	Cái	12	-7	5	Giảm 07	
139.28	Đường cong đặc trưng của chất bán dẫn Phywe	Bộ	1	-1	0	Giảm 01 (toàn bộ)	

TT	Danh mục máy móc, thiết bị	Đơn vị tính	Số lượng TCĐM(*) đã ban hành theo QĐ 951	Số lượng TCĐM(*) điều chỉnh tăng, giảm, bổ sung	Số lượng TCĐM(*) sau khi cập nhật điều chỉnh, bổ sung	Nội dung điều chỉnh, bổ sung so với TCĐM(*) đã ban hành theo QĐ 951	Ghi chú
(a)	(b)	(c)	(d)	(đ)	(e)=(d)+(đ)	(h)	(i)
139.29	Đường cong đặc trưng của pin mặt trời Phywe	Bộ	1	-1	0	Giảm 01 (toàn bộ)	
139.33	Hằng số điện môi của vật chất Phywe	Bộ	1	-1	0	Giảm 01 (toàn bộ)	
139.41	Luật/hình ảnh của Coulomb Phywe	Bộ	1	-1	0	Giảm 01 (toàn bộ)	
139.46	Máy nghiệm tần số	Cái	8	-8	0	Giảm 08 (toàn bộ)	
139.50	Mô men từ trường Phywe	Bộ	1	-1	0	Giảm 01 (toàn bộ)	
139.54	Sắt từ Phywe	Bộ	1	-1	0	Giảm 01 (toàn bộ)	
139.55	Science Workshop 500 Interface	Bộ	3	-3	0	Giảm 03 (toàn bộ)	
139.56	Science Workshop 750 Interface	Bộ	5	-5	0	Giảm 05 (toàn bộ)	
140	PTN Vật lý Ứng dụng			x			
140.3	Bình khí oxy 47 lít có van đk	Cái	2	-1	1	Giảm 01	
140.4	Bộ giao diện vạn năng	Cái	6	-2	4	Giảm 02	
140.5	Bộ lưu điện UPS 10KVA	Cái	1	1	2	Tăng thêm 01	
140.6	Bộ thu năng lượng mặt trời Phywe	Bộ	1	-1	0	Giảm 01 (toàn bộ)	
140.7	Cân phân tích	Hệ thống	2	-1	1	Giảm 01	
140.8	Cân phân tích 4 số	Cái	4	-2	2	Giảm 02	
140.9	Định luật Coulomb Phywe	Cái	1	-1	0	Giảm 01 (toàn bộ)	
140.10	Đường cong đặc trưng của chất bán dẫn Phywe	Cái	1	-1	0	Giảm 01 (toàn bộ)	
140.11	Đường cong đặc trưng của Pin mặt trời Phywe	Cái	1	-1	0	Giảm 01 (toàn bộ)	
140.12	Hằng số điện môi của vật chất Phywe	Cái	1	-1	0	Giảm 01 (toàn bộ)	
140.14	Lò nung chuyên dụng	Cái	2	-1	1	Giảm 01	
140.18	Máy bơm hút chân không cao	Cái	2	-1	1	Giảm 01	
140.19	Máy cắt nước 2 lần	Cái	3	-1	2	Giảm 01	
140.20	Máy điều hòa nhiệt độ	Bộ	3	-1	2	Giảm 01	
140.22	Máy đo vạn năng	Cái	3	-2	1	Giảm 02	
140.24	Máy hiện sóng (CRT vuông 6 inch)	Cái	4	2	6	Tăng thêm 02	
140.25	Máy khắc Laser	Cái	2	-1	1	Giảm 01	
140.29	Máy nghiền bi hành tinh	Cái	2	-2	0	Giảm 02 (toàn bộ)	
140.34	Máy quay ly tâm	Cái	2	1	3	Tăng thêm 01	
140.36	Mô men từ trường Phywe	Cái	1	-1	0	Giảm 01 (toàn bộ)	
140.37	Phần mềm thư viện Phổ XRD	Cái	1	1	2	Tăng thêm 01	
140.38	Sắt từ Phywe	Cái	1	-1	0	Giảm 01 (toàn bộ)	
140.40	Tủ sấy	Cái	2	1	3	Tăng thêm 01	
140.43	Thiết bị rung siêu âm	Cái	1	1	2	Tăng thêm 01	
141	PTN Mô phỏng phân tử và Vật			x			
141.3	Máy tính	Bộ	20	5	25	Tăng thêm 05	
B141.7	Rasperry Pi 5	Cái		2	2	Bổ sung mới	
B141.8	Jetson Nano	Cái		2	2	Bổ sung mới	
B141.9	Nvidia Project Digits	Cái		1	1	Bổ sung mới	
143	PTH Hóa vô cơ			x			

TT	Danh mục máy móc, thiết bị	Đơn vị tính	Số lượng TCĐM(*) đã ban hành theo QĐ 951	Số lượng TCĐM(*) điều chỉnh tăng, giảm, bổ sung	Số lượng TCĐM(*) sau khi cập nhật điều chỉnh, bổ sung	Nội dung điều chỉnh, bổ sung so với TCĐM(*) đã ban hành theo QĐ 951	Ghi chú
(a)	(b)	(c)	(d)	(đ)	(e)=(d)+(đ)	(h)	(i)
143.1	Bể điều nhiệt	Cái	5	1	6	Tăng thêm 01	
143.3	Bơm chân không	Cái	2	2	4	Tăng thêm 02	
143.4	Cân điện tử	Cái	2	2	4	Tăng thêm 02	
143.10	Máy đo pH để bàn	Cái	3	1	4	Tăng thêm 01	
143.12	Máy khuấy từ gia nhiệt	Cái	4	4	8	Tăng thêm 04	
143.15	Máy ly tâm để bàn loại nhỏ	Cái	2	2	4	Tăng thêm 02	
143.16	Máy xay hạt	Cái	1	1	2	Tăng thêm 01	
143.21	Tủ sấy	Cái	2	2	4	Tăng thêm 02	
B143.23	Hệ thống lọc chân không	Cái		4	4	Bổ sung mới	
B143.24	Hệ thống điện di DNA	Cái		1	1	Bổ sung mới	
B143.25	Buồng UV để đọc kết quả điện di có kết nối với máy tính	Cái		1	1	Bổ sung mới	
B143.26	Máy khuấy đều	Cái		1	1	Bổ sung mới	
B143.27	Kính hiển vi 2 mắt có kết nối với camera và máy tính	Cái		1	1	Bổ sung mới	
B143.28	Hệ thống sinh hàn	Cái		2	2	Bổ sung mới	
B143.29	Rotor máy ly tâm 50 mL	Cái		2	2	Bổ sung mới	
B143.30	Bộ lọc tủ cấy vi sinh	Cái		2	2	Bổ sung mới	
B143.31	Tủ bảo quản máy móc thiết bị	Cái		2	2	Bổ sung mới	
B143.32	Bếp cách thủy 8 lỗ	Cái		1	1	Bổ sung mới	
B143.33	Bể siêu âm	Cái		1	1	Bổ sung mới	
B143.34	Máy lạnh	Cái		1	1	Bổ sung mới	
B143.35	Máy khuấy từ gia nhiệt 6 vị trí	Cái		1	1	Bổ sung mới	
B143.36	Máy cô quay chân không	Cái		1	1	Bổ sung mới	
B143.37	Bộ micropipet 0,5 mL-10 mL và đầu tip	Cái		4	4	Bổ sung mới	
B143.38	Bộ micropipet đa kênh 0,5 mL-300 mL và đầu tip	Cái		4	4	Bổ sung mới	
B143.39	Tủ cấy an toàn sinh học cấp 2	Cái		1	1	Bổ sung mới	
B143.40	Bếp đun có điều chỉnh nhiệt độ chính xác tới 450 °C	Cái		1	1	Bổ sung mới	
B143.41	Máy đo độ đục để bàn	Cái		1	1	Bổ sung mới	
B143.42	Tủ lạnh	Cái		2	2	Bổ sung mới	
144	PTH Hóa hữu cơ			x			
144.5	Đèn soi UV và buồng soi	Bộ	1	1	2	Tăng thêm 01	
144.6	Hệ thống cô quay chân không (gồm máy cô quay, bơm chân không, hệ thống làm lạnh)	Cái	1	2	3	Tăng thêm 02	
144.7	Hệ thống lọc áp suất thấp	Bộ	1	1	2	Tăng thêm 01	
144.10	Máy đo nhiệt độ nóng chảy	Cái	1	1	2	Tăng thêm 01	
144.12	Máy khuấy từ gia nhiệt	Cái	4	2	6	Tăng thêm 02	
144.13	Sắc ký lớp mỏng hiệu năng cao	Bộ	1	1	2	Tăng thêm 01	
144.14	Tủ lạnh	Cái	2	1	3	Tăng thêm 01	
B144.16	Cân điện tử 4 số lẻ	Cái		2	2	Bổ sung mới	
B144.17	Máy quang phổ UV-VIS	Cái		1	1	Bổ sung mới	
B144.18	Hệ thống sắc ký lỏng hiệu năng cao đầu dò UV/PDA	Cái		1	1	Bổ sung mới	
B144.19	Tủ tránh Ẩm Dry-Keeper	Cái		1	1	Bổ sung mới	
B144.20	Máy đông khô chân không	Cái		1	1	Bổ sung mới	
B144.21	Bể điều nhiệt	Cái		2	2	Bổ sung mới	
B144.22	Máy lắc ổn định nhiệt	Cái		2	2	Bổ sung mới	
B144.23	Nồi hấp tiệt trùng loại đứng	Cái		1	1	Bổ sung mới	
B144.24	Bể siêu âm để bàn	Cái		1	1	Bổ sung mới	
B144.25	Bộ chưng cất dung môi	Cái		1	1	Bổ sung mới	
B144.26	Tủ đựng hóa chất	Cái		1	1	Bổ sung mới	

TT	Danh mục máy móc, thiết bị	Đơn vị tính	Số lượng TCĐM(*) đã ban hành theo QĐ 951	Số lượng TCĐM(*) điều chỉnh tăng, giảm, bổ sung	Số lượng TCĐM(*) sau khi cập nhật điều chỉnh, bổ sung	Nội dung điều chỉnh, bổ sung so với TCĐM(*) đã ban hành theo QĐ 951	Ghi chú
(a)	(b)	(c)	(d)	(đ)	(e)=(d)+(đ)	(h)	(i)
B144.27	Máy đo pH	Cái		2	2	Bổ sung mới	
B144.28	Máy li tâm	Cái		2	2	Bổ sung mới	
B144.29	Tủ hút khí độc	Cái		4	4	Bổ sung mới	
B144.30	Thiết bị đo điểm nóng chảy với Kính hiển vi	Cái		1	1	Bổ sung mới	
B144.31	Máy ly tâm lạnh	Cái		1	1	Bổ sung mới	
B144.32	Tủ cấy vi sinh dòng khí thổi đứng	Cái		1	1	Bổ sung mới	
B144.33	Máy quang phổ định lượng vi khuẩn	Cái		1	1	Bổ sung mới	
B144.34	Máy lọc nước siêu sạch	Cái		1	1	Bổ sung mới	
B144.35	Bộ Micropipette	Bộ		2	2	Bổ sung mới	
145	PTH Hóa lý			x			
B145.22	Máy đo thế (mV) có độ chính xác	Cái		1	1		
B145.23	Tủ lạnh	Cái		1	1		
146	PTH Hóa phân tích			x			
146.5	Bếp cách thủy (có nắp)	Cái	1	2	3	Tăng thêm 02	
146.8	Bộ bình chứa có đầu dispenser 10-100 mL	Cái	2	2	4	Tăng thêm 02	
146.9	Bộ bình chứa có đầu dispenser 2,5-25 mL	Cái	2	2	4	Tăng thêm 02	
146.23	Máy đo độ dẫn điện	Cái	1	1	2	Tăng thêm 01	
146.25	Máy đo pH tích hợp với điện cực(pH,ORP,ISE) để bàn	Cái	1	1	2	Tăng thêm 01	
146.26	Máy khuấy từ gia nhiệt	Cái	2	3	5	Tăng thêm 04	
146.27	Máy lắc ngang	Cái	1	1	2	Tăng thêm 01	
146.39	Tủ sấy	Cái	2	1	3	Tăng thêm 01	
146.42	Thiết bị phá mẫu COD	Cái	1	1	2	Tăng thêm 01	
B146.44	Bộ micropipet (0,5 ÷ 10 mL, 2 ÷ 20 mL, 10 ÷ 100 mL, 20 ÷ 200 mL, 0,1 ÷ 1 mL, 0,25 ÷ 2,5 mL, 0,5 ÷ 5 mL, 1 ÷ 10 mL)	Cái		1	1	Bổ sung mới	
B146.45	Bộ thổi khô mẫu bằng nitơ	Cái		1	1	Bổ sung mới	
B146.46	Bộ chiết pha rắn SPE kèm bơm chân không	Cái		1	1	Bổ sung mới	
B146.47	Bộ vô cơ hóa mẫu và phụ kiện	Cái		1	1	Bổ sung mới	
B146.48	Bộ phân tích TSS, bao gồm bơm chân không	Cái		1	1	Bổ sung mới	
B146.49	Bộ bình chứa hóa chất 2 bình x 20 lít, có gắn đầu dò mức chất lỏng	Cái		1	1	Bổ sung mới	
B146.50	Cân phân tích	Cái		2	2	Bổ sung mới	
B146.51	Hệ thống phân tích dòng liên tục	Cái		1	1	Bổ sung mới	
B146.52	Máy ly tâm cho ống 50 mL, 6 vị trí, kèm rotor	Cái		1	1	Bổ sung mới	
B146.53	Máy ly tâm lạnh	Cái		1	1	Bổ sung mới	
B146.54	Máy nghiền bi và các phụ kiện đi kèm	Cái		1	1	Bổ sung mới	
B146.55	Máy khuấy trộn chiết mẫu có chỉnh tốc độ	Cái		1	1	Bổ sung mới	
B146.56	Máy rây sàng	Cái		1	1	Bổ sung mới	
B146.57	Máy lắc ầm	Cái		1	1	Bổ sung mới	

TT	Danh mục máy móc, thiết bị	Đơn vị tính	Số lượng TCĐM(*) đã ban hành theo QĐ 951	Số lượng TCĐM(*) điều chỉnh tăng, giảm, bổ sung	Số lượng TCĐM(*) sau khi cập nhật điều chỉnh, bổ sung	Nội dung điều chỉnh, bổ sung so với TCĐM(*) đã ban hành theo QĐ 951	Ghi chú
(a)	(b)	(c)	(d)	(d)	(e)=(d)+(d)	(h)	(i)
B146.58	Máy lọc nước siêu sạch	Cái		1	1	Bổ sung mới	
B146.59	Máy cất nước 1 lần	Cái		1	1	Bổ sung mới	
B146.60	Máy đo EC/TDS/Sal Meter/, pH, DO, Eh để bàn	Cái		1	1	Bổ sung mới	
B146.61	Máy phân tích TOC	Cái		1	1	Bổ sung mới	
B146.62	Máy đo độ ẩm đất	Cái		1	1	Bổ sung mới	
B146.63	Máy chiết béo tự động 6 vị trí	Cái		1	1	Bổ sung mới	
B146.64	Máy phân tích xơ 6 chỗ kèm Bộ lọc, bơm hút chân không và các	Cái		1	1	Bổ sung mới	
B146.65	Máy cô quay chân không bao gồm bơm chân không và hệ làm lạnh	Cái		1	1	Bổ sung mới	
B146.66	Tủ lạnh bảo quản mẫu và chuẩn	Cái		1	1	Bổ sung mới	
147	PTN Hóa sinh			x			
147.1	Bàn thí nghiệm mặt granit	Cái	13	3	16	Tăng thêm 03	
147.2	Bể điều nhiệt	Cái	1	1	2	Tăng thêm 01	
147.3	Bể điều nhiệt lạnh	Cái	2	1	3	Tăng thêm 01	
147.4	Bể làm lạnh tuần hoàn	Cái	6	-4	2	Giảm 04	
147.5	Bể rửa siêu âm	Cái	2	1	3	Tăng thêm 01	
147.7	Bếp cách thủy	Cái	2	1	3	Tăng thêm 01	
147.8	Bếp đun cách thủy	Cái	1	1	2	Tăng thêm 01	
147.9	Bình đo Áp suất p/ứng PARR	Cái	1	-1	0	Giảm 01 (toàn bộ)	
147.10	Bình khí Argon 47 lít có van	Cái	1	1	2	Tăng thêm 01	
147.11	Bộ cô quay chân không	Cái	1	1	2	Tăng thêm 01	
147.12	Bộ cô quay Ống đứng	Cái	3	-2	1	Giảm 02	
147.14	Bộ chiết suất Soxhlet 1 lít	Cái	1	2	3	Tăng thêm 02	
147.15	Bộ chưng cất dung môi	Cái	1	2	3	Tăng thêm 02	
147.18	Bộ kiểm soát chân không	Cái	4	-2	2	Giảm 02	
147.22	Bơm chân không và Bộ kiểm soát chân không	Cái	2	-1	1	Giảm 01	
147.24	Buồng soi UV (dùng cho TLC) CAM	Cái	5	-4	1	Giảm 04	
147.26	Cân phân tích	Cái	8	-6	2	Giảm 04	
147.30	Đèn soi UV 2 bước sóng để bàn	Cái	5	-2	3	Giảm 02	
147.32	Hệ cô quay chân không ống đứng	Cái	1	1	2	Tăng thêm 01	
147.33	Hệ thống bơm chân không (tách nước)	Cái	2	-1	1	Giảm 01	
147.36	Hệ thống tổng hợp nhiệt độ thấp	Hệ thống	1	-1	0	Giảm 01 (toàn bộ)	
147.37	Lò nung chương trình nhiệt độ L5/1	Cái	1	1	2	Tăng thêm 01	
147.38	Lò nung dạng Ống RT 50-250/13	Cái	1	-1	0	Giảm 01 (toàn bộ)	
147.39	Máy cô quay chân không	Cái	3	-1	2	Giảm 01	
147.42	Máy điều hòa nhiệt độ	Bộ	4	-3	1	Giảm 03	
147.43	Máy đo điểm nóng chảy	Cái	1	1	2	Tăng thêm 01	
147.47	Máy đo pH để bàn	Cái	4	-2	2	Giảm 02	
147.50	Máy đồng hóa bằng siêu âm	Cái	2	-1	1	Giảm 01	
147.54	Máy khuấy từ gia nhiệt	Cái	15	-12	3	Giảm 12	
147.57	Máy khuấy từ gia nhiệt RCT	Cái	10	-5	5	Giảm 05	
147.58	Máy lắc tròn	Cái	2	1	3	Tăng thêm 01	
147.59	Máy li tâm	Cái	2	1	3	Tăng thêm 01	

TT	Danh mục máy móc, thiết bị	Đơn vị tính	Số lượng TCĐM(*) đã ban hành theo QĐ 951	Số lượng TCĐM(*) điều chỉnh tăng, giảm, bổ sung	Số lượng TCĐM(*) sau khi cập nhật điều chỉnh, bổ sung	Nội dung điều chỉnh, bổ sung so với TCĐM(*) đã ban hành theo QĐ 951	Ghi chú
(a)	(b)	(c)	(d)	(đ)	(e)=(d)+(đ)	(h)	(i)
147.61	Máy nghiền mẫu	Cái	1	1	2	Tăng thêm 01	
147.63	Máy quang phổ UV-VIS	Cái	2	-1	1	Giảm 01	
147.65	Máy tạo Nitơ	Cái	2	-1	1	Giảm 01	
147.67	Nhiệt kế điện tử	Cái	1	4	5	Tăng thêm 04	
147.69	Phân cực kế ADP-440+2 Quartz Control	Cái	2	-1	1	Giảm 01	
147.83	Tủ đựng hóa chất	Cái	1	2	3	Tăng thêm 02	
147.84	Tủ hút khí độc	Cái	11	-6	5	Giảm 06	
147.85	Tủ sấy	Cái	5	-2	3	Giảm 02	
B147.90	Máy đo pH	Cái		2	2	Bổ sung mới	
B147.91	Máy xay dược liệu 1000g	Cái		1	1	Bổ sung mới	
B147.92	Bình cầu cơ quay quả lê 1000 mL	Cái		10	10	Bổ sung mới	
B147.93	Tủ lạnh	Cái		1	1	Bổ sung mới	
B147.94	Ổng hoàn lưu	Cái		5	5	Bổ sung mới	
B147.95	Bếp đun bình cầu 1 lit	Cái		5	5	Bổ sung mới	
B147.96	Tủ cấy vi sinh cấp 2	Cái		1	1	Bổ sung mới	
B147.97	Nồi hấp tiệt trùng	Cái		1	1	Bổ sung mới	
B147.98	Kính hiển vi	Cái		1	1	Bổ sung mới	
B147.99	Máy quang phổ định lượng vi khuẩn	Cái		1	1	Bổ sung mới	
B147.100	Máy lắc ngang	Cái		2	2	Bổ sung mới	
B147.101	Máy khử trùng	Cái		1	1	Bổ sung mới	
B147.102	Đèn UV khử trùng cho tủ cấy vi sinh	Cái		1	1	Bổ sung mới	
B147.103	Dụng cụ thủy tinh	Bộ		5	5	Bổ sung mới	
B147.104	Micropipet 1-10 uL	Cái		5	5	Bổ sung mới	
B147.105	Micropipet 10-100 uL	Cái		5	5	Bổ sung mới	
B147.106	Micropipet 100-1000 uL	Cái		5	5	Bổ sung mới	
B147.107	Micropipet 1000-5000 uL	Cái		5	5	Bổ sung mới	
B147.108	Micro pipet 8 kênh 10-100 uL	Cái		2	2	Bổ sung mới	
B147.109	Máy cô quay + Bơm chân không + Máy làm lạnh tuần hoàn	Bộ		2	2	Bổ sung mới	
B147.110	Máy sinh khí hydro	Cái		1	1	Bổ sung mới	
B147.111	Lò nung dạng ống	Cái		1	1	Bổ sung mới	
148	PTN Hóa dược và Hóa dược tiên tiến			x			
148.1	Bơm chân không	Cái	1	1	2	Tăng thêm 01	
148.3	Cân	Cái	1	1	2	Tăng thêm 01	
148.4	Dụng cụ thủy tinh	Bộ	1	1	2	Tăng thêm 01	
148.5	Đèn UV cầm tay	Cái	1	1	2	Tăng thêm 01	
148.6	Đồng hồ đo điện trở	Cái	1	-1	0	Giảm 01 (toàn bộ)	
148.7	Kính hiển vi có máy ảnh	Cái	1	1	2	Tăng thêm 01	
148.9	Máy cô quay, máy làm mát, bơm chân không	Cái	1	2	3	Tăng thêm 02	
148.10	Máy đo pH	Cái	1	1	2	Tăng thêm 01	
148.11	Máy đọc độ hấp thụ bước sóng liên tục	Cái	1	1	2	Tăng thêm 01	
148.13	Máy khuấy từ gia nhiệt	Cái	2	2	4	Tăng thêm 02	

TT	Danh mục máy móc, thiết bị	Đơn vị tính	Số lượng TCĐM(*) đã ban hành theo QĐ 951	Số lượng TCĐM(*) điều chỉnh tăng, giảm, bổ sung	Số lượng TCĐM(*) sau khi cập nhật điều chỉnh, bổ sung	Nội dung điều chỉnh, bổ sung so với TCĐM(*) đã ban hành theo QĐ 951	Ghi chú
(a)	(b)	(c)	(d)	(d)	(e)=(d)+(d)	(h)	(i)
148.14	Máy lắc	Cái	1	1	2	Tăng thêm 01	
148.15	Máy ly tâm lạnh	Cái	1	1	2	Tăng thêm 01	
148.17	Máy quang phổ tử ngoại khả kiến	Cái	1	1	2	Tăng thêm 01	
148.20	Tủ đông -20°C	Cái	1	1	2	Tăng thêm 01	
148.22	Tủ lạnh	Cái	1	1	2	Tăng thêm 01	
148.23	Tủ sấy	Cái	1	1	2	Tăng thêm 01	
B148.24	Bình chứa Nitơ lỏng	Cái		2	2	Tăng thêm 02	
B148.25	Máy đếm tế bào tự động	Cái		1	1	Tăng thêm 01	
B148.26	Tủ an toàn sinh học	Cái		1	1	Tăng thêm 01	
B148.27	Tủ an toàn sinh học cấp 2 (class A2) dùng để nuôi, cấy tế bào	Cái		1	1	Tăng thêm 01	
B148.28	Tủ ẩm	Cái		2	2	Tăng thêm 02	
B148.29	Tủ ẩm CO2	Cái		1	1	Tăng thêm 01	
B148.30	Máy đo nano drop	Cái		1	1	Tăng thêm 01	
B148.31	Máy luận nhiệt nhân gen PCR SimpliAmp	Cái		1	1	Tăng thêm 01	
B148.32	Máy Realtime PCR Ligh Cyclor	Cái		1	1	Tăng thêm 01	
B148.33	Máy ly tâm lạnh tốc độ cao 2 mL	Cái		1	1	Tăng thêm 01	
B148.34	Máy ly tâm lạnh 15-50 mL	Cái		1	1	Tăng thêm 01	
B148.35	Bình hút ẩm	Cái		1	1	Tăng thêm 01	
B148.36	Bộ Micropipette	Cái		6	6	Tăng thêm 06	
B148.37	Micropipette 8 kênh	Cái		4	4	Tăng thêm 04	
B148.38	Máy đông khô	Cái		1	1	Tăng thêm 01	
B148.39	Máy khuấy từ gia nhiệt 6 vị trí	Cái		1	1	Tăng thêm 01	
B148.40	Máy lắc đĩa Elisa	Cái		1	1	Tăng thêm 01	
B148.41	Máy ly tâm đĩa 96 giếng	Cái		1	1	Tăng thêm 01	
B148.42	Tủ tránh Ẩm Dry-Keeper	Cái		1	1	Tăng thêm 01	
B148.43	Kính hiển vi điện tử quét (SEM)	Bộ		1	1	Tăng thêm 01	
B148.44	Kính hiển vi điện tử truyền qua (TEM)	Bộ		1	1	Tăng thêm 01	
B148.45	Kính hiển vi điện tử đồng tiêu (confocal)	Bộ		1	1	Tăng thêm 01	
B148.46	Bếp đun bình cầu 5 L	Cái		1	1	Tăng thêm 01	
B148.47	Máy lọc nước siêu sạch	Cái		1	1	Tăng thêm 01	
B148.48	Bình cầu đáy tròn, cổ nhám 5000	Cái		1	1	Tăng thêm 01	
149	PTN Kỹ thuật phân tích			x			
149.1	Cân	Cái	1	1	2	Tăng thêm 01	
149.2	Dụng cụ thủy tinh	Bộ	1	3	4	Tăng thêm 03	
149.3	Hệ thống điện di dọc cho protein	Cái	1	-1	0	Giảm 01 (toàn bộ)	
149.4	Hệ thống điện di ngang và Bộ nguồn cho DNA	Cái	1	-1	0	Giảm 01 (toàn bộ)	
149.5	Máy cô quay, máy làm mát, bơm chân không	Cái	1	1	2	Tăng thêm 01	
149.10	Máy quang phổ tử ngoại khả kiến	Cái	1	-1	0	Giảm 01 (toàn bộ)	
149.12	Tủ hút	Cái	1	1	2	Tăng thêm 01	
B149.14	Máy ly tâm	Cái		1	1	Tăng thêm 01	
B149.15	Máy khuấy từ gia nhiệt	Cái		5	5	Tăng thêm 05	
B149.16	Bộ Micropipette	Bộ		3	3	Tăng thêm 03	

TT	Danh mục máy móc, thiết bị	Đơn vị tính	Số lượng TCĐM(*) đã ban hành theo QĐ 951	Số lượng TCĐM(*) điều chỉnh tăng, giảm, bổ sung	Số lượng TCĐM(*) sau khi cập nhật điều chỉnh, bổ sung	Nội dung điều chỉnh, bổ sung so với TCĐM(*) đã ban hành theo QĐ 951	Ghi chú
(a)	(b)	(c)	(d)	(đ)	(e)=(d)+(đ)	(h)	(i)
B149.17	Tủ sấy	Cái		1	1	Tăng thêm 01	
B149.18	Sắc ký lỏng LC-MS/MS kèm với Bộ dữ liệu NIST và Wiley	Cái		1	1	Tăng thêm 01	
B149.19	Sắc ký khí GC-MS kèm với Bộ dữ liệu NIST và Wiley	Cái		1	1	Tăng thêm 01	
B149.20	Hệ thống máy tính với card đồ họa (I7 + GPU Nvidia)	Bộ		2	2	Tăng thêm 02	
B149.21	Tủ đựng hóa chất	Cái		1	1	Tăng thêm 01	
B149.22	Bộ cột sắc ký hở thủy tinh	Cái		3	3	Tăng thêm 03	
B149.23	Máy lắc ngang	Cái		1	1	Tăng thêm 01	
B149.24	Tủ cấy vi sinh cấp 2	Cái		1	1	Tăng thêm 01	
B149.25	Đèn UV 2 bước sóng để bàn	Cái		1	1	Tăng thêm 01	
B149.26	Hệ thống đun hoàn lưu	Bộ		3	3	Tăng thêm 03	
B149.27	Sắc ký lỏng điều chế - đầu dò dây diod quang (Pre-HPLC-PDA)	Cái		1	1	Tăng thêm 01	
B149.28	Hệ thống chưng cất dung môi	Bộ		1	1	Tăng thêm 01	
B149.29	Máy quang phổ UV-VIS-NIR	Cái		1	1	Tăng thêm 01	
150	PTN Thử nghiệm Sinh học			x			
150.2	Bình chứa Nitơ lỏng	Cái	2	-2	0	Giảm 02 (toàn bộ)	
150.3	Cân phân tích (2 số lẻ)	Cái	1	1	2	Tăng thêm 01	
150.8	Máy cô quay, máy làm mát, bơm chân không	Cái	1	-1	0	Giảm 01 (toàn bộ)	
150.10	Máy đếm tế bào tự động	Cái	1	-1	0	Giảm 01 (toàn bộ)	
150.12	Máy khuấy từ gia nhiệt	Cái	1	1	2	Tăng thêm 01	
150.13	Máy lắc	Cái	3	-1	2	Giảm 01	
150.21	Tủ an toàn sinh học	Cái	1	-1	0	Giảm 01 (toàn bộ)	
150.22	Tủ an toàn sinh học cấp 2 (class A2) dùng để nuôi, cấy tế bào	Cái	1	1	2	Tăng thêm 01	
150.23	Tủ ẩm	Cái	2	-2	0	Giảm 02 (toàn bộ)	
150.24	Tủ ẩm CO2	Cái	1	-1	0	Giảm 01 (toàn bộ)	
150.30	Tủ mát lưu trữ hóa chất (4oC)	Cái	1	1	2	Tăng thêm 01	
B150.31	Hệ thống điện di dọc cho protein	Cái		1	1	Tăng thêm 01	
B150.32	Hệ thống điện di ngang và Bộ nguồn cho DNA	Cái		1	1	Tăng thêm 01	
B150.33	Tủ đông -30°C	Cái		1	1	Tăng thêm 01	
B150.34	Tủ lạnh	Cái		1	1	Tăng thêm 01	
B150.35	Máy ly tâm lạnh tốc độ cao 2 mL	Cái		1	1	Tăng thêm 01	
B150.36	Bộ Micropipette	Bộ		6	6	Tăng thêm 06	
B150.37	Máy lạnh công nghiệp	Cái		4	4	Tăng thêm 04	
B150.38	Ti vi từ 65 inch trở lên	Cái		1	1	Tăng thêm 01	
B150.39	Giá đỡ Tivi LCD 65 inch	Cái		1	1	Tăng thêm 01	
B150.40	Bể ổn nhiệt lắc	Cái		1	1	Tăng thêm 01	
B150.41	Máy đo nano drop	Cái		1	1	Tăng thêm 01	
B150.42	Máy luận nhiệt nhân gen PCR SimpliAmp	Cái		1	1	Tăng thêm 01	
B150.43	Máy Realtime PCR Ligh Cycler	Cái		1	1	Tăng thêm 01	
B150.44	Micropipette 8 kênh 30 - 300 uL	Cái		2	2	Tăng thêm 02	
B150.45	Máy lắc đĩa Elisa	Cái		1	1	Tăng thêm 01	
B150.46	Tủ sấy	Cái		1	1	Tăng thêm 01	
B150.47	Máy đo pH	Cái		1	1	Tăng thêm 01	

TT	Danh mục máy móc, thiết bị	Đơn vị tính	Số lượng TCĐM(*) đã ban hành theo QĐ 951	Số lượng TCĐM(*) điều chỉnh tăng, giảm, bổ sung	Số lượng TCĐM(*) sau khi cập nhật điều chỉnh, bổ sung	Nội dung điều chỉnh, bổ sung so với TCĐM(*) đã ban hành theo QĐ 951	Ghi chú
(a)	(b)	(c)	(d)	(đ)	(e) = (d) + (đ)	(h)	(i)
B150.48	Tủ lạnh	Cái		1	1	Tăng thêm 01	
B150.49	Micropipette 20 - 200 uL	Cái		2	2	Tăng thêm 02	
B150.50	Micropipette 100 - 1000 uL	Cái		2	2	Tăng thêm 02	
B150.51	Máy ly tâm đĩa 96 giếng	Cái		1	1	Tăng thêm 01	
151	PTH Động vật - Thực vật			x			
151.11	Kính hiển vi 2 thị kính	Cái	16	10	26	Tăng thêm 10	
151.12	Kính hiển vi có nối máy ảnh	Cái	1	1	2	Tăng thêm 01	
151.14	Kính hiển vi soi nổi	Cái	1	1	2	Tăng thêm 01	
151.15	Kính hiển vi soi nổi hai mắt	Cái	2	1	3	Tăng thêm 01	
151.27	Pedas sát tường có Lavabo	Bộ	2	-2	0	Giảm 02 (toàn bộ)	
151.30	Tủ 2 nhiệt độ	Cái	1	1	2	Tăng thêm 01	
151.33	Tủ cấy vi sinh thổi đứng (02 vị trí)	Cái	2	-1	1	Giảm 01	
151.36	Tủ lạnh	Cái	2	2	4	Tăng thêm 02	
151.37	Tủ lạnh âm sâu	Cái	1	1	2	Tăng thêm 01	
B151.38	Bàn thí nghiệm trung tâm	Bộ		4	4	Bổ sung mới	
B151.39	Bộ micropipette nhiều kênh	Bộ		8	8	Bổ sung mới	
B151.40	Tủ sát lưu trữ Bộ thảo tập	Cái		3	3	Bổ sung mới	
B151.41	Thiết bị khử trùng nhiệt khô	Cái		2	2	Bổ sung mới	
B151.42	Thiết bị đo các chỉ số OD, BOD, COD, độ mặn, pH (thực địa)	Cái		2	2	Bổ sung mới	
B151.43	Thiết bị đo nitrate	Cái		2	2	Bổ sung mới	
B151.44	Thiết bị đo phosphate	Cái		2	2	Bổ sung mới	
B151.45	Thiết bị phát hiện và định lượng kim loại nặng	Cái		2	2	Bổ sung mới	
B151.46	Kính hiển vi có gắn camera (có máy tính)	Bộ		1	1	Bổ sung mới	
B151.47	Bộ màn hình + CPU để bàn	Bộ		2	2	Bổ sung mới	
153	PTN Sinh học Tế bào và Phân tử			x			
153.9	Hệ thống cất nước	Cái	1	1	2	Tăng thêm 01	
153.18	Máy điều hòa nhiệt độ	Cái	2	2	4	Tăng thêm 02	
153.43	Tủ cấy an toàn sinh học cấp 2	Cái	1	1	2	Tăng thêm 01	
153.48	Tủ sấy đến 250	Cái	1	1	2	Tăng thêm 01	
154	PTN Bào chế và Công nghiệp			x			
154.1	Bể siêu âm có gia nhiệt	Cái	1	1	2	Tăng thêm 01	
154.2	Bình hút âm	Cái	1	3	4	Tăng thêm 03	
154.3	Bộ Micropipette	Bộ	2	2	4	Tăng thêm 02	
154.4	Cân điện tử (2 số lẻ)	Cái	1	3	4	Tăng thêm 03	
154.5	Cân phân tích (4 số lẻ)	Cái	1	1	2	Tăng thêm 01	
154.6	Kính hiển vi quang học	Cái	1	1	2	Tăng thêm 01	
154.8	Máy điều nhiệt nóng	Cái	1	1	2	Tăng thêm 01	
154.12	Máy khuấy cơ (chân vịt)	Cái	1	1	2	Tăng thêm 01	
154.16	Máy lắc	Cái	1	1	2	Tăng thêm 01	
154.19	Máy trộn mẫu vortex	Cái	1	1	2	Tăng thêm 01	
154.20	Tủ hút	Cái	1	1	2	Tăng thêm 01	
B154.23	Tủ đông âm sâu -80°C	Cái		1	1	Bổ sung mới	
B154.24	Sắc ký lỏng - đầu dò dây diod quang (HPLC-PDA)	Cái		1	1	Bổ sung mới	
B154.25	Sắc ký lỏng - đầu dò khối phổ hai lần (HPLC-MS/MS)	Cái		1	1	Bổ sung mới	
B154.26	Sắc ký lỏng - đầu dò tán xạ ánh sáng bay hơi (HPLC-ELSD)	Cái		1	1	Bổ sung mới	
B154.27	Sắc ký lỏng điều chế - đầu dò dây diod quang (Pre-HPLC-PDA)	Cái		1	1	Bổ sung mới	

TT	Danh mục máy móc, thiết bị	Đơn vị tính	Số lượng TCĐM(*) đã ban hành theo QĐ 951	Số lượng TCĐM(*) điều chỉnh tăng, giảm, bổ sung	Số lượng TCĐM(*) sau khi cập nhật điều chỉnh, bổ sung	Nội dung điều chỉnh, bổ sung so với TCĐM(*) đã ban hành theo QĐ 951	Ghi chú
(a)	(b)	(c)	(d)	(đ)	(e)=(d)+(đ)	(h)	(i)
B154.28	Sắc ký khí - đầu dò khối phổ (GC-MS)	Cái		1	1	Bổ sung mới	
B154.29	Sắc ký khí - đầu dò ion hoá ngọn lửa (GC-FID)	Cái		1	1	Bổ sung mới	
B154.30	Điện di mao quản - đầu dò dây diod quang (CE-PDA)	Cái		1	1	Bổ sung mới	
B154.31	Điện di mao quản - đầu dò khối phổ (CE-MS)	Cái		1	1	Bổ sung mới	
B154.32	Máy đo quang phổ UV-Vis	Cái		1	1	Bổ sung mới	
B154.33	Máy đọc đĩa đa chức năng	Cái		1	1	Bổ sung mới	
B154.34	Máy ly tâm lạnh 2ml	Cái		1	1	Bổ sung mới	
B154.35	Máy ly tâm lạnh 15ml	Cái		1	1	Bổ sung mới	
B154.36	Máy ly tâm lạnh 50ml	Cái		1	1	Bổ sung mới	
B154.37	Máy luân nhiệt (PCR)	Cái		1	1	Bổ sung mới	
B154.38	Máy Real-time PCR	Cái		1	1	Bổ sung mới	
B154.39	Máy quang phổ nanodrop	Cái		1	1	Bổ sung mới	
B154.40	Tủ cấy vi sinh cấp 2	Cái		1	1	Bổ sung mới	
B154.41	Tủ ẩm vi sinh	Cái		1	1	Bổ sung mới	
B154.42	Máy lãc ủ nhiệt 10 lít	Cái		1	1	Bổ sung mới	
B154.43	Bể ổn nhiệt lãc	Cái		1	1	Bổ sung mới	
B154.44	Nồi hấp tiệt trùng	Cái		1	1	Bổ sung mới	
B154.45	Kính hiển vi điện tử lạnh	Cái		1	1	Bổ sung mới	
B154.46	Máy lọc nước siêu sạch	Cái		1	1	Bổ sung mới	
B154.47	Bộ điện di ngang gel agarose	Cái		1	1	Bổ sung mới	
B154.48	Bộ điện di dọc SDS-PAGE	Cái		1	1	Bổ sung mới	
B154.49	Máy đếm tế bào tự động	Cái		1	1	Bổ sung mới	
B154.50	Máy tạo khí nitrogen	Cái		1	1	Bổ sung mới	
B154.51	Máy thổi khí nitrogen	Cái		1	1	Bổ sung mới	
B154.52	Micropipette 8 kênh	Cái		3	3	Bổ sung mới	
B154.53	Máy ly trích siêu âm	Cái		1	1	Bổ sung mới	
B154.54	Máy lãc đĩa Elisa	Cái		1	1	Bổ sung mới	
B154.55	Bơm chân không	Cái		1	1	Bổ sung mới	
B154.56	Máy thử độ hoà tan 12 cốc	Cái		1	1	Bổ sung mới	
B154.57	Máy thử độ tan rã thuốc viên 3 giờ	Cái		1	1	Bổ sung mới	
B154.58	Máy thử độ mài mòn	Cái		1	1	Bổ sung mới	
B154.59	Máy đo khối lượng và độ dày viên thuốc	Cái		1	1	Bổ sung mới	
B154.60	Máy kiểm tra độ trong của dung	Cái		1	1	Bổ sung mới	
B154.61	Máy lãc sàng rã	Cái		1	1	Bổ sung mới	
B154.62	Máy đo độ nhớt	Cái		1	1	Bổ sung mới	
B154.63	Máy đo độ nóng chảy	Cái		1	1	Bổ sung mới	
B154.64	Bếp cách thủy 16L 6 vị trí	Cái		1	1	Bổ sung mới	
B154.65	Máy đếm tiêu phân trong chất lỏng	Cái		1	1	Bổ sung mới	
B154.66	Máy chiết rót và bao viên nang lỏng	Cái		1	1	Bổ sung mới	
B154.67	Tủ chống ẩm chân không	Cái		1	1	Bổ sung mới	
B154.68	Máy nghiền mẫu phân tích	Cái		1	1	Bổ sung mới	
B154.69	Máy bao phim	Cái		1	1	Bổ sung mới	
B154.70	Bộ dụng cụ làm thuốc đặt (2 bộ: 1 bộ thuốc đạn, 1 bộ thuốc trứng)	Cái		2	2	Bổ sung mới	
B154.71	Bộ đa năng - PHARMAG UAM + phụ kiện Chân đạp	Cái		1	1	Bổ sung mới	
B154.72	Máy khuấy từ gia nhiệt 06 vị trí độc lập	Cái		1	1	Bổ sung mới	
B154.73	Máy siêu âm có đầu dò (+ đầu dò 6 mm) (Siêu âm đứng)	Cái		1	1	Bổ sung mới	

TT	Danh mục máy móc, thiết bị	Đơn vị tính	Số lượng TCĐM(*) đã ban hành theo QĐ 951	Số lượng TCĐM(*) điều chỉnh tăng, giảm, bổ sung	Số lượng TCĐM(*) sau khi cập nhật điều chỉnh, bổ sung	Nội dung điều chỉnh, bổ sung so với TCĐM(*) đã ban hành theo QĐ 951	Ghi chú
(a)	(b)	(c)	(d)	(d)	(e)=(d)+(d)	(h)	(i)
B154.74	Phụ kiện 1: Universal Gear	Cái		1	1	Bổ sung mới	
B154.75	Phụ kiện 2: Nồi bao viên	Cái		1	1	Bổ sung mới	
B154.76	Phụ kiện 3: Máy nghiền bi	Cái		1	1	Bổ sung mới	
B154.77	Phụ kiện 4: Hệ thống xát hạt khô	Cái		1	1	Bổ sung mới	
B154.78	Phụ kiện 5: Máy trộn hình lập	Cái		1	1	Bổ sung mới	
B154.79	Phụ kiện 6: Máy trộn kiểu hành tinh	Cái		1	1	Bổ sung mới	
B154.80	Phụ kiện 7: Hệ thống xát hạt ướt + lưới xát hạt	Cái		1	1	Bổ sung mới	
155	PTN Dược liệu - Dược học cổ truyền			x			
155.2	Bếp cách thủy 8 lỗ	Cái	1	1	2	Tăng thêm 01	
155.3	Bếp điện lò xo	Cái	1	2	3	Tăng thêm 02	
155.4	Bình ngâm kiệt	Cái	2	1	3	Tăng thêm 01	
155.5	Bộ chiết sohxlet	Cái	1	1	2	Tăng thêm 01	
155.7	Bộ chưng cất tinh dầu nhẹ hơn nước	Cái	1	1	2	Tăng thêm 01	
155.8	Bộ rây dược liệu	Bộ	1	1	2	Tăng thêm 01	
155.11	Cân phân tích 4 số lẻ	Cái	1	1	2	Tăng thêm 01	
155.12	Cồn kể	Cái	1	2	3	Tăng thêm 02	
155.16	Kính hiển vi quang học 2 mắt	Cái	1	9	10	Tăng thêm 09	
155.25	Tủ đựng vị thuốc cổ truyền	Cái	1	1	2	Tăng thêm 01	
155.28	Tủ sấy	Cái	1	1	2	Tăng thêm 01	
B155.29	Bể siêu âm có gia nhiệt	Cái		1	1	Bổ sung mới	
B155.30	Bếp đun bình cầu 2 lít	Cái		1	1	Bổ sung mới	
B155.31	Bếp đun bình cầu 1 lít	Cái		1	1	Bổ sung mới	
B155.32	Phễu lọc xốp thủy tinh G2	Cái		2	2	Bổ sung mới	
B155.33	Phễu lọc xốp thủy tinh G3	Cái		2	2	Bổ sung mới	
B155.34	Phễu lọc xốp thủy tinh G4	Cái		2	2	Bổ sung mới	
B155.35	Trắc vi thị kính	Cái		5	5	Bổ sung mới	
B155.36	Trắc vi vật kính	Cái		5	5	Bổ sung mới	
B155.37	Kính hiển vi soi nổi	Cái		1	1	Bổ sung mới	
B155.38	Bình cầu cô quay quả lê nhám 24x29 đáy tròn 500ml	Cái		2	2	Bổ sung mới	
B155.39	Bình cầu cô quay quả lê nhám 24x29 đáy tròn 1000ml	Cái		2	2	Bổ sung mới	
B155.40	Adapter nhám trong 24x29 nối bình cầu với máy cô quay	Cái		4	4	Bổ sung mới	
B155.41	Máy xay dược liệu 4500g	Cái		1	1	Bổ sung mới	
B155.42	Tủ đông -20°C	Cái		1	1	Bổ sung mới	
B155.43	Tủ sấy áp suất giảm	Cái		1	1	Bổ sung mới	
B155.44	Bình hút ẩm	Cái		2	2	Bổ sung mới	

TT	Danh mục máy móc, thiết bị	Đơn vị tính	Số lượng TCĐM(*) đã ban hành theo QĐ 951	Số lượng TCĐM(*) điều chỉnh tăng, giảm, bổ sung	Số lượng TCĐM(*) sau khi cập nhật điều chỉnh, bổ sung	Nội dung điều chỉnh, bổ sung so với TCĐM(*) đã ban hành theo QĐ 951	Ghi chú
(a)	(b)	(c)	(d)	(đ)	(e)=(d)+(đ)	(h)	(i)
B155.45	Máy lạnh	Cái		2	2	Bổ sung mới	
B155.46	Bộ Micropipette	Bộ		2	2	Bổ sung mới	
B155.47	Máy đông khô	Cái		1	1	Bổ sung mới	
B155.48	Máy khuấy từ gia nhiệt 6 vị trí	Cái		1	1	Bổ sung mới	
B155.49	Máy sấy phun	Cái		1	1	Bổ sung mới	
B155.50	Bếp bảo ôn đun bình cầu	Cái		1	1	Bổ sung mới	
B155.51	Bộ dụng cụ đo tỷ trọng	Cái		1	1	Bổ sung mới	
B155.52	Bơm chân không tuần hoàn nước	Cái		3	3	Bổ sung mới	
B155.53	Hệ thống máy chụp ảnh và phân tích dữ liệu	Hệ thống		1	1	Bổ sung mới	
B155.54	Sắc ký lỏng - đầu dò dây diod quang (HPLC-PDA)	Hệ thống		1	1	Bổ sung mới	
B155.55	Sắc ký lỏng điều chế - đầu dò dây diod quang (Pre-HPLC-PDA)	Hệ thống		1	1	Bổ sung mới	
B155.56	Khúc xạ kế ABBE	Cái		1	1	Bổ sung mới	
B155.57	Phân cực kế cơ	Cái		1	1	Bổ sung mới	
B155.58	Nhiệt kế 0-100 độ C	Cái		5	5	Bổ sung mới	
B155.59	Máy đo pH	Cái		1	1	Bổ sung mới	
B155.60	Máy ly tâm lạnh 2ml	Cái		1	1	Bổ sung mới	
B155.61	Máy ly tâm lạnh 15ml	Cái		1	1	Bổ sung mới	
B155.62	Máy quang phổ UV - Vis hai chùm tia	Cái		1	1	Bổ sung mới	
B155.63	Màn hình tivi	Cái		1	1	Bổ sung mới	
B155.64	Đèn UV cầm tay 2 bước sóng 254&365 nm (UVP Compact UV Lamps 254/365nm)	Cái		1	1	Bổ sung mới	
B155.65	Hệ thống sắc ký cột mở có lắp áp suất	Hệ thống		1	1	Bổ sung mới	
B155.66	Cột sắc ký thủy tinh có khóa đường kính (5x70 cm)	Cái		1	1	Bổ sung mới	
B155.67	Cột sắc ký thủy tinh có khóa đường kính (2.6x70 cm)	Cái		1	1	Bổ sung mới	
B155.68	Cột sắc ký thủy tinh có khóa đường kính (4x40 cm)	Cái		1	1	Bổ sung mới	
B155.69	Cột sắc ký thủy tinh có khóa đường kính (3x30 cm)	Cái		1	1	Bổ sung mới	
B155.70	Cột sắc ký thủy tinh có khóa đường kính (1,5x50 cm)	Cái		1	1	Bổ sung mới	

TT	Danh mục máy móc, thiết bị	Đơn vị tính	Số lượng TCĐM(*) đã ban hành theo QĐ 951	Số lượng TCĐM(*) điều chỉnh tăng, giảm, bổ sung	Số lượng TCĐM(*) sau khi cập nhật điều chỉnh, bổ sung	Nội dung điều chỉnh, bổ sung so với TCĐM(*) đã ban hành theo QĐ 951	Ghi chú
(a)	(b)	(c)	(d)	(đ)	(e)=(d)+(đ)	(h)	(i)
B155.71	Bình thủy điện đun nước dung tích 2 lít	Cái		1	1	Bổ sung mới	
B155.72	Máy đo điểm nóng chảy	Cái		1	1	Bổ sung mới	
B155.73	Máy in nhiệt X-Printer	Cái		1	1	Bổ sung mới	
B155.74	Bình triển khai sắc ký lớp mỏng 10x10cm	Cái		10	10	Bổ sung mới	
B155.75	Máy sắc ký lỏng ghép đầu dò khối phổ (HPLC-MS)	Cái		1	1	Bổ sung mới	
156	PTN Dược lý - Dược lâm sàng			x			
156.1	Cân điện tử	Cái	1	1	2	Tăng thêm 01	
B156.7	Máy đo độ phù chân chuột	Cái		1	1	Bổ sung mới	
B156.8	Máy khí dung	Bộ		2	2	Bổ sung mới	
B156.9	Máy đo huyết áp bắp tay	Cái		2	2	Bổ sung mới	
B156.10	Máy tính để bàn	Cái		6	6	Bổ sung mới	
B156.11	Máy chiếu	Cái		1	1	Bổ sung mới	
B156.12	Máy lọc nước siêu sạch	Cái		1	1	Bổ sung mới	
B156.13	Máy ly tâm điện tử hiện số và rotor góc	Cái		1	1	Bổ sung mới	
B156.14	Máy phun thuốc khử trùng phòng mổ	Cái		1	1	Bổ sung mới	
B156.15	Máy ủ nhiệt khô	Cái		1	1	Bổ sung mới	
B156.16	Nồi hấp tiệt trùng	Cái		1	1	Bổ sung mới	
B156.17	Tủ an toàn sinh học	Cái		1	1	Bổ sung mới	
B156.18	Tủ an toàn sinh học cấp 2 (class A2) dùng để nuôi, cấy tế bào	Cái		1	1	Bổ sung mới	
B156.19	Tủ ẩm CO2	Cái		1	1	Bổ sung mới	
B156.20	Kính hiển vi có máy ảnh	Cái		1	1	Bổ sung mới	
B156.21	Máy cô ly tâm chân không	Cái		1	1	Bổ sung mới	
B156.22	Máy đo pH	Cái		1	1	Bổ sung mới	
B156.23	Máy đọc độ hấp thụ bước sóng liên tục	Cái		1	1	Bổ sung mới	
B156.24	Máy đồng hóa tốc độ cao	Cái		1	1	Bổ sung mới	
B156.25	Máy quang phổ định lượng vi khuẩn	Cái		1	1	Bổ sung mới	
B156.26	Máy sấy phun nano	Cái		1	1	Bổ sung mới	
B156.27	Tủ đông -20°C	Cái		1	1	Bổ sung mới	

TT	Danh mục máy móc, thiết bị	Đơn vị tính	Số lượng TCĐM(*) đã ban hành theo QĐ 951	Số lượng TCĐM(*) điều chỉnh tăng, giảm, bổ sung	Số lượng TCĐM(*) sau khi cập nhật điều chỉnh, bổ sung	Nội dung điều chỉnh, bổ sung so với TCĐM(*) đã ban hành theo QĐ 951	Ghi chú
(a)	(b)	(c)	(d)	(đ)	(e)=(d)+(đ)	(h)	(i)
B156.28	Tủ hút	Cái		1	1	Bổ sung mới	
B156.29	Tủ lạnh	Cái		1	1	Bổ sung mới	
B156.30	Tủ sấy	Cái		1	1	Bổ sung mới	
B156.31	Máy quang phổ 96 giếng	Cái		1	1	Bổ sung mới	
B156.32	Máy đo thể tích bàn chân chuột	Cái		1	1	Bổ sung mới	
B156.33	Máy quang phổ UV - Vis hai chùm tia	Cái		1	1	Bổ sung mới	
156A	PTN Vật lý điện tử	PTN Mới		x			PTN Mới (156A)
156A.1	Analog Oscilloscope	Cái		2	2	Bổ sung mới	
156A.2	Các bài thí nghiệm mạch RLC	Bộ		1	1	Bổ sung mới	
156A.3	Cân phân tích 3 số	Cái		1	1	Bổ sung mới	
156A.4	Điện trở suất của kim loại	Bộ		1	1	Bổ sung mới	
156A.5	Đường cong đặc trưng của chất bán dẫn	Bộ		1	1	Bổ sung mới	
156A.6	Đường cong đặc trưng của pin mặt trời	Bộ		1	1	Bổ sung mới	
156A.7	Giao diện kết nối máy tính 850	Bộ		2	2	Bổ sung mới	
156A.8	Hằng số điện môi của vật chất	Bộ		1	1	Bổ sung mới	
156A.9	Luật/hình ảnh của Coulomb Phywe	Bộ		1	1	Bổ sung mới	
156A.10	Máy đo cường độ từ trường	Cái		1	1	Bổ sung mới	
156A.11	Mô men từ trường Phywe	Bộ		1	1	Bổ sung mới	
156A.12	Nguồn điện thay đổi liên tục	Cái		2	2	Bổ sung mới	
156A.13	Phần mềm thu thập dữ liệu Capstone, (Bản quyền cho 1 trường)	Cái		1	1	Bổ sung mới	
156A.14	Sắt từ Phywe	Bộ		1	1	Bổ sung mới	
156A.15	Bộ đo hệ số khuếch đại thuật toán và transistor	Bộ		2	2	Bổ sung mới	
156A.16	Bộ thiết kế và chế tạo mạch in điện tử	Bộ		2	2	Bổ sung mới	
156A.17	Bản quyền Origin	Cái		1	1	Bổ sung mới	
156A.18	Máy chủ	Bộ		1	1	Bổ sung mới	
156A.19	Máy tính để bàn	Bộ		21	21	Bổ sung mới	

TT	Danh mục máy móc, thiết bị	Đơn vị tính	Số lượng TCĐM(*) đã ban hành theo QĐ 951	Số lượng TCĐM(*) điều chỉnh tăng, giảm, bổ sung	Số lượng TCĐM(*) sau khi cập nhật điều chỉnh, bổ sung	Nội dung điều chỉnh, bổ sung so với TCĐM(*) đã ban hành theo QĐ 951	Ghi chú
(a)	(b)	(c)	(d)	(đ)	(e)=(d)+(đ)	(h)	(i)
156A.20	Máy hàn dây bán tự động (2 đầu cho Ball-Wedge và Wedge-Wedge) + kiểm tra hàn dây (Semi-Automatic wire bonder + bond tester)	Bộ		1	1	Bổ sung mới	
156A.21	Máy hàn die (Manual Bonder with semi auto. process capabilities- Flipchip Die Bonder)	Bộ		1	1	Bổ sung mới	
156A.22	Wafer N type(P-doped) và P type (B-doped)	Cái		500	500	Bổ sung mới	
156A.23	Hệ đo kiểm tham số linh kiện bán dẫn DC Parametric	Hệ		1	1	Bổ sung mới	
156A.24	Hệ Probe station thủ công (Manual Probing Solution)	Bộ		1	1	Bổ sung mới	
156A.25	Thiết bị phân tích linh kiện bán dẫn (Semiconductor Device Analyzer Mainframe)	Bộ		1	1	Bổ sung mới	
156A.26	Nguồn DC 3 đầu ra	Bộ		1	1	Bổ sung mới	
156A.27	Hệ đo kiểm tham số linh kiện bán dẫn S-Parameter	Hệ		1	1	Bổ sung mới	
156A.28	Hệ Probe station thủ công + phần mềm RF Calibration (Manual Probing Solution), Bộ hiệu chuẩn Calkit	Bộ		1	1	Bổ sung mới	
156A.29	Thiết bị phân tích mạng vector	Bộ		1	1	Bổ sung mới	
156A.30	Máy tính với cổng thunderbolt 3	Cái		1	1	Bổ sung mới	
156A.31	Hệ cắt, mài và đánh bóng chip	Hệ		1	1	Bổ sung mới	
156A.32	Máy cắt chính xác	Cái		1	1	Bổ sung mới	
156A.33	Máy mài (Grinder) đánh bóng tự động	Cái		1	1	Bổ sung mới	
156A.34	Máy hút chân không dành cho đúc ngụy	Cái		1	1	Bổ sung mới	
156A.35	Hệ Đo đặc tính điện môi cho ứng dụng đo kiểm Điện Tử và Công Nghiệp	Hệ		1	1	Bổ sung mới	
156A.36	Impedance Analyzer	Bộ		1	1	Bổ sung mới	
156A.37	Dielectric Material test fixture	Bộ		1	1	Bổ sung mới	
156A.38	Máy tạo lớp phủ Spin coating	Bộ		1	1	Bổ sung mới	
156A.39	Hệ Phún Xạ chế tạo màng mỏng Magnetron Sputtering + E-beam	Bộ		1	1	Bổ sung mới	
156A.40	Glovebox (2 port)	Bộ		1	1	Bổ sung mới	
156A.41	Hệ Ellipsometer	Bộ		1	1	Bổ sung mới	
156A.42	Mô hình mắt	Bộ		4	4	Bổ sung mới	
156A.43	Giao diện ghép nối máy tính 550	Bộ		6	6	Bổ sung mới	
156A.44	Kính hiển vi sinh học	Cái		6	6	Bổ sung mới	
156A.45	Smart Tivi	Cái		2	2	Bổ sung mới	
156A.46	Bộ máy tính	Bộ		8	8	Bổ sung mới	

TT	Danh mục máy móc, thiết bị	Đơn vị tính	Số lượng TCĐM(*) đã ban hành theo QĐ 951	Số lượng TCĐM(*) điều chỉnh tăng, giảm, bổ sung	Số lượng TCĐM(*) sau khi cập nhật điều chỉnh, bổ sung	Nội dung điều chỉnh, bổ sung so với TCĐM(*) đã ban hành theo QĐ 951	Ghi chú
(a)	(b)	(c)	(d)	(đ)	(e)=(d)+(đ)	(h)	(i)
156A.47	Máy đo độ nhớt hiện kim Brookfield	Bộ		5	5	Bổ sung mới	
156A.48	Máy đo điện tim	Cái		3	3	Bổ sung mới	
156A.49	Máy đo huyết áp (tự động)	Cái		6	6	Bổ sung mới	
156A.50	Máy đo huyết áp (cơ)	Cái		6	6	Bổ sung mới	
156A.51	Phần mềm mô phỏng X-quang, siêu âm, MRI	Bộ		2	2	Bổ sung mới	
156A.52	Cảm biến âm	Cái		8	8	Bổ sung mới	
156A.53	Cảm biến nhịp tim	Cái		8	8	Bổ sung mới	
156A.54	Bàn thí nghiệm mặt granite	Cái		20	20	Bổ sung mới	
156A.55	Tủ đựng dụng cụ thiết bị	Cái		4	4	Bổ sung mới	
156A.56	Ghế mặt gỗ tròn chân sắt	Cái		40	40	Bổ sung mới	
156B	PTN Hóa phân tích và kiểm nghiệm thuốc	PTN Mới		x			PTN Mới (156B)
156B.1	Máy quang phổ hấp nguyên tử AAS (ngọn lửa, graphit, hydride, Bộ hóa hơi lạnh) kèm phụ kiện	Cái		1	1	Bổ sung mới	
156B.2	Máy sắc ký lỏng ghép khối phổ và phụ kiện	Cái		1	1	Bổ sung mới	
156B.3	Máy sắc ký ion và phụ kiện	Cái		1	1	Bổ sung mới	
156B.4	Máy sắc ký khí kèm Bộ headspace, giải hấp nhiệt và phụ kiện	Cái		1	1	Bổ sung mới	
156B.5	Cân phân tích	Cái		8	8	Bổ sung mới	
156B.6	Cân phân tích 4 số lẻ	Cái		2	2	Bổ sung mới	
156B.7	Cân phân tích độ ẩm	Cái		1	1	Bổ sung mới	
156B.8	Hệ thống sắc ký lỏng hiệu năng cao đầu dò PDA có chức năng làm lạnh mẫu và thiết bị phụ trợ, dụng cụ kèm theo	Cái		1	1	Bổ sung mới	
156B.9	Máy điều hòa nhiệt độ	Bộ		4	4	Bổ sung mới	
156B.10	Máy đo điểm nóng chảy	Cái		1	1	Bổ sung mới	
156B.11	Máy đo độ dẫn	Cái		2	2	Bổ sung mới	
156B.12	Máy đo độ dẫn điện bề mặt	Cái		1	1	Bổ sung mới	
156B.13	Máy đo độ hòa tan	Cái		1	1	Bổ sung mới	
156B.14	Máy đo pH bề mặt	Cái		3	3	Bổ sung mới	
156B.15	Máy đo quang phổ UV-VIS hai chùm tia	Cái		1	1	Bổ sung mới	
156B.16	Máy đọc khay vi thể	Cái		1	1	Bổ sung mới	
156B.17	Máy đồng hóa bằng siêu âm	Cái		2	2	Bổ sung mới	
156B.18	Máy đông khô	Cái		1	1	Bổ sung mới	
156B.19	Máy đông khô CK Labconco 4,5 lít	Cái		1	1	Bổ sung mới	
156B.20	Máy quang phổ huỳnh quang và phụ kiện	Cái		1	1	Bổ sung mới	
156B.21	Phụ kiện máy quang phổ huỳnh quang (Cell for fluorescence)	Cái		1	1	Bổ sung mới	
156B.22	Phụ kiện máy quang phổ huỳnh quang (Xenon lamp)	Cái		1	1	Bổ sung mới	
156B.23	Sắc ký khí GC-FID	Cái		1	1	Bổ sung mới	
156B.24	Sắc ký khí GC-MS	Cái		1	1	Bổ sung mới	

TT	Danh mục máy móc, thiết bị	Đơn vị tính	Số lượng TCĐM(*) đã ban hành theo QĐ 951	Số lượng TCĐM(*) điều chỉnh tăng, giảm, bổ sung	Số lượng TCĐM(*) sau khi cập nhật điều chỉnh, bổ sung	Nội dung điều chỉnh, bổ sung so với TCĐM(*) đã ban hành theo QĐ 951	Ghi chú
(a)	(b)	(c)	(d)	(đ)	(e)=(d)+(đ)	(h)	(i)
156B.25	Tủ tránh Ẩm Dry-Keeper	Cái		2	2	Bổ sung mới	
156B.26	Thiết bị đo điểm nóng chảy với Kính hiển vi	Cái		1	1	Bổ sung mới	
156B.27	Thiết bị đo nhiệt độ nóng chảy	Cái		1	1	Bổ sung mới	
156B.28	UPS	Cái		1	1	Bổ sung mới	
156B.29	Bàn thí nghiệm mặt granit	Cái		13	13	Bổ sung mới	
156B.30	Bể điều nhiệt lạnh	Cái		2	2	Bổ sung mới	
156B.31	Bể làm lạnh tuần hoàn	Cái		6	6	Bổ sung mới	
156B.32	Bể siêu âm để bàn	Cái		2	2	Bổ sung mới	
156B.33	Bếp cách thủy	Cái		2	2	Bổ sung mới	
156B.34	Bình đo Áp suất p/ứng PARR	Cái		1	1	Bổ sung mới	
156B.35	Bộ chiết béo Soxhlet 1 vị trí Witeg Soxhlet 250 ml	Cái		1	1	Bổ sung mới	
156B.36	Bộ kiểm soát chân không	Cái		4	4	Bổ sung mới	
156B.37	Bơm chân không	Cái		2	2	Bổ sung mới	
156B.38	Bơm chân không dầu 2 cấp Iimva	Cái		1	1	Bổ sung mới	
156B.39	Bơm chân không MZ2C (1,7m3/h)	Cái		1	1	Bổ sung mới	
156B.40	Bơm chân không và Bộ kiểm soát chân không	Cái		2	2	Bổ sung mới	
156B.41	Buồng làm lạnh cho HT sinh hà	Cái		2	2	Bổ sung mới	
156B.42	Buồng soi UV(dùng cho TLC)CAM	Cái		5	5	Bổ sung mới	
156B.43	Cột phân tích mao quản	Cái		2	2	Bổ sung mới	
156B.44	Đèn soi UV 2 bước sóng để bàn	Cái		5	5	Bổ sung mới	
156B.45	Hệ thống bơm chân không (tách nước)	Cái		2	2	Bổ sung mới	
156B.46	Hệ thống chưng cất dung môi (Bếp gia nhiệt cho bình cầu 2 lít)	Cái		1	1	Bổ sung mới	
156B.47	Hệ thống tổng hợp nhiệt độ thấp	Hệ thống		1	1	Bổ sung mới	
156B.48	Máy cô quay chân không	Cái		3	3	Bổ sung mới	
156B.49	Máy cô quay	Cái		1	1	Bổ sung mới	
156B.50	Máy cô quay CK HEI-VAP value	Cái		1	1	Bổ sung mới	
156B.51	Máy đồng nhất hóa tốc độ cao	Cái		1	1	Bổ sung mới	
156B.52	Máy li tâm	Cái		2	2	Bổ sung mới	
156B.53	Máy quang phổ UV-VIS	Cái		2	2	Bổ sung mới	
156B.54	Máy siêu âm có đầu dò (+ đầu dò 6 mm) (Siêu âm đứng)	Cái		1	1	Bổ sung mới	
156B.55	Máy tạo Nitơ	Cái		2	2	Bổ sung mới	
156B.56	Máy tính để bàn	Cái		1	1	Bổ sung mới	
156B.57	Nhiệt kế điện tử	Cái		1	1	Bổ sung mới	
156B.58	Nhớt kế Measuring system SI	Cái		1	1	Bổ sung mới	
156B.59	Phân cực kế ADP-440+2 Quartz Control	Cái		2	2	Bổ sung mới	
156B.60	Rây làm bằng thép không gỉ cho WG-30, 0.355mm MW - 0.140mm	Cái		1	1	Bổ sung mới	

TT	Danh mục máy móc, thiết bị	Đơn vị tính	Số lượng TCĐM(*) đã ban hành theo QĐ 951	Số lượng TCĐM(*) điều chỉnh tăng, giảm, bổ sung	Số lượng TCĐM(*) sau khi cập nhật điều chỉnh, bổ sung	Nội dung điều chỉnh, bổ sung so với TCĐM(*) đã ban hành theo QĐ 951	Ghi chú
(a)	(b)	(c)	(d)	(đ)	(e)=(d)+(đ)	(h)	(i)
156B.61	Rây làm bằng thép không gỉ cho WG-30, 1.0mm MW - 0.360mm	Cái		1	1	Bổ sung mới	
156B.62	Tủ đựng hóa chất	Cái		1	1	Bổ sung mới	
156B.63	Máy khuấy từ gia nhiệt	Cái		12	12	Bổ sung mới	
156B.64	Máy khuấy từ gia nhiệt hiện số	Cái		2	2	Bổ sung mới	
156B.65	Máy khuấy từ gia nhiệt RCT	Cái		9	9	Bổ sung mới	
156B.66	Tủ hút khí độc	Cái		8	8	Bổ sung mới	
156B.67	Tủ sấy	Cái		5	5	Bổ sung mới	
156C	PTN Sinh lý bệnh - Miễn dịch	PTN Mới		x			PTN Mới (156C)
156C.1	Micropipet tự động 8/12 kênh	Cái		5	5	Bổ sung mới	
156C.2	Cân kỹ thuật	Cái		2	2	Bổ sung mới	
156C.3	Cân phân tích	Cái		2	2	Bổ sung mới	
156C.4	Hệ thống ELISA	Cái		2	2	Bổ sung mới	
156C.5	Kính hiển vi 2 mắt	Cái		18	18	Bổ sung mới	
156C.6	Máy Kimograph	Cái		2	2	Bổ sung mới	
156C.7	Máy phân tích huyết học	Cái		2	2	Bổ sung mới	
156C.8	Máy phân tích sinh hóa máu	Cái		2	2	Bổ sung mới	
156C.9	Micropipet 8 kênh	Cái		5	5	Bổ sung mới	
156C.10	Nồi hấp tiệt trùng	Cái		2	2	Bổ sung mới	
156C.11	Tủ sấy	Cái		2	2	Bổ sung mới	
156C.12	Thiết bị đo rối loạn hô hấp của động vật	Cái		2	2	Bổ sung mới	
156C.13	Màn hình tivi	Cái		2	2	Bổ sung mới	
156C.14	Máy chiếu	Cái		2	2	Bổ sung mới	
156C.15	Máy tính để bàn PM	Cái		2	2	Bổ sung mới	
156C.16	Quạt	Cái		6	6	Bổ sung mới	
156C.17	Máy ly tâm lạnh tốc độ cao	Cái		2	2	Bổ sung mới	
156C.18	Bộ hóa chất và sinh phẩm xét nghiệm	Bộ		10	10	Bổ sung mới	
156D	PTN Giải phẫu - Sinh lý	PTN Mới		x			PTN Mới (156D)
156D.1	Cân kỹ thuật	Cái		2	2	Bổ sung mới	
156D.2	Cân phân tích	Cái		2	2	Bổ sung mới	
156D.3	Kính hiển vi 2 mắt	Cái		18	18	Bổ sung mới	
156D.4	Máy Kimograph	Cái		2	2	Bổ sung mới	
156D.5	Máy phân tích huyết học	Cái		2	2	Bổ sung mới	
156D.6	Máy phân tích sinh hóa máu	Cái		2	2	Bổ sung mới	
156D.7	Micropipet 8 kênh	Cái		5	5	Bổ sung mới	
156D.8	Mô hình người	Cái		2	2	Bổ sung mới	
156D.9	Nồi hấp tiệt trùng	Cái		2	2	Bổ sung mới	
156D.10	Tủ sấy	Cái		2	2	Bổ sung mới	
156D.11	Thiết bị đo rối loạn hô hấp của động vật	Cái		2	2	Bổ sung mới	
156D.12	Bộ huyết áp kế	Bộ		9	9	Bổ sung mới	
156D.13	Máy đo đường huyết	Cái		2	2	Bổ sung mới	
156D.14	Máy ly tâm	Cái		2	2	Bổ sung mới	
156D.15	Điều hòa	Chiếc		2	2	Bổ sung mới	
156D.16	Màn hình tivi	Chiếc		2	2	Bổ sung mới	
156D.17	Máy chiếu	Chiếc		2	2	Bổ sung mới	
156D.18	Máy tính để bàn PM	Chiếc		2	2	Bổ sung mới	
156D.19	Quạt	Chiếc		6	6	Bổ sung mới	

TT	Danh mục máy móc, thiết bị	Đơn vị tính	Số lượng TCĐM(*) đã ban hành theo QĐ 951	Số lượng TCĐM(*) điều chỉnh tăng, giảm, bổ sung	Số lượng TCĐM(*) sau khi cập nhật điều chỉnh, bổ sung	Nội dung điều chỉnh, bổ sung so với TCĐM(*) đã ban hành theo QĐ 951	Ghi chú
(a)	(b)	(c)	(d)	(đ)	(e)=(d)+(đ)	(h)	(i)
156D.20	Mô hình hệ tuần hoàn và hô hấp	Chiếc		2	2	Bổ sung mới	
156D.21	Bộ dụng cụ mổ	Bộ		5	5	Bổ sung mới	
156D.22	Máy đo SpO2 và nhịp tim cầm tay	Chiếc		5	5	Bổ sung mới	
156D.23	Bộ xương người kích thước thật	Bộ		2	2	Bổ sung mới	
156E	PTN Thực vật được và thử nghiệm hoạt chất sinh học	PTN Mới		x			PTN Mới (156E)
156E.1	Tủ an toàn sinh học cấp 2 (class A2) dùng để nuôi, cấy tế bào	Cái		1	1	Bổ sung mới	
156E.2	Máy ủ nhiệt khô	Cái		1	1	Bổ sung mới	
156E.3	Máy lọc nước siêu sạch	Cái		1	1	Bổ sung mới	
156E.4	Máy đọc đĩa huỳnh quang	Cái		1	1	Bổ sung mới	
156E.5	Kính hiển vi huỳnh quang soi ngược	Cái		1	1	Bổ sung mới	
156E.6	Máy chụp ảnh gel/màng lai tự động	Cái		1	1	Bổ sung mới	
156E.7	Máy ly tâm điện tử hiện số và rotor góc	Cái		1	1	Bổ sung mới	
156E.8	Tủ mát lưu trữ hóa chất (4oC)	Cái		1	1	Bổ sung mới	
156E.9	Máy phân tích dòng chảy tế bào	Cái		1	1	Bổ sung mới	
156E.10	Tủ ẩm	Cái		1	1	Bổ sung mới	
156E.11	Tủ cấy vô trùng	Cái		1	1	Bổ sung mới	
156E.12	Cân phân tích OHAUS PR224/E (2 số lẻ)	Cái		1	1	Bổ sung mới	
156E.13	Cân phân tích OHAUS PR224/E (4 số lẻ)	Cái		2	2	Bổ sung mới	
156E.14	Bể rửa siêu âm Elmasonic S 180	Cái		1	1	Bổ sung mới	
156E.15	Máy lắc tròn Bibby Scientific SSLI	Cái		1	1	Bổ sung mới	
156E.16	Tủ Ấm lắc để bàn	Cái		1	1	Bổ sung mới	
156E.17	Kính hiển vi có camera	Cái		1	1	Bổ sung mới	
156E.18	Máy đo thể tích phù chân chuột	Cái		1	1	Bổ sung mới	
156E.19	Máy ly tâm	Cái		1	1	Bổ sung mới	
156E.20	Bộ Micropipette	Bộ		2	2	Bổ sung mới	
156E.21	Tủ Ấm	Cái		4	4	Bổ sung mới	
156E.22	Tủ ấm lắc	Cái		1	1	Bổ sung mới	
156E.23	Bộ điện di protein 4 gel Mini-PROTEAN (BIO-RAD)	Cái		2	2	Bổ sung mới	
156E.24	Máy chuyển màng bán khô (BIO-RAD)	Cái		1	1	Bổ sung mới	
156E.25	Hệ thống chụp và phân tích hình ảnh tự động (Thermofisher)	Cái		1	1	Bổ sung mới	
156E.26	Bình hút âm chân không	Cái		1	1	Bổ sung mới	
156E.27	Máy ly tâm ống falcon 15 mL/50 mL	Cái		1	1	Bổ sung mới	
156E.28	Tủ lạnh âm sâu	Cái		1	1	Bổ sung mới	
156E.29	Bàn thí nghiệm trung tâm	Bộ		4	4	Bổ sung mới	
156G	PTH Vi sinh	PTN Mới		x			PTN Mới (156G)
156G.1	Bể điều nhiệt	Cái		4	4	Bổ sung mới	
156G.2	Bể làm lạnh tuần hoàn	Cái		4	4	Bổ sung mới	
156G.3	Bể siêu âm để bàn	Cái		4	4	Bổ sung mới	
156G.4	Bếp cách thủy	Cái		4	4	Bổ sung mới	
156G.5	Bình chứa Nitơ lỏng	Cái		2	2	Bổ sung mới	
156G.6	Bộ bình chứa có đầu Dispenser	Cái		4	4	Bổ sung mới	

TT	Danh mục máy móc, thiết bị	Đơn vị tính	Số lượng TCĐM(*) đã ban hành theo QĐ 951	Số lượng TCĐM(*) điều chỉnh tăng, giảm, bổ sung	Số lượng TCĐM(*) sau khi cập nhật điều chỉnh, bổ sung	Nội dung điều chỉnh, bổ sung so với TCĐM(*) đã ban hành theo QĐ 951	Ghi chú
(a)	(b)	(c)	(d)	(đ)	(e)=(d)+(đ)	(h)	(i)
156G.7	Bộ Micropipette	Bộ		10	10	Bổ sung mới	
156G.8	Camera KTS	Cái		1	1	Bổ sung mới	
156G.9	Cân điện tử	Cái		4	4	Bổ sung mới	
156G.10	Cân phân tích	Cái		4	4	Bổ sung mới	
156G.11	Đèn UV	Cái		4	4	Bổ sung mới	
156G.12	Hệ thống điện di dọc cho protein	Cái		2	2	Bổ sung mới	
156G.13	Hệ thống điện di ngang và Bộ nguồn cho DNA	Cái		2	2	Bổ sung mới	
156G.14	Hệ thống đo COD trong nước	Cái		1	1	Bổ sung mới	
156G.15	Hệ thống đo hàm lượng BOD	Cái		1	1	Bổ sung mới	
156G.16	Kính hiển vi 2 thị kính	Cái		10	10	Bổ sung mới	
156G.17	Kính hiển vi có máy ảnh	Cái		4	4	Bổ sung mới	
156G.18	Kính hiển vi huỳnh quang soi ngược	Cái		2	2	Bổ sung mới	
156G.19	Kính hiển vi kết nối máy tính	Cái		4	4	Bổ sung mới	
156G.20	Kính hiển vi soi nổi hai mắt	Cái		4	4	Bổ sung mới	
156G.21	Máy chụp ảnh gel/màng lai tự động	Cái		1	1	Bổ sung mới	
156G.22	Máy đếm khuẩn lạc	Bộ		2	2	Bổ sung mới	
156G.23	Máy đếm tế bào tự động	Cái		1	1	Bổ sung mới	
156G.24	Máy điện di	Cái		2	2	Bổ sung mới	
156G.25	Máy điều hòa nhiệt độ	Cái		6	6	Bổ sung mới	
156G.26	Máy đo đa chỉ tiêu pH/mV/Độ dẫn/TDS/Độ mặn/Oxy hòa tan/Nhiệt độ để bàn	Cái		2	2	Bổ sung mới	
156G.27	Máy đo nano drop	Cái		2	2	Bổ sung mới	
156G.28	Máy đo pH để bàn	Cái		2	2	Bổ sung mới	
156G.29	Máy đo tỷ trọng	Cái		1	1	Bổ sung mới	
156G.30	Máy đọc đĩa huỳnh quang	Cái		1	1	Bổ sung mới	
156G.31	Máy đọc Gel	Cái		1	1	Bổ sung mới	
156G.32	Máy khuấy từ	Cái		4	4	Bổ sung mới	
156G.33	Máy khuấy từ gia nhiệt	Cái		4	4	Bổ sung mới	
156G.34	Máy lắc	Cái		4	4	Bổ sung mới	
156G.35	Máy lắc tròn	Cái		4	4	Bổ sung mới	
156G.36	Máy lắc vortex	Cái		4	4	Bổ sung mới	
156G.37	Máy lọc nước siêu sạch	Cái		1	1	Bổ sung mới	
156G.38	Máy luân nhiệt	Cái		2	2	Bổ sung mới	
156G.39	Máy ly tâm	Cái		2	2	Bổ sung mới	
156G.40	Máy ly tâm điện từ hiện số và rotor góc	Cái		2	2	Bổ sung mới	
156G.41	Máy ly tâm tốc độ cao	Cái		2	2	Bổ sung mới	
156G.42	Máy PCR	Cái		1	1	Bổ sung mới	
156G.43	Máy phân tích dòng chảy tế bào	Cái		1	1	Bổ sung mới	
156G.44	Máy phun thuốc khử trùng phòng mổ	Cái		2	2	Bổ sung mới	
156G.45	Máy quang phổ định lượng vi khuẩn	Cái		2	2	Bổ sung mới	
156G.46	Máy quang phổ UV-VIS	Cái		2	2	Bổ sung mới	
156G.47	Máy real time PCR	Cái		1	1	Bổ sung mới	

TT	Danh mục máy móc, thiết bị	Đơn vị tính	Số lượng TCĐM(*) đã ban hành theo QĐ 951	Số lượng TCĐM(*) điều chỉnh tăng, giảm, bổ sung	Số lượng TCĐM(*) sau khi cập nhật điều chỉnh, bổ sung	Nội dung điều chỉnh, bổ sung so với TCĐM(*) đã ban hành theo QĐ 951	Ghi chú
(a)	(b)	(c)	(d)	(đ)	(e)=(d)+(đ)	(h)	(i)
156G.48	Máy tính	Bộ		4	4	Bổ sung mới	
156G.49	Máy trộn có gia nhiệt	Cái		2	2	Bổ sung mới	
156G.50	Máy ủ nhiệt khô	Cái		1	1	Bổ sung mới	
156G.51	Nồi hấp tiệt trùng	Cái		4	4	Bổ sung mới	
156G.52	Pipette nhiều kênh	Bộ		4	4	Bổ sung mới	
156G.53	Rotor máy ly tâm	Cái		2	2	Bổ sung mới	
156G.54	Tivi	Cái		2	2	Bổ sung mới	
156G.55	Tủ âm	Cái		4	4	Bổ sung mới	
156G.56	Tủ âm CO2	Cái		2	2	Bổ sung mới	
156G.57	Tủ âm lắc	Cái		2	2	Bổ sung mới	
156G.58	Tủ âm lắc để bàn	Cái		2	2	Bổ sung mới	
156G.59	Tủ an toàn sinh học	Cái		4	4	Bổ sung mới	
156G.60	Tủ an toàn sinh học cấp 2	Cái		4	4	Bổ sung mới	
156G.61	Tủ bảo quản máy móc thiết bị	Cái		4	4	Bổ sung mới	
156G.62	Tủ đựng hóa chất có hệ thống hút khí	Cái		2	2	Bổ sung mới	
156G.63	Tủ hút	Cái		2	2	Bổ sung mới	
156G.64	Tủ lạnh	Cái		4	4	Bổ sung mới	
156G.65	Tủ lạnh âm sâu	Cái		2	2	Bổ sung mới	
156G.66	Tủ sấy	Cái		4	4	Bổ sung mới	
156G.67	Bàn thí nghiệm trung tâm	Bộ		4	4	Bổ sung mới	
156H	PTH Ký sinh trùng	PTN Mới		x			PTN Mới (156H)
156H.1	Bể điều nhiệt	Cái		3	3	Bổ sung mới	
156H.2	Bể làm lạnh tuần hoàn	Cái		2	2	Bổ sung mới	
156H.3	Bể siêu âm để bàn	Cái		1	1	Bổ sung mới	
156H.4	Bình chứa Nitơ lỏng	Cái		3	3	Bổ sung mới	
156H.5	Bộ Micropipette nhiều kênh	Bộ		10	10	Bổ sung mới	
156H.6	Cân phân tích 4 số lẻ	Cái		2	2	Bổ sung mới	
156H.7	Cân phân tích 2 số lẻ	Cái		2	2	Bổ sung mới	
156H.8	Kính hiển vi 2 thị kính	Cái		5	5	Bổ sung mới	
156H.9	Kính hiển vi huỳnh quang soi ngược	Cái		1	1	Bổ sung mới	
156H.10	Kính hiển vi kết nối máy tính	Cái		2	2	Bổ sung mới	
156H.11	Kính hiển vi soi nổi hai thị kính	Cái		2	2	Bổ sung mới	
156H.12	Máy đếm khuẩn lạc	Bộ		1	1	Bổ sung mới	
156H.13	Máy đếm tế bào tự động	Cái		1	1	Bổ sung mới	
156H.14	Máy điều hòa nhiệt độ	Cái		4	4	Bổ sung mới	
156H.15	Máy đo pH để bàn	Cái		2	2	Bổ sung mới	
156H.16	Máy khuấy từ	Cái		2	2	Bổ sung mới	
156H.17	Máy khuấy từ gia nhiệt	Cái		2	2	Bổ sung mới	
156H.18	Máy lắc	Cái		2	2	Bổ sung mới	
156H.19	Máy lắc tròn	Cái		2	2	Bổ sung mới	
156H.20	Máy lắc vortex	Cái		2	2	Bổ sung mới	
156H.21	Máy ly tâm (ống 15 mL)	Cái		1	1	Bổ sung mới	
156H.22	Máy ly tâm (ống 50 mL)	Cái		1	1	Bổ sung mới	
156H.23	Máy ly tâm tốc độ cao (tube 2 mL)	Cái		1	1	Bổ sung mới	
156H.24	Máy phân tích dòng chảy tế bào	Cái		1	1	Bổ sung mới	

TT	Danh mục máy móc, thiết bị	Đơn vị tính	Số lượng TCĐM(*) đã ban hành theo QĐ 951	Số lượng TCĐM(*) điều chỉnh tăng, giảm, bổ sung	Số lượng TCĐM(*) sau khi cập nhật điều chỉnh, bổ sung	Nội dung điều chỉnh, bổ sung so với TCĐM(*) đã ban hành theo QĐ 951	Ghi chú
(a)	(b)	(c)	(d)	(d)	(e) = (d) + (d)	(h)	(i)
156H.25	Máy phun thuốc khử trùng phòng mổ	Cái		1	1	Bổ sung mới	
156H.26	Máy quang phổ định lượng vi khuẩn	Cái		1	1	Bổ sung mới	
156H.27	Máy quang phổ UV-VIS	Cái		1	1	Bổ sung mới	
156H.28	Máy trộn có gia nhiệt	Cái		1	1	Bổ sung mới	
156H.29	Máy ủ nhiệt khô	Cái		1	1	Bổ sung mới	
156H.30	Nồi hấp tiệt trùng	Cái		1	1	Bổ sung mới	
156H.31	Tivi	Cái		2	2	Bổ sung mới	
156H.32	Tủ âm 0-80oC	Cái		2	2	Bổ sung mới	
156H.33	Tủ âm lạnh	Cái		2	2	Bổ sung mới	
156H.34	Tủ an toàn sinh học cấp 2	Cái		2	2	Bổ sung mới	
156H.35	Tủ bảo quản máy móc thiết bị	Cái		2	2	Bổ sung mới	
156H.36	Tủ hút	Cái		1	1	Bổ sung mới	
156H.37	Tủ lạnh	Cái		4	4	Bổ sung mới	
156H.38	Tủ lạnh âm sâu	Cái		2	2	Bổ sung mới	
156H.39	Tủ sấy	Cái		3	3	Bổ sung mới	
156H.40	Giá cầm micropipet 1 kênh	Cái		5	5	Bổ sung mới	
156H.41	Máy ELISA bán tự động	Cái		1	1	Bổ sung mới	
156H.42	Bếp điện đơn	Cái		2	2	Bổ sung mới	
156H.43	Bếp điện đôi	Cái		2	2	Bổ sung mới	
156H.44	Lò vi sóng	Cái		2	2	Bổ sung mới	
156H.45	Giá phơi lame sau khi nhuộm	Cái		10	10	Bổ sung mới	
156H.46	Giá nhuộm tiêu bản inox	Cái		20	20	Bổ sung mới	
156H.47	Hộp đựng tiêu bản nhựa 25 chỗ	Cái		20	20	Bổ sung mới	
156H.48	Hộp đựng tiêu bản nhựa 100 chỗ	Cái		20	20	Bổ sung mới	
156H.49	Máy sinh hóa máu tự động	Cái		1	1	Bổ sung mới	
156H.50	Máy xét nghiệm sinh hóa bán tự động	Cái		1	1	Bổ sung mới	
156H.51	Máy xét nghiệm huyết học tự động 3 thành phần bạch cầu 20 thông số	Cái		1	1	Bổ sung mới	
156H.52	Máy xét nghiệm đông máu bán tự động	Cái		1	1	Bổ sung mới	
156H.53	Máy xét nghiệm nước tiểu 12 thông	Cái		1	1	Bổ sung mới	
156H.54	Máy xét nghiệm miễn dịch Elisa bao gồm máy rửa kèm hệ thống ủ	Cái		1	1	Bổ sung mới	
156H.55	Bàn thí nghiệm trung tâm	Bộ		4	4	Bổ sung mới	
156H.56	Bếp cách thủy	Cái		4	4	Bổ sung mới	
156I	PTH Chiết suất vi sinh	PTN Mới		x			PTN Mới (156I)
156I.1	Thiết bị sản xuất chế phẩm sinh học Probiotic			1	1	Bổ sung mới	
156I.2	Hệ thống nuôi sinh khối vi sinh (bioreactor 100-1000 lít)			1	1	Bổ sung mới	
156I.3	Máy dập mẫu vi sinh			1	1	Bổ sung mới	
156I.4	Bàn thí nghiệm trung tâm	Bộ		4	4	Bổ sung mới	
156I.5	Bếp cách thủy	Cái		4	4	Bổ sung mới	
156I.6	Bê điều nhiệt	Cái		1	1	Bổ sung mới	

TT	Danh mục máy móc, thiết bị	Đơn vị tính	Số lượng TCĐM(*) đã ban hành theo QĐ 951	Số lượng TCĐM(*) điều chỉnh tăng, giảm, bổ sung	Số lượng TCĐM(*) sau khi cập nhật điều chỉnh, bổ sung	Nội dung điều chỉnh, bổ sung so với TCĐM(*) đã ban hành theo QĐ 951	Ghi chú
(a)	(b)	(c)	(d)	(đ)	(e)=(d)+(đ)	(h)	(i)
156I.7	Bê làm lạnh tuần hoàn	Cái		1	1	Bổ sung mới	
156I.8	Bê siêu âm để bàn	Cái		1	1	Bổ sung mới	
156I.9	Bình chứa Nitơ lỏng	Cái		3	3	Bổ sung mới	
156I.10	Bộ Micropipette nhiều kênh	Bộ		10	10	Bổ sung mới	
156I.11	Cân phân tích 4 số lẻ	Cái		2	2	Bổ sung mới	
156I.12	Cân phân tích 2 số lẻ	Cái		2	2	Bổ sung mới	
156I.13	Kính hiển vi 2 thị kính	Cái		2	2	Bổ sung mới	
156I.14	Kính hiển vi huỳnh quang soi ngược	Cái		1	1	Bổ sung mới	
156I.15	Kính hiển vi kết nối máy tính	Cái		2	2	Bổ sung mới	
156I.16	Kính hiển vi soi nổi hai thị kính	Cái		2	2	Bổ sung mới	
156I.17	Máy đếm khuẩn lạc	Bộ		1	1	Bổ sung mới	
156I.18	Máy đếm tế bào tự động	Cái		1	1	Bổ sung mới	
156I.19	Máy điều hòa nhiệt độ	Cái		4	4	Bổ sung mới	
156I.20	Máy đo pH để bàn	Cái		2	2	Bổ sung mới	
156I.21	Máy khuấy từ	Cái		2	2	Bổ sung mới	
156I.22	Máy khuấy từ gia nhiệt	Cái		2	2	Bổ sung mới	
156I.23	Máy lắc	Cái		2	2	Bổ sung mới	
156I.24	Máy lắc tròn	Cái		2	2	Bổ sung mới	
156I.25	Máy lắc vortex	Cái		2	2	Bổ sung mới	
156I.26	Máy ly tâm (ống 15 mL)	Cái		1	1	Bổ sung mới	
156I.27	Máy ly tâm (ống 50 mL)	Cái		1	1	Bổ sung mới	
156I.28	Máy ly tâm tốc độ cao (tube 2 mL)	Cái		1	1	Bổ sung mới	
156I.29	Máy quang phổ UV-VIS	Cái		1	1	Bổ sung mới	
156I.30	Máy trộn có gia nhiệt	Cái		1	1	Bổ sung mới	
156I.31	Máy ủ nhiệt khô	Cái		1	1	Bổ sung mới	
156I.32	Nồi hấp tiệt trùng	Cái		1	1	Bổ sung mới	
156I.33	Tivi	Cái		2	2	Bổ sung mới	
156I.34	Tủ âm 0-80oC	Cái		2	2	Bổ sung mới	
156I.35	Tủ âm lắc	Cái		2	2	Bổ sung mới	
156I.36	Tủ an toàn sinh học cấp 2	Cái		2	2	Bổ sung mới	
156I.37	Tủ bảo quản máy móc thiết bị	Cái		2	2	Bổ sung mới	
156I.38	Tủ hút	Cái		1	1	Bổ sung mới	
156I.39	Tủ lạnh	Cái		4	4	Bổ sung mới	
156I.40	Tủ lạnh âm sâu	Cái		2	2	Bổ sung mới	
156I.41	Tủ sấy	Cái		3	3	Bổ sung mới	
VII	Khoa Luật			x			
157	PTH Diễn án			x			
B157.16	Tủ gỗ đựng trang phục diễn án	Cái		2	2	Bổ sung mới	
160A	Phòng nghị án	PTN Mới		x			PTN Mới (160A)
160A.1	Bàn làm việc	Cái		1	1	Bổ sung mới	
160A.2	Máy lạnh	Bộ		1	1	Bổ sung mới	
160A.3	Bàn họp	Cái		1	1	Bổ sung mới	
VIII	Khoa Môi trường và Tài nguyên thiên nhiên			x			
161	PTN Sinh học Môi trường và Sinh học Môi trường tiên tiến			x			
161.6	Bộ bao gói mẫu cho máy phân tích nguyên tố	Hộp	5	5	10	Tăng thêm 05	
161.7	Bộ cột phân tích CHONS và CHN	Bộ	5	5	10	Tăng thêm 05	
B161.57	Bộ gói mẫu cho máy CHNS,O	Bộ		5	5	Bổ sung mới	
B161.58	Bộ hóa chất chuẩn CHNS,O	Bộ		5	5	Bổ sung mới	
B161.59	Bộ gói mẫu cho máy CHNS,O	Bộ		5	5	Bổ sung mới	

TT	Danh mục máy móc, thiết bị	Đơn vị tính	Số lượng TCDM(*) đã ban hành theo QĐ 951	Số lượng TCDM(*) điều chỉnh tăng, giảm, bổ sung	Số lượng TCDM(*) sau khi cập nhật điều chỉnh, bổ sung	Nội dung điều chỉnh, bổ sung so với TCDM(*) đã ban hành theo QĐ 951	Ghi chú
(a)	(b)	(c)	(d)	(đ)	(e)=(d)+(đ)	(h)	(i)
B161.60	Bộ dụng cụ thay thế máy CHNS, O (bao gồm bông thủy tinh, bao gồm cột CHN)	Bộ		2	2	Bổ sung mới	
B161.61	Bộ dụng cụ thay thế máy GC	Bộ		2	2	Bổ sung mới	
B161.62	Đầu dò và cột ECD cho máy GC	Bộ		2	2	Bổ sung mới	
B161.63	Đầu dò và cột FID cho máy GC	Bộ		2	2	Bổ sung mới	
B161.64	Đầu dò và cột TCD cho máy GC	Bộ		2	2	Bổ sung mới	
B161.65	Tủ đựng hóa chất	Cái		1	1	Bổ sung mới	
B161.66	Ti vi từ 65 inches trở lên	Cái		1	1	Bổ sung mới	
B161.67	Tủ hút	Cái		1	1	Bổ sung mới	
162	PTN Môi trường Đất và Nước và Môi trường Đất và Nước tiên tiến			x			
B162.84	Bộ dụng cụ thay thế máy TOC	Bộ		2	2	Bổ sung mới	
B162.85	Máy đo thể oxy hóa khử	Cái		2	2	Bổ sung mới	
B162.86	Bộ lắc mẫu cho phân tích sa cẩu đất	Bộ		1	1	Bổ sung mới	
B162.87	Tủ hóa chất	Cái		1	1	Bổ sung mới	
B162.88	Ti vi từ 65 inches trở lên	Cái		1	1	Bổ sung mới	
B162.89	Tủ hút	Cái		1	1	Bổ sung mới	
163	PTN Độc học Môi trường và Độc học Môi trường tiên tiến			x			
163.4	Bộ lọc chân không	Cái	1	2	3	Tăng thêm 02	
163.6	Bơm chân không	Cái	1	2	3	Tăng thêm 02	
163.7	Bơm định lượng	Cái	10	5	15	Tăng thêm 05	
163.8	Burette tự động	Cái	10	5	15	Tăng thêm 05	
163.15	Hệ thống lọc nước siêu sạch	Cái	1	1	2	Tăng thêm 01	
163.17	Lò nung hiển thị số	Cái	1	1	2	Tăng thêm 01	
163.20	Máy cất nước 2 lần	Cái	1	1	2	Tăng thêm 01	
163.35	Máy nghiền mẫu thực vật tự chế	Cái	1	2	3	Tăng thêm 02	
163.52	Tủ trữ mẫu	Cái	2	2	4	Tăng thêm 02	
B163.53	Bể composite 60L thí nghiệm độc học môi trường nước	Cái		18	18	Bổ sung mới	
B163.54	Bể composite 300L thí nghiệm độc học môi trường nước	Cái		18	18	Bổ sung mới	
B163.55	Bể composite 600L thí nghiệm độc học môi trường nước	Cái		18	18	Bổ sung mới	
B163.56	Bể composite 1200L thí nghiệm độc học môi trường nước	Cái		6	6	Bổ sung mới	
B163.57	Tủ hút khí độc, hóa chất	Bộ		3	3	Bổ sung mới	
B163.58	Bộ công phá đạm	Bộ		2	2	Bổ sung mới	
B163.59	Máy lắc tròn	Bộ		2	2	Bổ sung mới	
B163.60	Bộ dụng cụ thay thế máy phân tích dòng	Bộ		2	2	Bổ sung mới	
B163.61	Tủ đựng hóa chất	Cái		1	1	Bổ sung mới	
B163.62	Ti vi từ 65 inches trở lên	Cái		1	1	Bổ sung mới	
B163.63	Tủ hút	Cái		1	1	Bổ sung mới	
164	PTN Kỹ thuật Môi Trường tiên tiến			x			
164.11	Bộ khí chuẩn CO2 0, 50, 100, 400, 1000, 2000, 20000 ppm	Bộ	2	1	3	Tăng thêm 01	
164.12	Bộ khí chuẩn CH4 0, 0.5, 1, 5, 10, 20, 100 ppm	Bộ	2	1	3	Tăng thêm 01	
164.13	Bộ khí chuẩn N2O 0, 0.1; 0.25, 0.5; 1; 5, 10 ppm	Bộ	2	1	3	Tăng thêm 01	
164.15	Bộ máy đo H2O, CO2, CH4 Piccaro	Bộ	1	1	2	Tăng thêm 01	
164.17	Cảm biến cường độ ánh sáng	Cái	2	2	4	Tăng thêm 02	

TT	Danh mục máy móc, thiết bị	Đơn vị tính	Số lượng TCDM(*) đã ban hành theo QĐ 951	Số lượng TCDM(*) điều chỉnh tăng, giảm, bổ sung	Số lượng TCDM(*) sau khi cập nhật điều chỉnh, bổ sung	Nội dung điều chỉnh, bổ sung so với TCDM(*) đã ban hành theo QĐ 951	Ghi chú
(a)	(b)	(c)	(d)	(d)	(e)=(d)+(d)	(h)	(i)
164.21	Điện cực đo ánh sáng	Bộ	2	2	4	Tăng thêm 02	
164.22	Điện cực đo ánh sáng dưới nước	Bộ	2	2	4	Tăng thêm 02	
164.29	Máy đo EC/TDS/Sal	Cái	2	1	3	Tăng thêm 01	
164.31	Máy đo Oxy	Cái	2	1	3	Tăng thêm 01	
164.32	Máy đo pH/ORP	Cái	2	1	3	Tăng thêm 01	
B164.38	Máy khuấy từ gia nhiệt	Bộ		2	2	Bổ sung mới	
B164.39	Lò graphite máy hấp thu nguyên tử	hộp		10	10	Bổ sung mới	
B164.40	Bộ làm lạnh chiller cho máy phân tích kim loại	Bộ		1	1	Bổ sung mới	
B164.41	Bộ dụng cụ thay thế máy AAS (bao gồm ống thạch anh FIAS, hóa chất chuẩn, hóa chất khử nền,...)	Bộ		2	2	Bổ sung mới	
B164.42	Bộ ống công phá vi sóng	Bộ		2	2	Bổ sung mới	
B164.43	Bộ phụ kiện hỗ trợ thay thế, phân tích chlorophyll tảo máy đo hiệu suất quang hợp	Bộ		2	2	Bổ sung mới	
B164.44	Bộ phụ kiện hỗ trợ thay thế máy đo quang hợp lá cây	Bộ		2	2	Bổ sung mới	
B164.45	Bộ phụ kiện hỗ trợ thay thế máy đo quang hợp thực vật trong nước	Bộ		2	2	Bổ sung mới	
B164.46	Bộ quả cân chuẩn Châu Âu	Bộ		1	1	Bổ sung mới	
B164.47	Tủ hóa chất	Cái		1	1	Bổ sung mới	
B164.48	Ti vi từ 65 inches trở lên	Cái		1	1	Bổ sung mới	
B164.49	Tủ hút	Cái		1	1	Bổ sung mới	
165	PTN Nước, nước thải và Nước, nước thải tiên tiến			x			
165.1	Bộ điều chỉnh nhiệt độ làm lạnh BOD	Cái	1	1	2	Tăng thêm 01	
165.2	Bộ khuấy jar test	Bộ	1	3	4	Tăng thêm 03	
165.15	Cân 2 số lẻ	Cái	1	1	2	Tăng thêm 01	
165.26	Máy đo DO	Cái	2	3	5	Tăng thêm 03	
165.39	Máy đo pH, EC	Cái	1	2	3	Tăng thêm 02	
165.41	Máy đo quang phổ	Cái	1	1	2	Tăng thêm 01	
165.42	Máy đo vận tốc nước	Cái	5	4	9	Tăng thêm 04	
165.46	Máy khuấy từ gia nhiệt	Cái	1	2	3	Tăng thêm 02	
165.47	Máy lọc nước	Cái	1	1	2	Tăng thêm 01	
165.72	Tủ trữ mẫu	Cái	1	3	4	Tăng thêm 03	
165.73	Tủ ủ BOD	Cái	1	1	2	Tăng thêm 01	
B165.80	Tivi từ 75 inch trở lên	Cái		1	1	Bổ sung mới	
166	PTN Xử lý Chất thải rắn và Xử lý Chất thải rắn tiên tiến			x			
166.5	Hệ thống cảm biến Respirometric 6 vị trí kiểm tra rác thải nhựa (SA102A0166, VELP – Ý) + databox (SB102A0166, VELP – Ý)	Cái	1	1	2	Tăng thêm 01	
166.19	Máy phân tích khí thải	Cái	1	1	2	Tăng thêm 01	
166.28	Thiết bị thử nghiệm phân hủy sinh học cho vật liệu nhựa trong môi trường hiếu khí	Cái	1	1	2	Tăng thêm 01	
B166.29	Cân sấy ẩm	Cái		2	2	Bổ sung mới	
B166.30	Cân phân tích	Cái		1	1	Bổ sung mới	
B166.31	Tủ sấy	Cái		1	1	Bổ sung mới	
B166.32	Máy đo nhiệt trị	Cái		1	1	Bổ sung mới	
B166.33	Bộ gói mẫu cho máy phân tích nguyên tố	Bộ		5	5	Bổ sung mới	

TT	Danh mục máy móc, thiết bị	Đơn vị tính	Số lượng TCĐM(*) đã ban hành theo QĐ 951	Số lượng TCĐM(*) điều chỉnh tăng, giảm, bổ sung	Số lượng TCĐM(*) sau khi cập nhật điều chỉnh, bổ sung	Nội dung điều chỉnh, bổ sung so với TCĐM(*) đã ban hành theo QĐ 951	Ghi chú
(a)	(b)	(c)	(d)	(đ)	(e)=(d)+(đ)	(h)	(i)
B166.34	Bộ hóa chất chuẩn máy phân tích nguyên tố	Bộ		5	5	Bổ sung mới	
B166.35	Dụng cụ thay thế cho máy phân tích nguyên tố (bao gồm bông thủy	Bộ		2	2	Bổ sung mới	
B166.36	Bộ đèn As, Cr, Ca, Na, Al, Fe, Se, Zn cho máy AAS	Bộ		2	2	Bổ sung mới	
B166.37	Bộ dụng cụ máy đo cho máy quang phổ hấp thụ nguyên tử (bao gồm hóa chất chuẩn, hóa chất khử	Bộ		2	2	Bổ sung mới	
B166.38	Bộ lò graphite máy quang phổ hấp thụ nguyên tử	Bộ		5	5	Bổ sung mới	
B166.39	Bộ hóa chất chuẩn phân tích nhiệt	Bộ		5	5	Bổ sung mới	
B166.40	Bộ dụng cụ thay thế máy phân tích nhiệt trị	Bộ		2	2	Bổ sung mới	
B166.41	Máy đo độ độ màu	Bộ		1	1	Bổ sung mới	
B166.42	Thiết bị siêu lọc (Millipore, Amicon 8400)	Bộ		1	1	Bổ sung mới	
B166.43	Máy lắc ổn nhiệt	Bộ		1	1	Bổ sung mới	
B166.44	Bộ Jartest	Bộ		1	1	Bổ sung mới	
B166.45	Máy đo độ cứng Cao su Nhựa Huatec HT-6510C	Cái		1	1	Bổ sung mới	
B166.46	Máy Phân Hủy Rác Hữu Cơ	Cái		3	3	Bổ sung mới	
B166.47	Máy đun viên nén RDF/RPF	Cái		1	1	Bổ sung mới	
B166.48	Máy đo khí thải ống khói, khí cháy xách tay hiện trường (Model: SI-CA 8500)	Cái		1	1	Bổ sung mới	
B166.49	Tivi 75 inch	Cái		1	1	Bổ sung mới	
B166.50	Tủ hút	Cái		1	1	Bổ sung mới	
B166.51	Tủ đựng hóa chất	Cái		1	1	Bổ sung mới	
167	PTN Hoá Kỹ thuật Môi Trường và Hoá Kỹ thuật Môi Trường			x			
167.18	Dụng cụ lọc	Cái	1	3	4	Tăng thêm 03	
167.26	Ghế ngồi xoay	Cái	10	30	40	Tăng thêm 30	
167.43	Máy đo độ đục	Cái	3	1	4	Tăng thêm 01	
167.86	Tủ sấy 256 lít	Cái	1	1	2	Tăng thêm 01	
B167.95	Máy cất nước 2 lần	Cái		1	1	Bổ sung mới	
B167.96	Bể rửa siêu âm	Cái		1	1	Bổ sung mới	
B167.97	Bể điều nhiệt (chung cách thủy)	Cái		1	1	Bổ sung mới	
B167.98	Máy đồng nhất mẫu ADN	Cái		1	1	Bổ sung mới	
B167.99	Hệ thống điện di biến tính (DGGE)	Cái		1	1	Bổ sung mới	
B167.100	Autoclave đứng	Cái		1	1	Bổ sung mới	
B167.101	Tivi từ 75 inch trở lên	Cái		1	1	Bổ sung mới	
B167.102	Tủ đựng hóa chất	Cái		1	1	Bổ sung mới	
168	PTN Kiểm soát ô nhiễm không khí và Kiểm soát ô nhiễm không khí tiên tiến			x			
B168.45	Cân điện tử 5 số lẻ	Cái		1	1	Bổ sung mới	
B168.46	Thiết bị phân tích cấp phối hạt - Andersen AN-200	Cái		1	1	Bổ sung mới	
B168.47	Tivi 75 inch	Cái		1	1	Bổ sung mới	
170	PTN Tài nguyên đất đai			x			
170.20	Máy lắc ngang	Cái	1	1	2	Tăng thêm 01	
170.34	Rây mẫu	Bộ	1	1	2	Tăng thêm 01	
B170.43	Bếp điện (2000W) công phá mẫu	Cái		1	1	Bổ sung mới	

TT	Danh mục máy móc, thiết bị	Đơn vị tính	Số lượng TCĐM(*) đã ban hành theo QĐ 951	Số lượng TCĐM(*) điều chỉnh tăng, giảm, bổ sung	Số lượng TCĐM(*) sau khi cập nhật điều chỉnh, bổ sung	Nội dung điều chỉnh, bổ sung so với TCĐM(*) đã ban hành theo QĐ 951	Ghi chú
(a)	(b)	(c)	(d)	(đ)	(e)=(d)+(đ)	(h)	(i)
B170.44	Tủ đựng hóa chất	Cái		1	1	Bổ sung mới	
B170.45	Tủ hút khí độc	Cái		1	1	Bổ sung mới	
173	PTN Tài nguyên nước			x			
173.31	Quạt gió công nghiệp đứng	Cái	2	2	4	Tăng thêm 02	
174	PTN Quan trắc môi trường và Quan trắc khí hậu			x			
174.8	Ghế cây	Cái	7	8	15	Tăng thêm 08	
IX	Trường Sư phạm			x			
175	PTH Ứng dụng công nghệ thông tin trong dạy học			x			
175.2	Bộ Kit lập trình AI và Iot	Bộ	10	5	15	Tăng thêm 05	
175.3	Bộ Robot Stem Rover (V2-Basic)	Bộ	10	5	15	Tăng thêm 05	
B175.10	Bộ STEM Starter Kit- (kèm 300 miếng lắp ráp + 2 động cơ)	Bộ		10	10	Bổ sung mới	
B175.11	Bộ Kit phát triển ứng dụng dựa trên vi điều khiển	Bộ		10	10	Bổ sung mới	
B175.12	Robot ORC K2	Bộ		10	10	Bổ sung mới	
B175.13	Robot ORC K3	Bộ		10	10	Bổ sung mới	
B175.14	Bộ công cụ thực hành thí nghiệm khoa học InnoLab Starter Kit	Bộ		10	10	Bổ sung mới	
176	PTH Vật lý Đại cương			x			
176.10	Bài TN Quang phổ và Giác kế	Bộ	3	1	4	Tăng thêm 01	
176.35	Bộ thí nghiệm bước sóng của ánh sáng trắng	Bộ	3	-2	1	Giảm 02	
176.36	Bộ thí nghiệm xác định bước sóng ánh sáng: Quan sát hiện tượng giao thoa ánh sáng qua khe Y-âng; Đo bước sóng ánh sáng	Bộ	3	-2	1	Giảm 02	
176.41	Kính thiên văn	Bộ	1	1	2	Tăng thêm 01	
176.44	Máy đo hiện số	Cái	1	9	10	Tăng thêm 09	
176.45	Máy đo kim	Cái	1	9	10	Tăng thêm 09	
176.46	Máy tính để bàn	Bộ	10	10	20	Tăng thêm 10	
B176.47	Bài TN Hiện tượng quang hình học	Bộ		4	4	Tăng thêm 04	
B176.48	Bài TN định luật Lambert	Bộ		3	3	Tăng thêm 03	
B176.49	Bài TN Hiệu ứng quang điện	Bộ		3	3	Tăng thêm 03	
B176.50	Bài TN Hiện tượng hấp thụ ánh sáng	Bộ		2	2	Tăng thêm 02	
B176.51	Bộ thí nghiệm chứng minh quang dẫn	Bộ		1	1	Tăng thêm 01	
B176.52	Bộ thí nghiệm TESS quang học OE1 (kèm nguồn sáng trắng)	Bộ		2	2	Tăng thêm 02	
B176.53	Bộ thí nghiệm TESS quang học OE3: Điện trở quang học, LDR3, Dây điện, 500mm, red and Blue; Đồng hồ vạn năng chỉ kim; Gương Fresnel; Lăng kính Fresnel; Kính cho vòng Newton; Bảng đen 200x300mm, black, 10pcs; Tinh thể Calcite, Mẫu vật phân cực, mica	Bộ		2	2	Tăng thêm 02	
B176.54	Giao diện vạn năng 550 Pasco UI-5001	Bộ		4	4	Tăng thêm 04	

TT	Danh mục máy móc, thiết bị	Đơn vị tính	Số lượng TCĐM(*) đã ban hành theo QĐ 951	Số lượng TCĐM(*) điều chỉnh tăng, giảm, bổ sung	Số lượng TCĐM(*) sau khi cập nhật điều chỉnh, bổ sung	Nội dung điều chỉnh, bổ sung so với TCĐM(*) đã ban hành theo QĐ 951	Ghi chú
(a)	(b)	(c)	(d)	(đ)	(e)=(d)+(đ)	(h)	(i)
B176.55	Máy đo cường độ ánh sáng KYORITSU 5202 (19990 Lux)	Bộ		4	4	Tăng thêm 04	
B176.56	Mô hình thiên cầu	Bộ		1	1	Tăng thêm 01	
B176.57	Dao động ký số Tektronik 100 Mhz	Cái		3	3	Tăng thêm 03	
B176.58	Máy phát xung tùy ý	Cái		1	1	Tăng thêm 01	
B176.59	Dao động ký số 500 Mhz	Cái		1	1	Tăng thêm 01	
B176.60	Máy hút khối hàn	Cái		1	1	Tăng thêm 01	
B176.61	Máy phát tín hiệu	Cái		4	4	Tăng thêm 04	
B176.62	Máy hàn trạm	Cái		2	2	Tăng thêm 02	
B176.63	Dao động ký tương tự 100 Mhz	Cái		2	2	Tăng thêm 02	
B176.64	Tivi từ 65 inch trở lên	Cái		3	3	Tăng thêm 03	
B176.65	Máy in 2 mặt	Cái		4	4	Tăng thêm 04	
B176.66	Máy điều hòa	Cái		5	5	Tăng thêm 05	
177	PTH Phương pháp giảng dạy Vật			x			
177.2	Bài TN Điện-Electricity- TESS điện – điện từ EEP1	Bộ	1	-1	0	Giảm 01 (toàn bộ)	
177.6	Bộ dụng cụ chế tạo nam châm	Bộ	1	3	4	Tăng thêm 03	
177.7	Bộ dụng cụ đo chiều dài, thời gian, khối lượng, nhiệt độ	Bộ	1	3	4	Tăng thêm 03	
177.8	Bộ dụng cụ đo khối lượng riêng	Bộ	1	3	4	Tăng thêm 03	
177.9	Bộ dụng cụ đo năng lượng nhiệt	Bộ	1	3	4	Tăng thêm 03	
177.10	Bộ dụng cụ minh họa lực không tiếp xúc	Bộ	1	3	4	Tăng thêm 03	
177.11	Bộ dụng cụ thí nghiệm áp lực	Bộ	1	3	4	Tăng thêm 03	
177.12	Bộ dụng cụ thí nghiệm áp suất chất lỏng	Bộ	1	3	4	Tăng thêm 03	
177.13	Bộ dụng cụ thí nghiệm áp suất khí quyển	Bộ	1	3	4	Tăng thêm 03	
177.14	Bộ dụng cụ thí nghiệm cảm ứng điện từ	Bộ	1	3	4	Tăng thêm 03	
177.15	Bộ dụng cụ thí nghiệm dẫn điện	Bộ	1	3	4	Tăng thêm 03	
177.16	Bộ dụng cụ thí nghiệm định luật Ohm	Bộ	1	3	4	Tăng thêm 03	
177.17	Bộ dụng cụ thí nghiệm đo tiêu cự thấu kính	Bộ	1	3	4	Tăng thêm 03	
177.18	Bộ dụng cụ thí nghiệm khúc xạ ánh sáng	Bộ	1	3	4	Tăng thêm 03	
177.19	Bộ dụng cụ thí nghiệm khúc xạ, phản xạ toàn phần	Bộ	1	3	4	Tăng thêm 03	
177.20	Bộ dụng cụ thí nghiệm nở vì nhiệt	Bộ	1	3	4	Tăng thêm 03	
177.21	Bộ dụng cụ thí nghiệm phân tích ánh sáng trắng bằng lăng kính.	Bộ	1	3	4	Tăng thêm 03	
177.22	Bộ dụng cụ thí nghiệm tác dụng của dòng điện	Bộ	1	3	4	Tăng thêm 03	
177.23	Bộ dụng cụ thí nghiệm tác dụng của điện trở	Bộ	1	3	4	Tăng thêm 03	

TT	Danh mục máy móc, thiết bị	Đơn vị tính	Số lượng TCĐM(*) đã ban hành theo QĐ 951	Số lượng TCĐM(*) điều chỉnh tăng, giảm, bổ sung	Số lượng TCĐM(*) sau khi cập nhật điều chỉnh, bổ sung	Nội dung điều chỉnh, bổ sung so với TCĐM(*) đã ban hành theo QĐ 951	Ghi chú
(a)	(b)	(c)	(d)	(đ)	(e)=(d)+(đ)	(h)	(i)
177.24	Bộ dụng cụ thí nghiệm tác dụng làm quay của lực	Bộ	1	3	4	Tăng thêm 03	
177.25	Bộ dụng cụ thí nghiệm tạo âm thanh	Bộ	1	3	4	Tăng thêm 03	
177.26	Bộ dụng cụ thí nghiệm thu năng lượng ánh sáng	Bộ	1	3	4	Tăng thêm 03	
177.27	Bộ dụng cụ thí nghiệm về ánh sáng	Bộ	1	3	4	Tăng thêm 03	
177.28	Bộ dụng cụ thí nghiệm về nam châm vĩnh cửu	Bộ	1	3	4	Tăng thêm 03	
177.29	Bộ dụng cụ thí nghiệm về sóng âm	Bộ	1	3	4	Tăng thêm 03	
177.33	Bộ thí nghiệm chung minh: 1) Thí nghiệm các định luật Bôilo Mariot đối với chất khí; 2) Khảo sát hiện tượng	Bộ	2	-2	0	Giảm 02 (toàn bộ)	
177.36	Bộ thí nghiệm Cobra 4 không dây, Sensor Cobra 4 đo: độ ẩm, áp suất khí quyển....	Bộ	1	-1	0	Giảm 01 (toàn bộ)	
177.39	Bộ thí nghiệm điện tích - điện trường: Sự nhiễm điện do tiếp xúc, hưởng ứng. Hình dạng đường sức điện trường. Sự phân bố điện tích ở vật dẫn tích điện. Sự đẳng thế trên vật dẫn tích điện. Điện trường trong vật dẫn tích điện.	Bộ	2	-2	0	Giảm 02 (toàn bộ)	
177.40	Bộ thí nghiệm điện từ ETS đầy đủ	Bộ	1	-1	0	Giảm 01 (toàn bộ)	
177.41	Bộ thí nghiệm đo chiết suất của nước	Bộ	1	1	2	Tăng thêm 01	
177.42	Bộ thí nghiệm đo gia tốc rơi tự do	Bộ	3	-3	0	Giảm 03 (toàn bộ)	
177.46	Bộ thí nghiệm đo vận tốc truyền âm trong không khí: Khảo sát hiện tượng sóng dừng trong ống khí; Xác định vận tốc truyền âm trong	Bộ	2	-2	0	Giảm 02 (toàn bộ)	
177.47	Bộ thí nghiệm ghi đồ thị dao động của con lắc đơn	Bộ	1	-1	0	Giảm 01 (toàn bộ)	
177.48	Bộ thí nghiệm lực từ và cảm ứng điện từ. Phương và chiều của lực từ. Quy tắc bàn tay trái; Độ lớn của lực từ. Khái niệm cảm ứng từ; Hiện tượng cảm ứng điện từ; Định luật Len-xơ; Dòng điện Fu-cô	Bộ	3	-3	0	Giảm 03 (toàn bộ)	
177.51	Bộ thí nghiệm TESS cơ học ME1: Muối, 500g; Petro Ete, 500ml, 50...75 độ C	Bộ	1	-1	0	Giảm 01 (toàn bộ)	
177.52	Bộ thí nghiệm TESS cơ học ME2: Quả cầu để cân khối lượng khí, Bơm xe đạp, Cân đòn, 101g, Glycerol, 250g	Bộ	1	-1	0	Giảm 01 (toàn bộ)	
177.53	Bộ thí nghiệm TESS cơ học ME3: Xe, chạy điện Pin, 1,5V, size nhỏ, loại C, Nguồn cung cấp 0...12V DC/6V; Khối nặng, 10g, 50g; Dây điện, 32A, 500mm	Bộ	1	-1	0	Giảm 01 (toàn bộ)	

TT	Danh mục máy móc, thiết bị	Đơn vị tính	Số lượng TCDM(*) đã ban hành theo QĐ 951	Số lượng TCDM(*) điều chỉnh tăng, giảm, bổ sung	Số lượng TCDM(*) sau khi cập nhật điều chỉnh, bổ sung	Nội dung điều chỉnh, bổ sung so với TCDM(*) đã ban hành theo QĐ 951	Ghi chú
(a)	(b)	(c)	(d)	(d)	(e)=(d)+(d)	(h)	(i)
177.54	Bộ thí nghiệm TESS cơ học ME4	Bộ	1	-1	0	Giảm 01 (toàn bộ)	
177.55	Bộ thí nghiệm TESS điện = điện từ EEP2: Quả cân có lỗ; Động cơ, 12VDC; Dây câu, 1.20m; Đèn Neon 110VAC, E10; Thìa, vật liệu đặc biệt; Giấy ráp, cỡ hạt trung bình, 5 tờ; Tinh thể Copper - II sulphate, 250g; Dung dịch Sulphuric acid, 10%, tech.gr, 1000ml; Dung dịch Sodium hydroxide, 10%, 1000ml; Cồn đốt, 1000ml; Nước cất, 5l; sodium sulphate, 10%, 250g	Bộ	1	-1	0	Giảm 01 (toàn bộ)	
177.56	Bộ thí nghiệm TESS nhiệt học WE1: Bộ nguồn 0-12V DC/6V, 12V AC; Đèn khí gas, dùng với bình gas du lịch, Bình gas du lịch, 4 pcs, Glycerol, 250ml. Patent Blue V, 25g; Sodium loride 250g; Sodium thiosulphate pentahydrate, 500g; Hạt sỏi, 200g	Bộ	1	-1	0	Giảm 01 (toàn bộ)	
177.57	Bộ thí nghiệm TESS nhiệt học WE2: Đồng hồ vạn năng chỉ kim, Dây constantan, 0.98 Ohm/m, d = 0.4mm, l = 50m; Dây sắt, d = 0.5mm, l = 50m	Bộ	1	-1	0	Giảm 01 (toàn bộ)	
177.58	Bộ thí nghiệm TESS quang học OE1: Bộ nguồn 0-12V DC/6V, 12V AC, Glycerol, 250ml	Bộ	1	-1	0	Giảm 01 (toàn bộ)	
177.59	Bộ thí nghiệm TESS quang học trộn màu	Bộ	1	-1	0	Giảm 01 (toàn bộ)	
177.60	Bộ thí nghiệm TESS từ học MAG đầy đủ	Bộ	1	-1	0	Giảm 01 (toàn bộ)	
177.62	Bộ thí nghiệm về cảm ứng từ B	Bộ	3	-3	0	Giảm 03 (toàn bộ)	
177.64	Bộ thí nghiệm về dao động cơ học	Bộ	4	-4	0	Giảm 04 (toàn bộ)	
177.69	Bộ thí nghiệm về dòng điện xoay chiều	Bộ	1	3	4	Tăng thêm 03	
177.72	Bộ thí nghiệm về đo vận tốc âm	Bộ	2	-2	0	Giảm 02 (toàn bộ)	
177.75	Bộ thí nghiệm về mạch điện xoay chiều	Bộ	5	-5	0	Giảm 05 (toàn bộ)	
177.76	Bộ thí nghiệm về mạch điện xoay chiều: Xác định dung kháng và cảm kháng trong mạch xoay chiều; Khảo sát hiện tượng cộng hưởng	Bộ	4	-4	0	Giảm 04 (toàn bộ)	
177.80	Bộ thí nghiệm về quy tắc hợp lực song song và đồng qui	Bộ	4	-4	0	Giảm 04 (toàn bộ)	
177.81	Bộ thí nghiệm về sóng dừng	Bộ	2	-2	0	Giảm 02 (toàn bộ)	

TT	Danh mục máy móc, thiết bị	Đơn vị tính	Số lượng TCĐM(*) đã ban hành theo QĐ 951	Số lượng TCĐM(*) điều chỉnh tăng, giảm, bổ sung	Số lượng TCĐM(*) sau khi cập nhật điều chỉnh, bổ sung	Nội dung điều chỉnh, bổ sung so với TCĐM(*) đã ban hành theo QĐ 951	Ghi chú
(a)	(b)	(c)	(d)	(đ)	(e)=(d)+(đ)	(h)	(i)
177.83	Bộ thí nghiệm TESS quang học OE3: Điện trở quang học, LDR3, Dây điện, 500mm, red and Blue; Đồng hồ vạn năng chỉ kim; Gương Fresnel; Lăng kính Fresnel; Kính cho vòng Newton; Bảng đen 200x300mm, black, 10pcs; Tinh thể Calcite, Mẫu vật phân cực, mica	Bộ	1	-1	0	Giảm 01 (toàn bộ)	
177.84	Bộ thiết bị chứng minh lực cản của nước	Bộ	1	3	4	Tăng thêm 03	
177.86	Bộ thiết bị thí nghiệm độ giãn lò xo	Bộ	1	3	4	Tăng thêm 03	
177.92	Con lắc lò xo, con lắc đơn.	Bộ	2	-2	0	Giảm 02 (toàn bộ)	
177.94	Chuyển động cơ học và va chạm (Khảo sát chuyển động thẳng đều và biến đổi đều của viên bi trên máng ngang và máng nghiêng. Nghiệm định luật bảo toàn động lượng, định luật bảo toàn cơ năng).	Bộ	3	-3	0	Giảm 03 (toàn bộ)	
177.97	Dụng cụ thực hành kính lúp	Bộ	1	3	4	Tăng thêm 03	
177.105	Khảo sát chuyển động rơi tự do, xác định gia tốc rơi tự do; Chuyển động của vật trên mặt phẳng nghiêng. Xác định hệ số ma sát theo phương pháp động lực học.	Bộ	2	-2	0	Giảm 02 (toàn bộ)	
177.112	Quang hình học TESS OPTIC OE2	Bộ	1	-1	0	Giảm 01 (toàn bộ)	
177.115	Thiết bị cảm ứng điện từ	Bộ	2	2	4	Tăng thêm 02	
177.116	Thiết bị chứng minh định luật Boyle	Bộ	2	2	4	Tăng thêm 02	
177.117	Thiết bị chứng minh định luật Charles	Bộ	2	2	4	Tăng thêm 02	
177.118	Thiết bị chứng minh định luật Hooke	Bộ	2	2	4	Tăng thêm 02	
177.119	Thiết bị đo cảm ứng từ	Bộ	2	2	4	Tăng thêm 02	
177.120	Thiết bị đo độ dịch chuyển, tốc độ, vận tốc, khảo sát chuyển động biến đổi đều	Bộ	2	2	4	Tăng thêm 02	
177.121	Thiết bị đo gia tốc xây dựng định luật 2 Newton	Bộ	2	2	4	Tăng thêm 02	
177.122	Thiết bị đo nhiệt dung riêng, nhiệt nóng chảy riêng, nhiệt hóa hơi riêng	Bộ	2	2	4	Tăng thêm 02	
177.123	Thiết bị đo tần số sóng âm	Bộ	2	2	4	Tăng thêm 02	
177.124	Thiết bị đo tốc độ	Bộ	1	3	4	Tăng thêm 02	
177.125	Thiết bị đo tốc độ truyền âm	Bộ	2	2	4	Tăng thêm 02	
177.126	Thiết bị đo vận tốc và gia tốc của vật rơi tự do	Bộ	2	2	4	Tăng thêm 02	

TT	Danh mục máy móc, thiết bị	Đơn vị tính	Số lượng TCĐM(*) đã ban hành theo QĐ 951	Số lượng TCĐM(*) điều chỉnh tăng, giảm, bổ sung	Số lượng TCĐM(*) sau khi cập nhật điều chỉnh, bổ sung	Nội dung điều chỉnh, bổ sung so với TCĐM(*) đã ban hành theo QĐ 951	Ghi chú
(a)	(b)	(c)	(d)	(đ)	(e)=(d)+(đ)	(h)	(i)
177.127	Thiết bị giao thoa sóng nước	Bộ	2	2	4	Tăng thêm 02	
177.128	Thiết bị khảo sát dòng điện qua diode	Bộ	2	2	4	Tăng thêm 02	
177.129	Thiết bị khảo sát dòng quang điện	Bộ	2	2	4	Tăng thêm 02	
177.130	Thiết bị khảo sát đoạn mạch điện xoay chiều	Bộ	2	2	4	Tăng thêm 02	
177.131	Thiết bị khảo sát động lượng	Bộ	2	2	4	Tăng thêm 02	
177.132	Thiết bị khảo sát năng lượng trong va chạm	Bộ	2	2	4	Tăng thêm 02	
177.133	Thiết bị khảo sát nội năng	Bộ	2	2	4	Tăng thêm 02	
177.134	Thiết bị khảo sát nguồn điện đo suất điện động và điện trở trong của pin hoặc acquy	Bộ	2	2	4	Tăng thêm 02	
177.135	Thiết bị khảo sát truyền nhiệt lượng	Bộ	2	2	4	Tăng thêm 02	
177.136	Thiết bị tạo sóng dừng	Bộ	2	2	4	Tăng thêm 02	
177.137	Thiết bị tạo từ phổ	Bộ	2	2	4	Tăng thêm 02	
177.138	Thiết bị tổng hợp hai lực đồng quy và song song	Bộ	2	2	4	Tăng thêm 02	
177.139	Thiết bị thí nghiệm điện tích (Bộ thí nghiệm tĩnh điện)	Bộ	2	2	4	Tăng thêm 02	
177.140	Thiết bị xác định hướng của lực từ	Bộ	2	2	4	Tăng thêm 02	
B177.143	Thiết bị tạo sóng nước	Bộ		4	4	Bổ sung mới	
B177.144	Bộ thiết bị đo kỹ thuật số tích hợp	Bộ		2	2	Bổ sung mới	
B177.145	Bộ cảm biến kết nối điện thoại di động	Bộ		2	2	Bổ sung mới	
B177.146	Máy vi tính để bàn	Cái		2	2	Bổ sung mới	
B177.147	Notebook Dell Ci5, 14"HD	Cái		2	2	Bổ sung mới	
B177.148	Tivi từ 65 inch trở lên	Cái		1	1	Bổ sung mới	
B177.149	Máy in 2 mặt	Cái		2	2	Bổ sung mới	
B177.150	Máy điều hòa nhiệt độ	Cái		3	3	Bổ sung mới	
B177.151	Máy quay phim	Cái		2	2	Bổ sung mới	
178	PTN Hóa sinh - Hữu cơ			x			
178.6	Bơm hút chân không	Cái	3	2	5	Tăng thêm 02	
178.7	Cân điện tử 02 số lẻ	Cái	2	1	3	Tăng thêm 01	
178.12	Máy khuấy từ gia nhiệt	Cái	6	2	8	Tăng thêm 02	
178.17	Tủ lạnh	Cái	1	1	2	Tăng thêm 01	
B178.19	Cân phân tích 4 số lẻ	Cái		1	1	Bổ sung mới	
B178.20	Bể rửa siêu âm 10L	Cái		1	1	Bổ sung mới	
179	PTN/PTH Hóa vô cơ - Phân tích			x			
179.3	Bồn rửa siêu âm	Cái	1	1	2	Tăng thêm 01	
179.8	Máy bơm chân không + Bộ lọc	Cái	1	2	3	Tăng thêm 02	
179.15	Máy ly tâm	Cái	1	1	2	Tăng thêm 01	
B179.22	Vỏ Bộ thủy sinh tạo CO2	Cái		1	1	Bổ sung mới	
B179.23	Máy khuấy từ gia nhiệt	Cái		6	6	Bổ sung mới	
B179.24	Micropipet đơn kênh, 10-100μL	Cái		2	2	Bổ sung mới	

TT	Danh mục máy móc, thiết bị	Đơn vị tính	Số lượng TCĐM(*) đã ban hành theo QĐ 951	Số lượng TCĐM(*) điều chỉnh tăng, giảm, bổ sung	Số lượng TCĐM(*) sau khi cập nhật điều chỉnh, bổ sung	Nội dung điều chỉnh, bổ sung so với TCĐM(*) đã ban hành theo QĐ 951	Ghi chú
(a)	(b)	(c)	(d)	(đ)	(e)=(d)+(đ)	(h)	(i)
B179.25	Micropipet đơn kênh, 100-1000 μ L	Cái		2	2	Bổ sung mới	
180	PTH Hóa cơ sở - Hóa lý			x			
180.3	Bể điều nhiệt trong suốt	Cái	1	1	2	Tăng thêm 01	
180.4	Bộ xác định điểm đông đặc	Bộ	1	-1	0	Giảm 01 (toàn bộ)	
180.7	Cân kỹ thuật 4 số lẻ	Cái	1	1	2	Tăng thêm 01	
180.13	Máy đo độ dẫn	Cái	1	2	3	Tăng thêm 02	
180.14	Máy pH để bàn	Cái	1	1	2	Tăng thêm 01	
180.16	Máy hút chân không	Cái	1	1	2	Tăng thêm 01	
180.17	Máy khuấy từ	Cái	6	2	8	Tăng thêm 02	
180.21	Máy quang phổ UV VIS	Cái	1	1	2	Tăng thêm 01	
180.25	Tủ sấy	Cái	1	1	2	Tăng thêm 01	
B180.29	Tủ sấy Memmert U4N55 hoặc tương đương	Cái		1	1	Bổ sung mới	
B180.30	Máy khuấy từ nhiều vị trí JEIOTECH MS-32M	Cái		1	1	Bổ sung mới	
B180.31	Máy quang phổ UV VIS Hanna HI801-02	Cái		1	1	Bổ sung mới	
B180.32	Máy đo oxy hòa tan Edge đa chỉ tiêu-HI2040-02 Hanna	Cái		1	1	Bổ sung mới	
B180.33	Máy li tâm Hettich EBA200	Cái		1	1	Bổ sung mới	
B180.34	Máy khuấy đĩa JB70	Cái		1	1	Bổ sung mới	
B180.35	Tủ cấy vi sinh China SW-CJ-2F	Cái		1	1	Bổ sung mới	
B180.36	Tivi từ 65 Inch trở lên	Cái		1	1	Bổ sung mới	
181	PTH Phương pháp giảng dạy Hóa học			x			
181.6	Bộ làm lạnh hoàn lưu dung cho máy cô quay	Bộ	2	2	4	Tăng thêm 02	
181.22	Máy khuấy từ gia nhiệt	Cái	1	1	2	Tăng thêm 01	
B181.34	Bơm hút chân không (loại không	Cái		1	1	Bổ sung mới	
B181.35	Bộ cô quay chân không RE-100S Phoenix instrument	Cái		1	1	Bổ sung mới	
B181.36	Máy sấy đông lạnh chân không	Cái		1	1	Bổ sung mới	
B181.37	Micro pipipet 100 ul	Cái		4	4	Bổ sung mới	
B181.38	Micro pipipet 1000 ul	Cái		4	4	Bổ sung mới	
B181.39	Bể rửa sóng siêu âm 10 lít	Cái		1	1	Bổ sung mới	
182	PTN Động vật			x			
182.6	Kính hiển vi một thị kính	Cái	25	10	35	Tăng thêm 10	
182.17	Tủ bảo quản kính hiển vi	Cái	1	1	2	Tăng thêm 01	
183	PTH Sinh lý Động vật			x			
183.4	Kính hiển vi Olympus	Cái	25	10	35	Tăng thêm 10	
183.9	Máy động ký + Phụ tùng	Cái	1	5	6	Tăng thêm 05	
184	PTN Thực vật			x			
184.1	Bộ kính hiển vi có gắn camera kỹ thuật số	Cái	1	1	2	Tăng thêm 01	
184.3	Camera KTS	Cái	1	1	2	Tăng thêm 01	
184.5	Kính hiển vi	Cái	30	10	40	Tăng thêm 10	
184.21	Tủ lạnh	Cái	2	1	3	Tăng thêm 01	
184.22	Tủ sấy	Cái	1	1	2	Tăng thêm 01	
B184.23	Kính hiển vi Cole Pamer	Cái		1	1	Bổ sung mới	
B184.24	Kính lúp Motic	Cái		2	2	Bổ sung mới	
185	PTH Phương pháp giảng dạy Sinh học			x			
185.7	Bộ Kính hiển vi có gắn camera kỹ thuật số	Cái	1	1	2	Tăng thêm 01	

TT	Danh mục máy móc, thiết bị	Đơn vị tính	Số lượng TCĐM(*) đã ban hành theo QĐ 951	Số lượng TCĐM(*) điều chỉnh tăng, giảm, bổ sung	Số lượng TCĐM(*) sau khi cập nhật điều chỉnh, bổ sung	Nội dung điều chỉnh, bổ sung so với TCĐM(*) đã ban hành theo QĐ 951	Ghi chú
(a)	(b)	(c)	(d)	(d)	(e)=(d)+(d)	(h)	(i)
185.8	Camera kỹ thuật số	Cái	1	1	2	Tăng thêm 01	
185.35	Kính hiển vi quang học 2 thị kính	Cái	14	11	25	Tăng thêm 11	
185.37	Kính hiển vi soi nổi (Kính lúp)	Cái	6	19	25	Tăng thêm 19	
185.47	Máy lạnh (điều hòa nhiệt độ)	Cái	1	1	2	Tăng thêm 01	
X	Viện Công nghệ sinh học và Thực phẩm			x			
191	PTN Sinh học phân tử và Sinh học phân tử tiên tiến			x			
191.30	Nồi hấp tiệt trùng	Cái	1	1	2	Tăng thêm 01	
191.34	Tủ đông (-20°C)	Cái	1	3	4	Tăng thêm 03	
191.36	Tủ sấy	Cái	2	1	3	Tăng thêm 01	
192	PTN Sinh hóa ứng dụng			x			
192.1	Bể gia nhiệt	Cái	2	3	5	Tăng thêm 03	
192.4	Bộ cột sắc ký tinh sạch protein	Bộ	1	3	4	Tăng thêm 03	
192.6	Cân điện tử	Cái	2	2	4	Tăng thêm 02	
192.7	Cân phân tích	Cái	1	2	3	Tăng thêm 02	
192.15	Hệ thống điện di Protein, RNA, DNA tự động	Bộ	1	1	2	Tăng thêm 01	
192.35	Máy đo pH	Cái	1	2	3	Tăng thêm 02	
192.38	Máy khuấy từ gia nhiệt	Cái	2	1	3	Tăng thêm 01	
192.39	Máy lắc	Cái	1	1	2	Tăng thêm 01	
192.41	Máy ly tâm lạnh	Cái	2	1	3	Tăng thêm 01	
192.45	Máy quang phổ UV/VIS	Cái	2	1	3	Tăng thêm 01	
192.50	Máy trộn	Cái	2	3	5	Tăng thêm 03	
192.51	Micropipette	Bộ	5	5	10	Tăng thêm 05	
192.57	Tủ cấy	Cái	1	1	2	Tăng thêm 01	
192.61	Tủ sấy	Cái	1	2	3	Tăng thêm 02	
B192.64	Cân điện tử 2000 g	Cái		1	1	Bổ sung mới	
B192.65	Máy khối phổ Plasma cảm ứng ICP-MS	Cái		1	1	Bổ sung mới	
B192.66	Máy HPLC/MS	Cái		1	1	Bổ sung mới	
B192.67	PCR	Cái		1	1	Bổ sung mới	
B192.68	Điện di ngang	Cái		2	2	Bổ sung mới	
B192.69	Điện di đứng	Cái		2	2	Bổ sung mới	
B192.70	Tủ hút khí độc	Cái		3	3	Bổ sung mới	
B192.71	Bộ điện di đứng và phụ kiện mini protein	Bộ		2	2	Bổ sung mới	
B192.72	Máy lắc ủ ổn nhiệt	Cái		1	1	Bổ sung mới	
B192.73	Máy thu mẫu phân đoạn sắc ký	Cái		6	6	Bổ sung mới	
B192.74	Máy ủ lắc ổn nhiệt eppendorf	Cái		6	6	Bổ sung mới	
B192.75	Cột sắc ký 0,2 x 20 cm	Cái		6	6	Bổ sung mới	
B192.76	Khay để ống nghiệm sắc ký	Cái		20	20	Bổ sung mới	
B192.77	Burrte chuẩn độ và giá để	Bộ		12	12	Bổ sung mới	
B192.78	Máy ly tâm lạnh loại dung tích lớn ROTANTA	Cái		2	2	Bổ sung mới	
193	PTN Công nghệ gen thực vật			x			
193.1	Buồng cấy vô trùng cấp 2	Cái	3	1	4	Tăng thêm 01	
193.6	Máy đo pH	Cái	2	1	3	Tăng thêm 01	
193.11	Kính lúp soi nổi có hệ thống camera kỹ thuật số	Cái	1	1	2	Tăng thêm 01	
194	PTN Tế bào gốc			x			
194.9	Bộ pipet nhiều thể tích	Bộ	1	1	2	Tăng thêm 01	
194.16	Kính hiển vi	Cái	4	1	5	Tăng thêm 01	
195	PTN An toàn sinh học cấp 3			x			
195.4	Camera	Cái	2	4	6	Tăng thêm 04	

TT	Danh mục máy móc, thiết bị	Đơn vị tính	Số lượng TCĐM(*) đã ban hành theo QĐ 951	Số lượng TCĐM(*) điều chỉnh tăng, giảm, bổ sung	Số lượng TCĐM(*) sau khi cập nhật điều chỉnh, bổ sung	Nội dung điều chỉnh, bổ sung so với TCĐM(*) đã ban hành theo QĐ 951	Ghi chú
(a)	(b)	(c)	(d)	(đ)	(e)=(d)+(đ)	(h)	(i)
195.5	Kính hiển vi	Cái	1	2	3	Tăng thêm 02	
195.6	Kính hiển vi đảo ngược	Cái	1	2	3	Tăng thêm 02	
195.7	Laptop	Cái	1	1	2	Tăng thêm 01	
195.17	Tủ lạnh	Cái	1	1	2	Tăng thêm 01	
B195.19	Máy sấy nhiệt khô (heater)	Cái		1	1	Bổ sung mới	
B195.20	Thiết bị tiệt trùng que cấy (electric loop sterilization)	Cái		1	1	Bổ sung mới	
B195.21	Máy giặt	Cái		2	2	Bổ sung mới	
B195.22	Nồi hấp tiệt trùng 2 cửa	Cái		1	1	Bổ sung mới	
B195.23	Hộp trung chuyển	Cái		1	1	Bổ sung mới	
B195.24	Màn hình Tivi	Cái		5	5	Bổ sung mới	
B195.25	Máy tính bàn	Bộ		3	3	Bổ sung mới	
B195.26	Máy in đa chức năng	Cái		3	3	Bổ sung mới	
B195.27	Máy fax	Cái		1	1	Bổ sung mới	
B195.28	Máy lạnh	Bộ		4	4	Bổ sung mới	
B195.29	Bộ kit xử lý sự cố	Bộ		2	2	Bổ sung mới	
B195.30	Thiết bị sơ cấp cứu	Bộ		2	2	Bổ sung mới	
B195.31	Thiết bị tắm, rửa mắt khẩn cấp	Bộ		1	1	Bổ sung mới	
B195.32	Hệ thống thiết bị thông tin liên lạc nội Bộ	Hệ thống		1	1	Bổ sung mới	
B195.33	Hệ thống thiết bị cấp, lọc không khí	Hệ thống		1	1	Bổ sung mới	
B195.34	Hệ thống camera giám sát	Hệ thống		1	1	Bổ sung mới	
B195.35	Hệ thống thiết bị thu gom xử lý chất thải, nước thải	Hệ thống		1	1	Bổ sung mới	
B195.36	Hệ thống thiết bị giám sát, điều khiển các thông số kỹ thuật Phòng BSL3	Hệ thống		1	1	Bổ sung mới	
196	PTN Công nghệ lên men			x			
196.1	Bếp đun	Cái	1	2	3	Tăng thêm 02	
196.4	Buồng cấy vô trùng cấp 2	Cái	6	-1	5	Giảm 01	
196.5	Cân	Cái	2	1	3	Tăng thêm 01	
196.6	Cân kỹ thuật	Cái	1	1	2	Tăng thêm 01	
196.7	Cân kỹ thuật điện tử	Cái	1	1	2	Tăng thêm 01	
196.12	Lò vi sóng	Cái	1	1	2	Tăng thêm 01	
196.14	Máy đếm khuẩn lạc	Cái	1	1	2	Tăng thêm 01	
196.18	Máy khuấy từ	Cái	1	2	3	Tăng thêm 02	
196.21	Máy lắc GFL	Cái	1	1	2	Tăng thêm 01	
196.22	Máy ly tâm	Cái	1	1	2	Tăng thêm 01	
196.24	Máy ly tâm lớn	Cái	1	1	2	Tăng thêm 01	
196.27	Máy quang phổ	Cái	1	1	2	Tăng thêm 01	
196.29	Máy ủ lắc	Cái	1	1	2	Tăng thêm 01	
196.32	Nồi khử trùng nhiệt loại để bàn	Cái	1	2	3	Tăng thêm 02	
196.35	Tủ ủ 2 khay	Cái	1	1	2	Tăng thêm 01	
196.39	Tủ lạnh	Cái	1	1	2	Tăng thêm 01	
196.40	Tủ mát nhiều ngăn	Cái	1	1	2	Tăng thêm 01	
196.41	Tủ sấy có quạt	Cái	1	2	3	Tăng thêm 02	
196.45	Tủ ủ CO2	Cái	1	1	2	Tăng thêm 01	
197	PTN Vi sinh công nghiệp			x			
197.1	Lò vi sóng microwave	Cái	1	1	2	Tăng thêm 01	
197.2	Máy chưng cất rượu lớn	Cái	1	1	2	Tăng thêm 01	
197.5	Máy lắc lớn	Cái	1	1	2	Tăng thêm 01	
197.6	Máy lắc nhỏ	Cái	1	1	2	Tăng thêm 01	
197.13	Tủ cấy Vi sinh	Cái	2	1	3	Tăng thêm 01	

TT	Danh mục máy móc, thiết bị	Đơn vị tính	Số lượng TCĐM(*) đã ban hành theo QĐ 951	Số lượng TCĐM(*) điều chỉnh tăng, giảm, bổ sung	Số lượng TCĐM(*) sau khi cập nhật điều chỉnh, bổ sung	Nội dung điều chỉnh, bổ sung so với TCĐM(*) đã ban hành theo QĐ 951	Ghi chú
(a)	(b)	(c)	(d)	(đ)	(e)=(d)+(đ)	(h)	(i)
197.16	Tủ lạnh âm	Cái	1	1	2	Tăng thêm 01	
197.17	Tủ sấy	Cái	2	1	3	Tăng thêm 01	
B197.19	Kính hiển vi	Cái		2	2	Bổ sung mới	
B197.20	Máy ly tâm lạnh	Cái		2	2	Bổ sung mới	
B197.21	Quang phổ kế UV Vis	Cái		2	2	Bổ sung mới	
B197.22	Máy pH	Cái		2	2	Bổ sung mới	
B197.23	Cân kỹ thuật	Cái		1	1	Bổ sung mới	
B197.24	Cân kỹ thuật điện tử	Cái		1	1	Bổ sung mới	
198	PTN Vi sinh nông nghiệp			x			
198.1	Cân điện tử	Cái	1	2	3	Tăng thêm 02	
198.2	Kính hiển vi	Cái	1	2	3	Tăng thêm 02	
198.3	Lò vi sóng	Cái	1	1	2	Tăng thêm 01	
198.4	Máy đo pH	Cái	1	1	2	Tăng thêm 01	
198.5	Máy lắc ngang	Cái	1	1	2	Tăng thêm 01	
198.6	Máy vortex	Cái	1	1	2	Tăng thêm 01	
198.7	Nồi khử trùng	Cái	1	1	2	Tăng thêm 01	
198.10	Tủ lạnh	Cái	1	1	2	Tăng thêm 01	
198.11	Tủ mát	Cái	1	3	4	Tăng thêm 03	
198.12	Tủ ủ	Cái	1	1	2	Tăng thêm 01	
B198.13	Máy đo EC HANNA	Cái		1	1	Bổ sung mới	
B198.14	Tủ sấy đứng	Cái		2	2	Bổ sung mới	
199	PTN Vi sinh môi trường			x			
199.3	Cân điện tử	Cái	2	1	3	Tăng thêm 01	
199.8	Máy đo pH để bàn	Cái	2	1	3	Tăng thêm 01	
199.10	Máy khuấy trộn ống nghiệm	Cái	1	1	2	Tăng thêm 01	
199.11	Máy lắc ôn nhiệt có làm lạnh	Cái	1	1	2	Tăng thêm 01	
199.15	Máy ly tâm mini Spin	Cái	1	1	2	Tăng thêm 01	
199.23	Tủ cấy vô trùng cấp 1	Cái	1	1	2	Tăng thêm 01	
199.25	Tủ đông	Cái	1	1	2	Tăng thêm 01	
199.27	Tủ mát	Cái	1	1	2	Tăng thêm 01	
B199.30	Bộ micropipet	Bộ		2	2	Bổ sung mới	
200	PTN Virus học tiên tiến			x			
200.2	Bể điều nhiệt	Cái	2	2	4	Tăng thêm 02	
200.5	Bộ Micro Pipette	Bộ	2	4	6	Tăng thêm 04	
200.7	Máy đọc Gel	Cái	1	1	2	Tăng thêm 01	
200.8	Máy in	Cái	1	1	2	Tăng thêm 01	
200.9	Máy lắc	Cái	1	1	2	Tăng thêm 01	
200.12	Micro Piette	Cái	1	3	4	Tăng thêm 03	
201	PTN Thực phẩm và dinh dưỡng			x			
201.1	Bể điều nhiệt	Cái	2	1	3	Tăng thêm 01	
201.31	Tủ đông	Cái	1	1	2	Tăng thêm 01	
201.33	Tủ hút	Cái	1	1	2	Tăng thêm 01	
201.34	Tủ lạnh	Cái	2	1	3	Tăng thêm 01	
201.35	Tủ sấy	Cái	1	1	2	Tăng thêm 01	
B201.40	Micropipet 10-100 µl	Cây		5	5	Bổ sung mới	
B201.41	Micropipet 100-1000 µl	Cây		5	5	Bổ sung mới	
B201.42	Micropipet 5 ml	Cây		5	5	Bổ sung mới	
B201.43	Máy ly tâm lạnh loại 15 mL và 50 mL	Cái		1	1	Bổ sung mới	
B201.44	Ultra turax (đồng hóa mẫu)	Cái		1	1	Bổ sung mới	
B201.45	Lò nung CARBOLITE, ELF11/6B	Cái		1	1	Bổ sung mới	
B201.46	Tủ sấy chân không, THERMOLINE, ACN000859129, N1188	Cái		2	2	Bổ sung mới	
B201.47	Máy khuấy từ gia nhiệt, VELP	Cái		2	2	Bổ sung mới	

TT	Danh mục máy móc, thiết bị	Đơn vị tính	Số lượng TCĐM(*) đã ban hành theo QĐ 951	Số lượng TCĐM(*) điều chỉnh tăng, giảm, bổ sung	Số lượng TCĐM(*) sau khi cập nhật điều chỉnh, bổ sung	Nội dung điều chỉnh, bổ sung so với TCĐM(*) đã ban hành theo QĐ 951	Ghi chú
(a)	(b)	(c)	(d)	(đ)	(e)=(d)+(đ)	(h)	(i)
B201.48	Hệ thống HPLC (sắc ký lỏng cao áp)	Cái		1	1	Bổ sung mới	
B201.49	Vortex (máy trộn mẫu)	Cái		3	3	Bổ sung mới	
203	PTN Vi sinh Thực phẩm tiên tiến			x			
B203.21	Máy lạnh (điều hòa nhiệt độ)	Cái		1	1	Bổ sung mới	
204	PTN Công nghệ thực phẩm và Công nghệ thực phẩm tiên tiến			x			
B204.26	Máy lạnh (điều hòa nhiệt độ)	Bộ		1	1	Bổ sung mới	
B204.27	Máy đo hoạt độ nước Aw	Cái		2	2	Bổ sung mới	
B204.28	Pipetman 2-20 µL	Cái		2	2	Bổ sung mới	
B204.29	Pipetman 20-200 µL	Cái		2	2	Bổ sung mới	
B204.30	Pipetman 100-1000 µL	Cái		2	2	Bổ sung mới	
B204.31	Burette 25 mL	Cái		5	5	Bổ sung mới	
B204.32	Burette 25 mL	Cái		5	5	Bổ sung mới	
B204.33	Microburette 2 mL	Cái		5	5	Bổ sung mới	
B204.34	Microburette 5 mL	Cái		5	5	Bổ sung mới	
B204.35	Máy ly tâm 15.000 vòng/phút	Cái		2	2	Bổ sung mới	
B204.36	Máy nghiền ướt	Cái		1	1	Bổ sung mới	
B204.37	Máy nghiền Bột khô	Cái		2	2	Bổ sung mới	
B204.38	Máy cắt lát thực phẩm	Cái		2	2	Bổ sung mới	
B204.39	Máy đo độ nhớt	Cái		1	1	Bổ sung mới	
B204.40	Lò nướng	Cái		3	3	Bổ sung mới	
B204.41	Máy ép tạo viên	Cái		1	1	Bổ sung mới	
B204.42	Máy rang hạt	Cái		1	1	Bổ sung mới	
B204.43	Máy Đo Khí O2-CO-H2S trong không khí	Cái		3	3	Bổ sung mới	
B204.44	Thiết bị tách dung môi Cold Trap Yamato CA301	Cái		1	1	Bổ sung mới	
B204.45	Bộ ghi dữ liệu nhiệt độ đa kênh HUATO S220-T8	Cái		1	1	Bổ sung mới	
XIII	Khoa Ngoại ngữ			x			
217	PTH máy tính			x			
217.9	Ti vi	Cái	1	1	2	Tăng thêm 01	
B217.10	Access point ruckus	Cái		1	1	Bổ sung mới	
B217.11	Máy lạnh (điều hòa nhiệt độ) 2Hp	Cái		5	5	Bổ sung mới	
B217.12	Access point ruckus	Cái		1	1	Bổ sung mới	
B217.13	Máy vi tính để bàn	Bộ		1	1	Bổ sung mới	
218	PTH Phiên dịch			x			
B218.17	Micro hội nghị	Cái		40	40	Bổ sung mới	
B218.18	Tai nghe không dây	Cái		40	40	Bổ sung mới	
B218.19	Bục phát biểu	Cái		1	1	Bổ sung mới	
B218.20	Loa di động	Bộ		1	1	Bổ sung mới	
B218.21	Access point ruckus	Cái		1	1	Bổ sung mới	
XV	Trường Thực hành Sư phạm			x			
222	PTH máy tính			x			
B222.5	Máy chủ	Bộ		1	1	Bổ sung mới	
B222.6	Thiết bị kết nối mạng	Bộ		1	1	Bổ sung mới	
B222.7	Thiết bị kết nối mạng và đường truyền Internet	Bộ		1	1	Bổ sung mới	
B222.8	Máy in Laser	Chiếc		1	1	Bổ sung mới	
B222.9	Máy chiếu (hoặc Màn hình hiển thị từ 65 inch trở lên)	Chiếc		1	1	Bổ sung mới	
B222.10	Máy điều hòa nhiệt độ	Cái		2	2	Bổ sung mới	
B222.11	Thiết bị lưu trữ ngoài	Cái		1	1	Bổ sung mới	
B222.12	Bộ lưu điện	Bộ		1	1	Bổ sung mới	

TT	Danh mục máy móc, thiết bị	Đơn vị tính	Số lượng TCĐM(*) đã ban hành theo QĐ 951	Số lượng TCĐM(*) điều chỉnh tăng, giảm, bổ sung	Số lượng TCĐM(*) sau khi cập nhật điều chỉnh, bổ sung	Nội dung điều chỉnh, bổ sung so với TCĐM(*) đã ban hành theo QĐ 951	Ghi chú
(a)	(b)	(c)	(d)	(đ)	(e)=(d)+(đ)	(h)	(i)
B222.13	Switch/Hub	Chiếc		1	1	Bổ sung mới	
B222.14	Phần mềm vẽ trang trí	Bộ		1	1	Bổ sung mới	
B222.15	Phần mềm quản lý dự án	Bộ		1	1	Bổ sung mới	
B222.16	Phần mềm hỗ trợ và lập trình điều khiển robot giáo dục	Bộ		1	1	Bổ sung mới	
B222.17	Robot giáo dục	Bộ		7	7	Bổ sung mới	
222A	PTH Vật lý	PTN Mới		x			PTN Mới (222A)
22A.1	Biến áp nguồn	Cái		7	7	Bổ sung mới	
22A.2	Bộ thu nhận số liệu	Bộ		2	2	Bổ sung mới	
22A.3	Bộ thiết bị đo kỹ thuật số tích hợp	Bộ		7	7	Bổ sung mới	
22A.4	Bộ thiết bị dạy học điện tử, mô phỏng môn Vật lý	Bộ		1	1	Bổ sung mới	
22A.5	Dây nối	Bộ		7	7	Bổ sung mới	
22A.6	Đồng hồ đo điện đa năng	Cái		7	7	Bổ sung mới	
22A.7	Giá thí nghiệm	Bộ		7	7	Bổ sung mới	
22A.8	Hộp quả treo	Hộp		7	7	Bổ sung mới	
22A.9	Lò xo	Cái		7	7	Bổ sung mới	
22A.10	Máy phát âm tần	Cái		7	7	Bổ sung mới	
22A.11	Máy tính (để bàn hoặc xách tay)	Bộ/chiếc		1	1	Bổ sung mới	
22A.12	Máy chiếu (hoặc Màn hình hiển thị từ 65 inch trở lên)	Bộ		1	1	Bổ sung mới	
22A.13	Thiết bị đo độ dịch chuyển, tốc độ, vận tốc	Bộ		7	7	Bổ sung mới	
22A.14	Thiết bị đo vận tốc và gia tốc của vật rơi tự do	Bộ		7	7	Bổ sung mới	
22A.15	Thiết bị đo gia tốc	Bộ		7	7	Bổ sung mới	
22A.16	Thiết bị tổng hợp hai lực đồng quy và song song	Bộ		7	7	Bổ sung mới	
22A.17	Thiết bị khảo sát động lượng	Bộ		7	7	Bổ sung mới	
22A.18	Thiết bị khảo sát năng lượng trong va chạm	Bộ		7	7	Bổ sung mới	
22A.19	Thiết bị chứng minh định luật	Bộ		7	7	Bổ sung mới	
22A.20	Con lắc lò xo, con lắc đơn.	Bộ		7	7	Bổ sung mới	
22A.21	Thiết bị đo tần số sóng âm	Bộ		7	7	Bổ sung mới	
22A.22	Thiết bị giao thoa sóng nước	Bộ		7	7	Bổ sung mới	
22A.23	Thiết bị tạo sóng dừng	Bộ		7	7	Bổ sung mới	
22A.24	Thiết bị đo tốc độ truyền âm	Bộ		7	7	Bổ sung mới	
22A.25	Thiết bị thí nghiệm điện tích	Bộ		7	7	Bổ sung mới	
22A.26	Thiết bị khảo sát nguồn điện	Bộ		7	7	Bổ sung mới	
22A.27	Thiết bị khảo sát nội năng	Bộ		7	7	Bổ sung mới	
22A.28	Thiết bị khảo sát truyền nhiệt lượng	Bộ		7	7	Bổ sung mới	
22A.29	Thiết bị đo nhiệt dung riêng	Bộ		7	7	Bổ sung mới	
22A.30	Thiết bị chứng minh định luật Boyle	Bộ		7	7	Bổ sung mới	
22A.31	Thiết bị chứng minh định luật Charles	Bộ		7	7	Bổ sung mới	
22A.32	Thiết bị tạo từ phổ	Bộ		7	7	Bổ sung mới	
22A.33	Thiết bị xác định hướng của lực từ	Bộ		7	7	Bổ sung mới	
22A.34	Thiết bị đo cảm ứng từ	Bộ		7	7	Bổ sung mới	
22A.35	Thiết bị cảm ứng điện từ	Bộ		7	7	Bổ sung mới	
22A.36	Thiết bị khảo sát đoạn mạch điện xoay chiều	Bộ		7	7	Bổ sung mới	
22A.37	Thiết bị khảo sát dòng điện qua diode	Bộ		7	7	Bổ sung mới	

TT	Danh mục máy móc, thiết bị	Đơn vị tính	Số lượng TCĐM(*) đã ban hành theo QĐ 951	Số lượng TCĐM(*) điều chỉnh tăng, giảm, bổ sung	Số lượng TCĐM(*) sau khi cập nhật điều chỉnh, bổ sung	Nội dung điều chỉnh, bổ sung so với TCĐM(*) đã ban hành theo QĐ 951	Ghi chú
(a)	(b)	(c)	(d)	(d)	(e)=(d)+(d)	(h)	(i)
22A.38	Thiết bị khảo sát dòng quang điện	Bộ		7	7	Bổ sung mới	
22A.39	Video biến dạng và đặc tính của lò xo	Bộ		1	1	Bổ sung mới	
22A.40	Bản đồ sao hoặc Phần mềm mô phỏng 3D	Bộ		1	1	Bổ sung mới	
22A.41	Phần mềm 3D mô phỏng hệ Mặt Trời	Bộ		1	1	Bổ sung mới	
22A.42	Phần mềm 3D mô phỏng Trái Đất, Mặt Trời, Mặt Trăng	Bộ		1	1	Bổ sung mới	
22A.43	Phần mềm 3D mô phỏng nhật, nguyệt thực, thủy triều.	Bộ		1	1	Bổ sung mới	
22A.44	Video/phần mềm 3D mô phỏng dao động	Bộ		1	1	Bổ sung mới	
22A.45	Video về hình ảnh sóng	Bộ		1	1	Bổ sung mới	
22A.46	Video về chuyển động của phân tử môi trường	Bộ		1	1	Bổ sung mới	
22A.47	Video về điện thế	Bộ		1	1	Bổ sung mới	
22A.48	Video/Phần mềm 3D về tụ điện trong cuộc sống	Bộ		1	1	Bổ sung mới	
22A.49	Video về cường độ dòng điện.	Bộ		1	1	Bổ sung mới	
22A.50	Phần mềm 3D mô phỏng cấu tạo của mạch điện	Bộ		1	1	Bổ sung mới	
22A.51	Video/Phần mềm 3D về trường hấp dẫn và thế hấp dẫn	Bộ		1	1	Bổ sung mới	
222B	PTH Hóa học	PTN Mới		x			PTN Mới (222B)
222B.1	Máy cất nước 1 lần	Cái		1	1	Bổ sung mới	
222B.2	Cân điện tử	Cái		2	2	Bổ sung mới	
222B.3	Tủ hút	Cái		1	1	Bổ sung mới	
222B.4	Tủ đựng hóa chất	Cái		1	1	Bổ sung mới	
222B.5	Máy chiếu (hoặc Màn hình hiển thị)	Cái		1	1	Bổ sung mới	
222B.6	Máy tính (để bàn hoặc xách tay)	Bộ		1	1	Bổ sung mới	
222B.7	Bộ thiết bị dạy học điện tử, mô phỏng môn Hóa học	Bộ		1	1	Bổ sung mới	
222B.8	Bộ dụng cụ đo các đại lượng không điện	Bộ		2	2	Bổ sung mới	
222B.9	Bảng tuần hoàn các nguyên tố hóa	Tờ		1	1	Bổ sung mới	
222B.10	Một số thao tác thí nghiệm hóa học	Bộ		1	1	Bổ sung mới	
222B.11	Bộ mô phỏng 3D	Bộ		1	1	Bổ sung mới	
222B.12	Thí nghiệm phản ứng nitro hoá benzene	Bộ		1	1	Bổ sung mới	
222B.13	Thí nghiệm phản ứng thủy phân ethyl bromide (hoặc ethyl chloride)	Bộ		1	1	Bổ sung mới	
222B.14	Thí nghiệm phản ứng điều chế ethyl acetate	Bộ		1	1	Bổ sung mới	
222B.15	Thí nghiệm phản ứng xà phòng hóa chất béo	Bộ		1	1	Bổ sung mới	
222B.16	Thí nghiệm phản ứng thủy phân cellulose	Bộ		1	1	Bổ sung mới	
222B.17	Thí nghiệm phản ứng thủy phân tinh Bột	Bộ		1	1	Bổ sung mới	
222B.18	Ống đong hình trụ 100ml	Cái		7	7	Bổ sung mới	
222B.19	Bình tam giác 100ml	Cái		7	7	Bổ sung mới	
222B.20	Cốc thủy tinh 250ml	Cái		7	7	Bổ sung mới	
222B.21	Cốc thủy tinh 100ml	Cái		7	7	Bổ sung mới	

TT	Danh mục máy móc, thiết bị	Đơn vị tính	Số lượng TCĐM(*) đã ban hành theo QĐ 951	Số lượng TCĐM(*) điều chỉnh tăng, giảm, bổ sung	Số lượng TCĐM(*) sau khi cập nhật điều chỉnh, bổ sung	Nội dung điều chỉnh, bổ sung so với TCĐM(*) đã ban hành theo QĐ 951	Ghi chú
(a)	(b)	(c)	(d)	(đ)	(e)=(d)+(đ)	(h)	(i)
222B.22	Cốc đốt	Cái		7	7	Bổ sung mới	
222B.23	Ống nghiệm	Cái		50	50	Bổ sung mới	
222B.24	Ống nghiệm có nhánh	Cái		20	20	Bổ sung mới	
222B.25	Lọ thủy tinh miệng hẹp kèm ống hút nhỏ giọt	Bộ		25	25	Bổ sung mới	
222B.26	Lọ thủy tinh miệng rộng	Cái		20	20	Bổ sung mới	
222B.27	Ống hút nhỏ giọt	Cái		20	20	Bổ sung mới	
222B.28	Ống dẫn thủy tinh các loại	Bộ		10	10	Bổ sung mới	
222B.29	Bình cầu không nhánh đáy tròn	Cái		7	7	Bổ sung mới	
222B.30	Bình cầu không nhánh đáy bằng	Cái		7	7	Bổ sung mới	
222B.31	Bình cầu có nhánh	Cái		7	7	Bổ sung mới	
222B.32	Phễu chiết hình quả lê	Cái		7	7	Bổ sung mới	
222B.33	Phễu lọc thủy tinh cuống dài	Cái		7	7	Bổ sung mới	
222B.34	Phễu lọc thủy tinh cuống ngắn	Cái		10	10	Bổ sung mới	
222B.35	Đũa thủy tinh	Cái		7	7	Bổ sung mới	
222B.36	Thìa xúc hoá chất	Cái		7	7	Bổ sung mới	
222B.37	Đèn cồn	Cái		7	7	Bổ sung mới	
222B.38	Bát sứ	Cái		7	7	Bổ sung mới	
222B.39	Miếng kính mỏng	Cái		7	7	Bổ sung mới	
222B.40	Bình Kíp tiêu chuẩn	Cái		2	2	Bổ sung mới	
222B.41	Bộ dụng cụ thí nghiệm phân tích thể tích	Bộ		7	7	Bổ sung mới	
222B.42	Kiềng 3 chân	Cái		7	7	Bổ sung mới	
222B.43	Lưới tản nhiệt	Cái		7	7	Bổ sung mới	
222B.44	Nút cao su không có lỗ các loại	Bộ		7	7	Bổ sung mới	
222B.45	Nút cao su có lỗ các loại	Bộ		7	7	Bổ sung mới	
222B.46	Ống dẫn	m		5	5	Bổ sung mới	
222B.47	Muỗng đốt hóa chất	Cái		7	7	Bổ sung mới	
222B.48	Kẹp đốt hóa chất cỡ lớn	Cái		7	7	Bổ sung mới	
222B.49	Kẹp đốt hóa chất cỡ nhỏ	Cái		7	7	Bổ sung mới	
222B.50	Kẹp ống nghiệm	Cái		14	14	Bổ sung mới	
222B.51	Chôi rửa ống nghiệm	Cái		14	14	Bổ sung mới	
222B.52	Panh gấp hóa chất	Cái		7	7	Bổ sung mới	
222B.53	Bình xịt tia nước	Cái		7	7	Bổ sung mới	
222B.54	Bộ giá thí nghiệm	Bộ		7	7	Bổ sung mới	
222B.55	Giá để ống nghiệm	Cái		14	14	Bổ sung mới	
222B.56	Khay mang dụng cụ và hóa chất	Cái		2	2	Bổ sung mới	
222B.57	Khay đựng dụng cụ, hóa chất	Cái		7	7	Bổ sung mới	
222B.58	Nhiệt kế rượu màu	Cái		7	7	Bổ sung mới	
222B.59	Giấy lọc	Hộp		2	2	Bổ sung mới	
222B.60	Giấy quỳ tím	Hộp		2	2	Bổ sung mới	
222B.61	Giấy pH	Tệp		2	2	Bổ sung mới	
222B.62	Giấy ráp	Tầm		7	7	Bổ sung mới	
222B.63	Dũa 3 cạnh	Cái		7	7	Bổ sung mới	
222B.64	Kéo cắt	Cái		7	7	Bổ sung mới	
222B.65	Chậu nhựa	Cái		7	7	Bổ sung mới	
222B.66	Áo khoác PTN	Cái		45	45	Bổ sung mới	
222B.67	Kính bảo vệ mắt không màu	Cái		45	45	Bổ sung mới	
222B.68	Kính bảo vệ mắt có màu	Cái		45	45	Bổ sung mới	
222B.69	Khẩu trang y tế	Hộp		3	3	Bổ sung mới	
222B.70	Găng tay cao su	Hộp		3	3	Bổ sung mới	
222B.71	Bình sục khí Drechsel	Cái		7	7	Bổ sung mới	
222B.72	Mặt kính đồng hồ	Cái		7	7	Bổ sung mới	
222B.73	Bộ thí nghiệm về nguồn điện hóa	Bộ		7	7	Bổ sung mới	
222B.74	Bộ điện phân dung dịch	Bộ		7	7	Bổ sung mới	

TT	Danh mục máy móc, thiết bị	Đơn vị tính	Số lượng TCĐM(*) đã ban hành theo QĐ 951	Số lượng TCĐM(*) điều chỉnh tăng, giảm, bổ sung	Số lượng TCĐM(*) sau khi cập nhật điều chỉnh, bổ sung	Nội dung điều chỉnh, bổ sung so với TCĐM(*) đã ban hành theo QĐ 951	Ghi chú
(a)	(b)	(c)	(d)	(đ)	(e) = (d) + (đ)	(h)	(i)
222C	PTH Sinh học	PTN Mới		x			PTN Mới (222C)
222C.1	Ống nghiệm	Ống		50	50	Bổ sung mới	
222C.2	Giá đỡ ống nghiệm	Cái		10	10	Bổ sung mới	
222C.3	Đèn cồn	Cái		7	7	Bổ sung mới	
222C.4	Cốc thủy tinh loại 250ml	Cái		7	7	Bổ sung mới	
222C.5	Chổi rửa ống nghiệm	Cái		7	7	Bổ sung mới	
222C.6	Kính hiển vi	Cái		7	7	Bổ sung mới	
222C.7	Dao cắt tiêu bản	Cái		7	7	Bổ sung mới	
222C.8	Ethanol 96°	ml		100	100	Bổ sung mới	
222C.9	Lam kính	Hộp		7	7	Bổ sung mới	
222C.10	Lamen	Hộp		7	7	Bổ sung mới	
222C.11	Kim mũi mác	Cái		7	7	Bổ sung mới	
222C.12	Cối, chày sứ	Cái		7	7	Bổ sung mới	
222C.13	Đĩa Petri	Cái		7	7	Bổ sung mới	
222C.14	Panh kẹp	Cái		7	7	Bổ sung mới	
222C.15	Pipet	Cái		7	7	Bổ sung mới	
222C.16	Đũa thủy tinh	Cái		14	14	Bổ sung mới	
222C.17	Giấy thấm	Cuộn		7	7	Bổ sung mới	
222C.18	Bộ đồ mổ	Bộ		7	7	Bổ sung mới	
222C.19	Video về kĩ thuật làm tiêu bản NST tạm thời ở châu chấu	Video		1	1	Bổ sung mới	
222C.20	Bình tia nước	Cái		5	5	Bổ sung mới	
222C.21	Pipet nhựa	Cái		15	15	Bổ sung mới	
222C.22	Đĩa đồng hồ	Cái		7	7	Bổ sung mới	
222C.23	Kẹp ống nghiệm	Cái		7	7	Bổ sung mới	
222C.24	Lọ kèm ống nhỏ giọt	Cái		7	7	Bổ sung mới	
222C.25	Lọ có nút nhám	Cái		7	7	Bổ sung mới	
222C.26	Quả bóp cao su	Cái		7	7	Bổ sung mới	
222C.27	Bút viết kính	Cái		7	7	Bổ sung mới	
222C.28	Cân kỹ thuật	Cái		2	2	Bổ sung mới	
222C.29	Găng tay cao su	Hộp		2	2	Bổ sung mới	
222C.30	Máy cất nước 1 lần	Bộ		1	1	Bổ sung mới	
222C.31	Tủ hút	Cái		1	1	Bổ sung mới	
222C.32	Tủ bảo quản kính hiển vi	Cái		1	1	Bổ sung mới	
222C.33	Tủ bảo quản hóa chất	Cái		1	1	Bổ sung mới	
222C.34	Cảm biến độ pH	Cái		7	7	Bổ sung mới	
222C.35	Cảm biến độ ẩm	Cái		7	7	Bổ sung mới	
222C.36	Bộ học liệu từ	Bộ		1	1	Bổ sung mới	
222C.37	Bộ thu nhận số liệu	Cái		1	1	Bổ sung mới	
222C.38	Các cấp độ tổ chức của thể giới	Tờ		1	1	Bổ sung mới	
222C.39	So sánh cấu trúc tế bào nhân sơ và tế bào nhân thực	Tờ		1	1	Bổ sung mới	
222C.40	Sự vận chuyển các chất qua màng sinh chất	Tờ		1	1	Bổ sung mới	
222C.41	Sơ đồ chu kì tế bào và nguyên phân	Tờ		1	1	Bổ sung mới	
222C.42	Sơ đồ quá trình giảm phân	Tờ		1	1	Bổ sung mới	
222C.43	Một số loại virus	Tờ		1	1	Bổ sung mới	
222C.44	Sơ đồ sự nhân lên của virus trong tế bào chủ	Tờ		1	1	Bổ sung mới	
222C.45	Trao đổi nước ở thực vật	Tờ		1	1	Bổ sung mới	
222C.46	Các hình thức tiêu hoá ở động vật	Tờ		1	1	Bổ sung mới	
222C.47	Các hình thức trao đổi khí	Tờ		1	1	Bổ sung mới	
222C.48	Sơ đồ các dạng hệ tuần hoàn	Tờ		1	1	Bổ sung mới	
222C.49	Sơ đồ cung phân xạ	Tờ		1	1	Bổ sung mới	

TT	Danh mục máy móc, thiết bị	Đơn vị tính	Số lượng TCĐM(*) đã ban hành theo QĐ 951	Số lượng TCĐM(*) điều chỉnh tăng, giảm, bổ sung	Số lượng TCĐM(*) sau khi cập nhật điều chỉnh, bổ sung	Nội dung điều chỉnh, bổ sung so với TCĐM(*) đã ban hành theo QĐ 951	Ghi chú
(a)	(b)	(c)	(d)	(đ)	(e)=(d)+(đ)	(h)	(i)
222C.50	Sơ đồ vòng đời sinh trưởng và phát triển ở động vật	Tờ		1	1	Bổ sung mới	
222C.51	Cơ chế tái bản DNA	Tờ		1	1	Bổ sung mới	
222C.52	Cơ chế phiên mã	Tờ		1	1	Bổ sung mới	
222C.53	Cơ chế dịch mã để tổng hợp protein	Tờ		1	1	Bổ sung mới	
222C.54	Cấu trúc siêu hiển vi của NST	Tờ		1	1	Bổ sung mới	
222C.55	Sơ đồ cây sự sống	Tờ		1	1	Bổ sung mới	
222C.56	Cấu tạo của tế bào động vật và tế bào thực vật	Bộ		1	1	Bổ sung mới	
222C.57	Cấu tạo của tim	Cái		1	1	Bổ sung mới	
222C.58	Mô hình cấu trúc DNA	Cái		1	1	Bổ sung mới	
222C.59	Bộ thí nghiệm xác định thành phần hóa học của tế bào	Bộ		7	7	Bổ sung mới	
222C.60	Bộ thí nghiệm quan sát cấu trúc tế bào	Bộ		7	7	Bổ sung mới	
222C.61	Bộ thí nghiệm làm tiêu bản về quá trình nguyên phân và giảm phân	Bộ		7	7	Bổ sung mới	
222C.62	Bộ thí nghiệm thực hành phương pháp nghiên cứu vi sinh vật và sản phẩm ứng dụng	Bộ		7	7	Bổ sung mới	
222C.63	Bộ thiết bị khảo sát một số dữ liệu khi trồng cây	Bộ		7	7	Bổ sung mới	
222C.64	Bộ thiết bị khảo sát định tính sự trao đổi nước ở cơ thể thực vật	Bộ		7	7	Bổ sung mới	
222C.65	Bộ thiết bị quan sát lục lạp và tách chiết các sắc tố trong lá cây	Bộ		7	7	Bổ sung mới	
222C.66	Bộ thiết bị thí nghiệm về sự hình thành tinh Bột	Bộ		7	7	Bổ sung mới	
222C.67	Bộ thiết bị đo oxygen trong quá trình quang hợp	Bộ		7	7	Bổ sung mới	
222C.68	Bộ thiết bị khảo sát khả năng hô hấp ở thực vật	Bộ		7	7	Bổ sung mới	
222C.69	Bộ thiết bị khảo sát các chỉ số của hệ tuần hoàn	Bộ		2	2	Bổ sung mới	
222C.70	Bộ thiết bị tìm hiểu cấu trúc và hoạt động của tim	Bộ		7	7	Bổ sung mới	
222C.71	Bộ thí nghiệm tách chiết DNA	Bộ		7	7	Bổ sung mới	
222C.72	Bộ thiết bị thí nghiệm làm tiêu bản quan sát đột biến trên tiêu bản cổ định và tạm thời	Bộ		7	7	Bổ sung mới	
222C.73	Bộ thiết bị khảo sát đặc trưng cơ bản của quần thể, quần xã	Bộ		7	7	Bổ sung mới	
222C.74	Bộ thiết bị đo chỉ tiêu môi trường trong hệ sinh thái	Bộ		7	7	Bổ sung mới	
222C.75	Bộ hóa chất xác định thành phần hóa học của tế bào	Bộ		1	1	Bổ sung mới	
222C.76	Bộ hóa chất làm tiêu bản, quan sát cấu trúc tế bào	Bộ		1	1	Bổ sung mới	
222C.77	Bộ hóa chất xác định ảnh hưởng của các yếu tố đến hoạt tính enzyme	Bộ		1	1	Bổ sung mới	
222C.78	Bộ hóa chất làm tiêu bản NST, quan sát nguyên phân, giảm phân	Bộ		1	1	Bổ sung mới	
222C.79	Bộ hóa chất thực hành phương pháp nghiên cứu vi sinh vật	Bộ		1	1	Bổ sung mới	

TT	Danh mục máy móc, thiết bị	Đơn vị tính	Số lượng TCĐM(*) đã ban hành theo QĐ 951	Số lượng TCĐM(*) điều chỉnh tăng, giảm, bổ sung	Số lượng TCĐM(*) sau khi cập nhật điều chỉnh, bổ sung	Nội dung điều chỉnh, bổ sung so với TCĐM(*) đã ban hành theo QĐ 951	Ghi chú
(a)	(b)	(c)	(d)	(đ)	(e)=(d)+(đ)	(h)	(i)
222C.80	Bộ hóa chất tách chiết sắc tố trong lá cây và sự hình thành tinh Bột.	Bộ		1	1	Bổ sung mới	
222C.81	NaCl 0.65%	ml		500	500	Bổ sung mới	
222C.82	Bộ hóa chất tách chiết DNA	Bộ		1	1	Bổ sung mới	
222C.83	Ethanol 96%	ml		100	100	Bổ sung mới	
222C.84	Quá trình truyền tin giữa các tế bào trong cơ thể.	Bộ		1	1	Bổ sung mới	
222C.85	Một số biểu hiện của cây do thiếu khoáng	Bộ		1	1	Bổ sung mới	
222C.86	Vận chuyển máu trong hệ mạch	Bộ		1	1	Bổ sung mới	
222C.87	Cân bằng nội môi	Bộ		1	1	Bổ sung mới	
222C.88	Truyền tin qua synapse	Bộ		1	1	Bổ sung mới	
222C.89	Phản xạ không điều kiện	Bộ		1	1	Bổ sung mới	
222C.90	Các giai đoạn phát triển của người	Bộ		1	1	Bổ sung mới	
222C.91	Quá trình sinh sản ở người	Bộ		1	1	Bổ sung mới	
222C.92	Quá trình sinh trưởng và phát triển ở động vật có biến thái	Bộ		1	1	Bổ sung mới	
222C.93	Một số tập tính ở động vật	Bộ		1	1	Bổ sung mới	
222C.94	Quá trình sinh sản ở thực vật có hoa	Bộ		1	1	Bổ sung mới	
222C.95	Phát triển ở thực vật có hoa	Bộ		1	1	Bổ sung mới	
222C.96	Thí nghiệm của Mendel	Bộ		1	1	Bổ sung mới	
222C.97	Thí nghiệm Morgan	Bộ		1	1	Bổ sung mới	
222C.98	Kĩ thuật làm tiêu bản NST tạm thời ở châu chấu	Bộ		1	1	Bổ sung mới	
222C.99	Các giai đoạn phát sinh loài người	Bộ		1	1	Bổ sung mới	
222C.100	Quá trình phát triển sinh vật qua các đại địa chất	Bộ		1	1	Bổ sung mới	
222C.101	Diễn thế sinh thái	Bộ		1	1	Bổ sung mới	
222C.102	Sự ẩm lên toàn cầu	Bộ		1	1	Bổ sung mới	
222C.103	Hướng dẫn thiết lập Hệ sinh thái	Bộ		1	1	Bổ sung mới	
222C.104	Sơ đồ quy trình nuôi cấy mô tế bào động vật	Tờ		1	1	Bổ sung mới	
222C.105	Sơ đồ quy trình sản xuất enzyme từ động vật, thực vật và vi sinh vật	Tờ		1	1	Bổ sung mới	
222C.106	Sơ đồ các bước tạo dòng DNA tái tổ hợp	Tờ		1	1	Bổ sung mới	
222C.107	Sơ đồ về quá trình phân giải các hợp chất trong xử lí môi trường bằng công nghệ vi sinh: phân giải hiếu khí, kỵ khí, lên men.	Tờ		1	1	Bổ sung mới	
222C.108	Sơ đồ mô hình thủy canh theo hướng phát triển nông nghiệp sạch	Tờ		1	1	Bổ sung mới	
222C.109	Sơ đồ quy trình công nghệ gene ở thực vật và động vật.	Tờ		1	1	Bổ sung mới	
222C.110	Bộ thiết bị khảo sát một số dữ liệu khi trồng cây	Bộ		7	7	Bổ sung mới	
222C.111	Phân bón hóa học	kg		15	15	Bổ sung mới	
222C.112	Video công nghệ tế bào thực vật (thành tựu, quy trình, triển vọng).	Bộ		1	1	Bổ sung mới	
222C.113	Video công nghệ tế bào động vật (thành tựu, quy trình, triển vọng).	Bộ		1	1	Bổ sung mới	
222C.114	Video về công nghệ tế bào gốc	Bộ		1	1	Bổ sung mới	
222C.115	Video về cơ sở khoa học và quy trình công nghệ sản xuất enzyme.	Bộ		1	1	Bổ sung mới	

TT	Danh mục máy móc, thiết bị	Đơn vị tính	Số lượng TCĐM(*) đã ban hành theo QĐ 951	Số lượng TCĐM(*) điều chỉnh tăng, giảm, bổ sung	Số lượng TCĐM(*) sau khi cập nhật điều chỉnh, bổ sung	Nội dung điều chỉnh, bổ sung so với TCĐM(*) đã ban hành theo QĐ 951	Ghi chú
(a)	(b)	(c)	(d)	(đ)	(e)=(d)+(đ)	(h)	(i)
222C.116	Video về công nghệ thu hồi khí sinh học	Bộ		1	1	Bổ sung mới	
222C.117	Video về công nghệ ứng dụng vi sinh vật trong xử lý môi trường (xử lý ô nhiễm môi trường đất, nước, chất thải rắn)	Bộ		1	1	Bổ sung mới	
222C.118	Video về biện pháp kỹ thuật sử dụng dinh dưỡng khoáng nhằm tạo nền nông nghiệp sạch.	Bộ		1	1	Bổ sung mới	
222C.119	Video về một số dịch bệnh phổ biến ở người (cúm, tả, sốt xuất huyết, AIDS, Covid-19...).	Bộ		1	1	Bổ sung mới	
222C.120	Video về nguyên nhân, tác hại, biện pháp phòng và điều trị ngộ độc thực phẩm.	Bộ		1	1	Bổ sung mới	
222C.121	Video về biện pháp đảm bảo an toàn thực phẩm.	Bộ		1	1	Bổ sung mới	
222C.122	Video về nguyên lý của phương pháp tách chiết ADN từ tế bào và nguyên tắc ứng dụng sinh học phân tử trong thực tiễn.	Bộ		1	1	Bổ sung mới	
222C.123	Video về quá trình ứng dụng công nghệ gene và triển vọng trong tương lai	Bộ		1	1	Bổ sung mới	
222C.124	Video về cơ sở, vai trò của một số biện pháp kiểm soát sinh học	Bộ		1	1	Bổ sung mới	
222C.125	Video về giá trị của sinh thái nhân văn trong việc phát triển bền vững ở một số lĩnh vực (nông nghiệp, phát triển đô thị, bảo tồn và phát triển, thích ứng với biến đổi khí hậu...)	Bộ		1	1	Bổ sung mới	
222C.126	PTH Anh văn			x			
222C.127	Đài đĩa CD	Chiếc		1	1	Bổ sung mới	
222C.128	Đầu đĩa	Chiếc		1	1	Bổ sung mới	
222C.129	Máy chiếu (hoặc Màn hình hiển thị)	Chiếc		1	1	Bổ sung mới	
222C.130	Bộ máy vi tính để bàn/hoặc máy tính xách tay	Chiếc		1	1	Bổ sung mới	
222C.131	Thiết bị âm thanh đa năng di động	Bộ		1	1	Bổ sung mới	
222C.132	Bộ học liệu điện tử	Bộ		1	1	Bổ sung mới	
222C.133	Máy chiếu đa năng hoặc Màn hình hiển thị	Chiếc		1	1	Bổ sung mới	
222C.134	Thiết bị âm thanh đa năng di động	Bộ		1	1	Bổ sung mới	
222C.135	Bộ học liệu điện tử	Bộ		1	1	Bổ sung mới	
222C.136	Thiết bị học ngoại ngữ cho học sinh	Bộ		45	45	Bổ sung mới	
222C.137	Thiết bị dạy ngoại ngữ cho giáo viên			1	1	Bổ sung mới	
222C.138	Bộ máy vi tính để bàn/hoặc máy tính xách tay	Bộ		1	1	Bổ sung mới	
222C.139	Khối thiết bị điều khiển của giáo viên	Bộ		1	1	Bổ sung mới	
222C.140	Thiết bị dạy cho giáo viên	Bộ		1	1	Bổ sung mới	
222C.141	Thiết bị cho học sinh	Bộ		45	45	Bổ sung mới	
222C.142	Máy chiếu đa năng hoặc Màn hình hiển thị	Chiếc		1	1	Bổ sung mới	
222C.143	Thiết bị âm thanh đa năng di động	Bộ		1	1	Bổ sung mới	
222C.144	Bộ học liệu điện tử	Bộ		1	1	Bổ sung mới	

TT	Danh mục máy móc, thiết bị	Đơn vị tính	Số lượng TCĐM(*) đã ban hành theo QĐ 951	Số lượng TCĐM(*) điều chỉnh tăng, giảm, bổ sung	Số lượng TCĐM(*) sau khi cập nhật điều chỉnh, bổ sung	Nội dung điều chỉnh, bổ sung so với TCĐM(*) đã ban hành theo QĐ 951	Ghi chú
(a)	(b)	(c)	(d)	(đ)	(e)=(d)+(đ)	(h)	(i)
XVI	Trung tâm Chuyển đổi số và Truyền thông (Trung tâm Thông tin và Quản trị mạng)			x			
223	PTH máy tính và Trung tâm dữ liệu			x			
223.13	Máy chủ phiên	Cái	16	8	24	Tăng thêm 08	
223.38	Thiết bị lưu trữ	Cái	8	4	12	Tăng thêm 04	
223.39	Thiết bị lưu trữ dự phòng	Cái	4	2	6	Tăng thêm 02	
B223.43	Khung máy chủ (chassis)	Cái		3	3	Bổ sung mới	
223A	Bộ phận Thông tin Truyền thông	Phòng Mới		x			Phòng Mới (223A)
223A.1	Máy quay phim	Cái		4	4	Bổ sung mới	
223A.2	Máy chụp hình KTS	Cái		4	4	Bổ sung mới	
223A.3	Flycam	Cái		1	1	Bổ sung mới	
223A.4	Thiết bị chống rung cho máy ảnh, máy quay (gimbal)	Cái		2	2	Bổ sung mới	
223A.5	Máy tính chuyên dụng (dùng phim)	Bộ		2	2	Bổ sung mới	
223A.6	Máy in màu	Cái		1	1	Bổ sung mới	
223A.7	Đèn Tally dùng để hỗ trợ livestream	Bộ		1	1	Bổ sung mới	
223A.8	Máy ghi âm	Cái		3	3	Bổ sung mới	
223A.9	Tripod máy quay phim	Cái		8	8	Bổ sung mới	
223A.10	Đèn LED cầm tay	Cái		2	2	Bổ sung mới	
223A.11	Thiết bị chuyển đổi hình ảnh CAMLINK	Cái		3	3	Bổ sung mới	
223A.12	Bộ Mic thu âm	Bộ		2	2	Bổ sung mới	
223A.13	Công chuyển đổi	Cái		2	2	Bổ sung mới	
223A.14	Bộ truyền hình ảnh không dây	Bộ		4	4	Bổ sung mới	
223A.15	Ống kính Sigma 70-200mm f2.8 DG DN	Cái		1	1	Bổ sung mới	
223B	Hệ thống mạng Trường	HT Mới		x			HT Mới (223B)
223B.1	Hệ thống cáp quang	m		20000	20000	Bổ sung mới	
223B.2	Distribution switch	Cái		80	80	Bổ sung mới	
223B.3	Access switch	Cái		500	500	Bổ sung mới	
223B.4	Access point	Cái		1500	1500	Bổ sung mới	
223B.5	UPS	Cái		80	80	Bổ sung mới	
223B.6	Tủ rack	Cái		80	80	Bổ sung mới	
XVIII	Khoa Khoa học chính trị, xã hội và nhân văn (Khoa Khoa học xã hội và Nhân văn)			x			
225	PTH máy tính			x			
225.6	Máy vi tính để bàn	Bộ	42	1	43	Tăng thêm 01	
B225.8	Hệ thống âm thanh	Hệ thống		1	1	Bổ sung mới	
225A	PTH thư viện	PTH Mới		x			PTH Mới (225A)
225A.1	Máy vi tính để bàn	Bộ		4	4	Bổ sung mới	
225A.2	Máy điều hòa nhiệt độ	Bộ		1	1	Bổ sung mới	
225A.3	Tivi từ 65 inches trở lên	Cái		1	1	Bổ sung mới	
225A.4	Máy quét mã vạch	Cái		1	1	Bổ sung mới	
225B	PTH nghiệp vụ du lịch	PTH Mới		x			PTH Mới (225B)
225B.1	Máy điều hòa nhiệt độ	Bộ		1	1	Bổ sung mới	
225B.2	Máy vi tính để bàn	Bộ		2	2	Bổ sung mới	
225B.3	Bộ thiết bị họp trực tuyến	Bộ		1	1	Bổ sung mới	
225B.4	Hệ thống âm thanh hội nghị	Hệ thống		1	1	Bổ sung mới	
225B.5	Hệ thống âm thanh di động	Hệ thống		3	3	Bổ sung mới	
225B.6	Màn hình tương tác	Cái		1	1	Bổ sung mới	

TT	Danh mục máy móc, thiết bị	Đơn vị tính	Số lượng TCĐM(*) đã ban hành theo QĐ 951	Số lượng TCĐM(*) điều chỉnh tăng, giảm, bổ sung	Số lượng TCĐM(*) sau khi cập nhật điều chỉnh, bổ sung	Nội dung điều chỉnh, bổ sung so với TCĐM(*) đã ban hành theo QĐ 951	Ghi chú
(a)	(b)	(c)	(d)	(đ)	(e)=(d)+(đ)	(h)	(i)
225B.7	Tivi từ 65 inch trở lên	Cái		1	1	Bổ sung mới	
225B.8	Máy chiếu	Cái		1	1	Bổ sung mới	
225B.9	Máy quay phim kỹ thuật số	Cái		1	1	Bổ sung mới	
225B.10	Quầy lễ tân	Cái		1	1	Bổ sung mới	
225B.11	Tủ quầy bar	Cái		1	1	Bổ sung mới	
225B.12	Tủ bếp	Cái		1	1	Bổ sung mới	
225B.13	Tủ lạnh	Cái		1	1	Bổ sung mới	
225B.14	Máy quét CCCD check-in khách sạn	Cái		1	1	Bổ sung mới	
225B.15	Bộ đàm chuyên dụng nhà hàng khách sạn	Cái		3	3	Bổ sung mới	
225B.16	Xe khách mô hình thực hành hướng dẫn trên xe (xe hết niên hạn)	Chiếc		1	1	Bổ sung mới	
225C	Phòng TH báo chí và chuyên đề	PTH Mới		x			PTH Mới (225C)
225C.1	Máy điều hòa nhiệt độ	Bộ		1	1	Bổ sung mới	
225C.2	Bộ bàn ghế talkshow cỡ nhỏ	Bộ		1	1	Bổ sung mới	
225C.3	Tivi từ 65 inchs trở lên	Cái		2	2	Bổ sung mới	
225C.4	Bộ thiết bị họp trực tuyến	Bộ		1	1	Bổ sung mới	
225C.5	Bộ đèn và phụ kiện trường quay (Đèn các loại, chân máy quay, chân đèn, chân mic giá treo phòng màn....)	Bộ		1	1	Bổ sung mới	
225C.6	Hệ thống âm thanh phim trường	Hệ thống		1	1	Bổ sung mới	
225C.7	Hệ thống âm thanh kiểm âm dựng phim	Hệ thống		1	1	Bổ sung mới	
225C.8	Máy ảnh kỹ thuật số + ống kính	Cái		2	2	Bổ sung mới	
225C.9	Máy quay phim kỹ thuật số	Cái		2	2	Bổ sung mới	
225C.10	Thiết bị chống run máy ảnh, máy quay phim	Cái		2	2	Bổ sung mới	
225C.11	Máy vi tính dựng phim	Bộ		1	1	Bổ sung mới	
225C.12	Máy vi tính điều hành phim trường	Bộ		1	1	Bổ sung mới	
225C.13	Tai nghe phòng thu	Cái		2	2	Bổ sung mới	
225C.14	Microphone chuyên dụng cho phim trường	Cái		2	2	Bổ sung mới	
225C.15	Bàn trộn âm thanh (Mixer audio)	Cái		1	1	Bổ sung mới	
225C.16	Bàn trộn hình ảnh (Mixer video)	Cái		1	1	Bổ sung mới	
225C.17	Bộ đàm chuyên dụng cho phim trường	Cái		3	3	Bổ sung mới	
225C.18	Máy ghi âm chuyên dụng báo chí	Cái		2	2	Bổ sung mới	
225C.19	Microphone chuyên dụng cho phỏng vấn báo chí	Cái		2	2	Bổ sung mới	
225C.20	Ổ đĩa cứng di động dạng ssd dung lượng từ 3TB trở lên	Cái		2	2	Bổ sung mới	
XX	Trung tâm Đào tạo liên tục (Trung tâm Liên kết đào tạo)			x			
227	Phòng Multimedia (Studio), TT. Liên kết Đào tạo			x			
227.6	Ghế	Cái	3	2	5	Tăng thêm 02	
227.7	Giá tivi chân cao di động	Cái	2	2	4	Tăng thêm 02	
227.11	Máy tính để bàn	Bộ	3	3	6	Tăng thêm 03	
227.14	Tivi từ 65 inchs trở lên	Cái	2	2	4	Tăng thêm 02	

TT	Danh mục máy móc, thiết bị	Đơn vị tính	Số lượng TCĐM(*) đã ban hành theo QĐ 951	Số lượng TCĐM(*) điều chỉnh tăng, giảm, bổ sung	Số lượng TCĐM(*) sau khi cập nhật điều chỉnh, bổ sung	Nội dung điều chỉnh, bổ sung so với TCĐM(*) đã ban hành theo QĐ 951	Ghi chú
(a)	(b)	(c)	(d)	(đ)	(e)=(d)+(đ)	(h)	(i)
B227.17	Máy tính xách tay	Cái		2	2	Bổ sung mới	
B227.18	Máy điều hòa	Bộ		2	2	Bổ sung mới	
B227.19	Máy in	Cái		1	1	Bổ sung mới	
227A	Phòng dạy trực tuyến	Phòng Mới		x			Phòng Mới (227A)
227A.1	Máy tính bảng	Bộ		4	4	Bổ sung mới	
227A.2	Máy tính để bàn	Bộ		20	20	Bổ sung mới	
227A.3	Máy tính xách tay	Cái		6	6	Bổ sung mới	
227A.4	Máy điều hòa nhiệt độ	Bộ		2	2	Bổ sung mới	
229	PTH Máy tính Khoa Dự bị Dân	PTH Mới		x			PTH Mới (229)
229.1	Máy điều hòa nhiệt độ	Bộ		3	3	Bổ sung mới	
229.2	Máy tính để bàn	Bộ		41	41	Bổ sung mới	
229.3	Máy chiếu	Cái		1	1	Bổ sung mới	
229.4	Màn chiếu	Cái		1	1	Bổ sung mới	
229.5	Thiết bị mạng (wicth 24 cổng Gigabit)	Cái		2	2	Bổ sung mới	
230	Thao trường Trung tâm Giáo dục quốc phòng và An ninh	Mới		x			Mới (230)
230.1	Máy bắn tập: MBT-03; TBS-19/AK; HLAk-20	Bộ		10	10	Bổ sung mới	
230.2	Thiết bị tạo tiếng nổ và lực giật cho máy bắn tập	Bộ		10	10	Bổ sung mới	
230.3	Thiết bị theo dõi đường ngắm RDS-07	Bộ		10	10	Bổ sung mới	
230.4	Mô hình thiết giáp	Mô hình		1	1	Bổ sung mới	
230.5	Mô hình xe tăng	Mô hình		1	1	Bổ sung mới	

Ghi chú:

- **QĐ 951:** Quyết định số 951/QĐ-ĐHCT ngày 22 tháng 3 năm 2024 của Hiệu trưởng Trường Đại học Cần Thơ Ban hành tiêu chuẩn, định mức sử dụng máy móc, thiết bị chuyên dùng thuộc lĩnh vực giáo dục và đào tạo tại Trường Đại học Cần Thơ;
- **TCĐM(*):** Tiêu chuẩn, định mức sử dụng máy móc, thiết bị chuyên dùng;
- **Tại cột STT (cột (a)):** Với quy ước đề xuất những hạng mục máy móc, thiết bị có ký từ "B" đầu tiên là hạng mục bổ sung mới so với TCĐM(*) đã được ban hành tại QĐ 951./.